

Tạp chí

SÔNG LAM

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

Số 28 (tháng 10/2022)

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 28 (THÁNG 10 / 2022)





Thiếu nữ (bột màu) - TRỌNG HIỆP



Ký ức Trương Bồn (tổng hợp) - CAO THẾ LỊCH



Ký ức quê (acrylic) - TẠ TÂM



Hạnh phúc (lụa) - CAO THẾ LỊCH



Nét xưa (sơn dầu) - ĐẬU QUANG TOÀN



Rừng kêu cứu (độc bản) - ĐÌNH TRUYỀN

Sông Lam

Số 28 (Tháng 10 / 2022)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Phó tổng Biên tập:
ĐÀO THỊ THUỖ HOA
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

- Tòa soạn:

Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: tapchisonglam.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
149/GP-BTTTT ngày 22/3/2022.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số đặt mua tạp chí
Sông Lam
qua bưu điện: B 18.2

Giá: 30.000 đ

MỤC LỤC

■ THỜI LUẬN	
TRANG ĐOÀN	Bình đẳng giới phải xuất phát từ thay đổi nhận thức của chính phái nữ 3
■ NHÂN VẬT & ĐỐI THOẠI	
	Nhà văn Trầm Hương: suốt đời chỉ phấn đấu cho sự giản dị, trong sáng trên trang viết 7
■ Ý KIẾN - GÓC NHÌN	
VƯƠNG CƯỜNG	Nhà thơ thứ 101 11
■ CHÂN DUNG & TÁC PHẨM	
VÕ VĂN VINH	Năm ngày với nhà thơ Thạch Quỳ 14
■ KÝ	
HỒ ANH THÁI	Đi rất xa và đi rất lâu 25
ĐÀM QUỲNH NGỌC	Đất không phụ người có "nhân" 30
VĂN HIẾN	Ăn của rừng... rừng rừng nước mắt 33
■ TRUYỆN NGẮN	
VÕ HỒNG THU	Cô đơn trong vòng ôm của anh 36
TRẦN KHOA VÂN	Người bán mặt nạ 40
HÀ NGUYỄN	Vá tim 43
■ THƠ - NHẠC	
	BACH DIỆP: Chắp nhận (tr.51) • TRẦN NAM PHONG: Đi qua tháng Mười (tr.51) • ĐÀM CHU VÂN: Nghi bên pho tượng mẹ Suốt ở thành phố Đồng Hới - Đất quê quan họ (tr.52) • ĐÌNH HÀ: Mẹ chào thành phố về quê (tr.53) • HOA MAI: Cát (tr.53) • ĐỖ ĐOÀN PHƯƠNG: Những con cá vàng - Cá vàng (tr.54) • LÊ NHI: Thoát xác (tr.55) • LÊ GIA HOÀI: Với em ngày thu về (tr.55) • LÊ NGUYỆT: Tháng Mười (tr.56) • QUANG THIÊN PHÚ: Tình quê (tr.56) • LÊ QUỐC HÂN: Hai mặt trời - Xín (tr.57) • NGUYỄN QUỲNH NGA: Không để - Giao mùa (tr.58) • PHẠM BẢ THÁI TÂM: Có một tháng Mười... (tr.58) • TRẦN NHƯÔNG: Nha Trang - Tình bằng (tr.59) • VŨ AN: Làng (tr.60) • VÕ QUANG DIỆM: Hồn quê - Về quê - Gọi mẹ (tr.61) • PHAN THANH CHUÔNG - VÕ THANH AN: Cây tre làng Việt (tr.63) • QUẾ THƯƠNG - ĐÌNH VĂN NHẬT MINH: Sông Hoàng Mai quê tôi (tr.64)
■ TẢN VẤN	
CHUNG TIẾN LỰC	Cánh chim trên đảo Sơn Ca 65
TRẦN THỊ HỒNG ANH	Sập gỗ 67
■ ĐẤT NGHỆ NGƯỜI NGHỆ	
PHỐ ĐỨC THÀNH	Phủ Quỳ, phủ Tương du ký 69
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM	
	TRẦN NGỌC CẢNH: Đêm rước đèn (tr.78) • NGUYỄN THỊ QUỲNH SEN: Mùa thu (tr.78) • NGUYỄN QUANG SANG: Rước đèn sao (tr.79) • HOÀNG DUY HỢI: Chơi trò đuổi bắt (tr.79)
■ ĐỌC VÀ NGẮM	
PHƯƠNG VIỆT	Tay phải được làm tay phải 80

■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH

PHẠM TUẤN VŨ	Thiên tính nữ và cá tính sáng tạo trong thơ Nôm của Hồ Xuân Hương - nhìn từ nghệ thuật dụng điển	81
LÊ ĐÌNH HÒA	Ấn số ngôn từ trong tập thơ "Tìm trầm"	86

■ TRAO ĐỔI

ĐẶNG TIÊU	Vẻ đẹp trong nghệ thuật	91
-----------	-------------------------------	----

■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

DALYANE DEBLOIS	Các loại phép thuật khác nhau	94
HỒ LONG	Annie Ernaux - nữ nhà văn đoạt giải Nobel Văn học	98

■ MỸ THUẬT: ĐÌNH TRUYỀN, HẢI THỌ, HỒ THIẾT TRINH, HỮU TUẤN, HỒ HUY HÙNG, THÁI VĂN AN, HỌC HÀ, THẢO CHI, QUỲNH LÂM, TRƯỜNG HÙNG

■ ẢNH: XUÂN THỦY, QUỐC KHÁNH, CƯỜNG HOÀNG, HOÀNG NGUYỄN, PHẠM BÌNH, NHẬT THANH, HOÀNG TUẤN

■ BÌA 1: HỒ THIẾT TRINH: **Điều mưa** (acrylic) • BÌA 2: TẠ TÂM, ĐÌNH TRUYỀN, ĐẬU QUANG TOÀN, CAO THẾ LỊCH, TRỌNG HIỆP • BÌA 3: QUỐC ĐÀN, NGUYỄN ĐẠO, PHAN TẮT LÀNH • BÌA 4: NHẬT THANH, QUANG DŨNG, THANH HẢI, CHU TRỌNG TUẤN, THANH YẾN.

Thư Sông Lam

Vừa heo may đó, đã lại gió bắc về. Vừa nắng mịn như có tơ giăng đó, đã lại ẩm ào bão lũ... Tất cả đã chọn tháng Mười để trú ẩn, để nhắc nhở con người về những chuyển xoay, về những - gì - không - vĩnh - cửu, về ranh giới tưởng như không ranh giới của mong manh và dữ dội...

Đầu tháng Mười, đất Nghệ đã trải qua mấy cơn lũ dữ. Đã có những mất mát không gì bù đắp, là mẹ mất con, là vợ mất chồng, là con mất cha mẹ. Gương mặt những đứa trẻ mồ côi thất thần trong căn nhà, chưa kịp tin bố mẹ chúng chở nhau đi khám bệnh rồi vĩnh viễn không còn được thở nữa chỉ vì con nước lớn đã cuốn cả hai đi. Lời chia tay đầy xót thương của người mẹ trẻ: Công chúa của mẹ ngủ ngon nhé! Cô công chúa yêu thương là cả thế giới của người mẹ ấy mới hôm qua hôm kia còn tròn xoe đôi mắt ngồi đợi sau lưng mẹ, theo mẹ đi chợ, lên nương... dù em mới 4 tháng tuổi. Rồi cơn lũ đã ập vào căn nhà bé nhỏ ấy và cướp em đi...

Bao nhiêu người làm ăn ki cốp cả đời bỗng nhiên thành tay trắng. Bao nhiêu người đành dậm chân chịu để có được mái nhà che chở nắng mưa bỗng nhiên màn trời chiếu đất. Bao nhiêu người đã bàng hoàng khi tất cả bỗng dừng như tuột khỏi tay mình, cay đắng nhìn mồ hôi công sức của mình bị phủ lấp. Nào núi đồi, làng mạc, nào đồng ruộng, vườn cây, đường đi...

Nhưng những ngày tháng này cũng ghi dấu tình người ấm áp khi ngàn bước chân, vạn tấm lòng đã đến cùng bản làng xác xơ sau lũ. Những mái nhà mới dựng, những cây cầu mới bắc, những mầm cây lại xanh lên trên lớp đất bùn quánh đỏ... Mất mát lại nhường chỗ cho hy vọng. Và dù thế nào thì sự sống vẫn là điều đẹp đẽ nhất.

Cũng như tấm lòng của mẹ, mẹ luôn tin "còn da lông mọc, còn chồi nảy cây", mẹ tin ở phù sa sẽ ấm lại mùa màng...

Tháng Mười nhắc về những điều không vĩnh cửu, nhưng có những điều ta biết rằng nó đã vĩnh cửu trong ta, ấy là niềm tin vào điều tốt đẹp, niềm tin ở lòng mẹ!

Tạp chí Sông Lam xin được đồng hành với tháng Mười cùng niềm tin ấy!

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

Bình đẳng giới phải xuất phát từ thay đổi nhận thức của chính phái nữ

TRANG ĐOAN

Trái qua hàng thế kỷ đấu tranh đầy nước mắt, đến nay, đây đó trên thế giới vẫn còn rất nhiều trẻ em gái, phụ nữ phải chịu đựng sự bất công. Những giọt nước mắt, nỗi bất hạnh, khổ đau do bạo lực, quấy rối tình dục, miệt thị ngoại hình,... vẫn còn đó như một nỗi ám ảnh. Các nhà hoạt động nữ quyền, các tổ chức bảo vệ phụ nữ đã và đang không ngừng nỗ lực để cải thiện tình hình nhưng mọi cố gắng, mọi đòi hỏi sự tôn trọng từ phái khác sẽ trở nên vô nghĩa nếu mỗi phụ nữ và trẻ em gái không được giáo dục và thức tỉnh giá trị của bản thân.

So với không ít quốc gia khác, nơi phụ nữ phải chịu đựng rất nhiều những bất công, thiệt thòi ngoài xã hội, trong gia đình; nơi thân phận của phụ nữ và trẻ em gái bị rẻ rúng và phụ thuộc; nơi những nhu cầu cơ bản về sức khỏe, danh dự của phụ nữ không được đáp ứng thì Việt Nam là một quốc gia đạt được thành tựu khá tốt trong đấu tranh bình đẳng cho nữ giới. Tuy nhiên, hiện nay, dường như chúng ta đang quá tập trung vào việc đòi hỏi xã hội, nam giới phải đối xử công bằng với nữ giới trong khi quên đi một việc quan trọng không kém là cần thay đổi tư duy, suy nghĩ của chính phái nữ. Muốn đạt được bình đẳng, muốn trao quyền và khẳng định giá trị của nữ giới thì trước hết chính họ phải tự nhận thức ra giá trị của mình.

Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama từng viết: *“Tất cả chúng ta vẫn còn bị “đóng hộp” trong những khuôn mẫu về cách ứng xử giữa đàn ông và phụ nữ. [...] Định kiến về giới tính như lưỡi dao vô hình khắc sâu vào tâm hồn các bé gái từ khi còn rất trẻ, khiến chúng cảm thấy, mình sẽ bị thua kém nếu không có ngoại hình cũng như hành xử theo một chuẩn mực nào đó”*. Quả thực những khuôn mẫu, giá trị văn hóa nhiều khi lại là trở lực cho quá trình tiến đến bình đẳng giới. Các bé gái và phụ nữ Việt hiện nay vẫn đang sống trong một môi trường mà ở đó họ được giáo dục khá nhiều khuôn mẫu liên quan đến giới tính. Điều đó vô hình trung hình thành trong tính cách, nhận thức của phái nữ một ý thức về giới hạn của bản thân. Họ nghiêm nhiên chấp nhận những bất bình đẳng mà không hề cho đó là bất công, trái lại, đó được coi là điều tốt nên làm. Hãy tự hỏi xem có phải bạn, người thân/quen của bạn vẫn thường dạy con mình theo những chuẩn mực dựa trên giới tính hay không? Có phải, trong xã hội hiện nay người ta vẫn dạy là nữ thì phải ăn nói hiền thực, phải duyên dáng, ý tứ, tinh tế và biết làm hầu hết việc nhà? Là nữ thì không nên quá cá tính, không nên tham gia các hoạt động mạo hiểm, phiêu lưu, không cần phải phấn đấu quá nhiều cho sự nghiệp;...? Một cô gái được xem là tốt trước hết phải siêng năng, chu toàn lo lắng cho gia đình. Một cô gái không giỏi nội trợ, không sớm lập gia đình, không khéo léo trong chăm con thì sẽ chẳng là gì cả dù cho sự nghiệp có thành công đến đâu.... Trải qua hàng nghìn năm phong kiến; trải qua một lịch sử với nhiều chiến tranh, mất mát, người Việt luôn đề cao đức tính hy sinh của phụ nữ. Tuy nhiên, đến hôm nay, khi xã hội đã có nhiều thay đổi thì việc tiếp tục giáo dục các bé gái phải đề cao và tiếp tục xem sự hy sinh là chuẩn mực có còn hợp lý hay không? Tại sao là phụ nữ thì phải nhẫn nhịn, phải chịu đựng thiệt thòi? Chính những suy nghĩ này đã khiến rất nhiều phụ nữ cắn răng chịu đựng bạo lực gia đình; nhiều phụ nữ ngậm đắng nuốt cay không dám lên tiếng trước những hành vi quấy rối tình dục...

Không phủ nhận rằng, mỗi giới tính có những đặc trưng riêng về tâm sinh lý; có những yếu tố khác nhau để tạo nên sự hấp dẫn hay thành công. Không phủ nhận rằng mỗi người sinh ra đều cần học và giữ những chuẩn mực đạo đức cơ bản. Tuy nhiên, sẽ thực sự vô lý nếu chúng ta cứ gán phái nữ với những chuẩn mực riêng, giới hạn họ trong những phạm vi riêng và bất biến theo thời gian. Trong khi đó cuộc sống thì không ngừng vận động và chẳng có giá trị nào là đóng băng mãi cả. Yuval Noah Harari cũng đã viết trong cuốn *Lược sử loài người* rằng: *“Sau khi xuất hiện, các nền văn hóa không bao giờ ngừng thay đổi và phát triển, và chúng ta gọi những thay đổi không thể ngăn cản được là ‘lịch sử’”*. Quả thực, chúng ta không thể cứ ôm khư khư những giá trị quá khứ chẳng còn phù hợp để làm chuẩn mực soi chiếu hiện tại. Bởi thế mà Điều 5, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đã chỉ rõ cần: *“Sửa đổi khuôn mẫu văn hóa, xã hội về hành vi của nam giới và nữ giới nhằm xóa bỏ các thành kiến, phong tục tập quán và các thói quen khác dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ;”*

Ngày nay, phụ nữ và trẻ em gái cần được giáo dục những kiến thức mới, những hiểu biết mới về giới; cần được khơi dậy trí tuệ, bản lĩnh để có thể làm chủ cuộc đời và sẵn sàng hội nhập quốc tế. *“Đã qua rồi cái thời phụ nữ lấy chồng để dựa dẫm hay đảm bảo một cuộc sống ổn định. Ngày nay, phụ nữ dù kết hôn hay chưa, họ vẫn luôn độc lập về tài chính. [...] Nên bỏ ngay suy nghĩ, cứ con gái là phải dịu dàng, hiền thực, còn con trai phải mạnh mẽ, quyết đoán cũng như từ bỏ suy nghĩ “phụ nữ là phần thưởng cho đàn ông”. Chúng ta cần thay đổi thái độ về sự xuất hiện của người phụ nữ, cũng như “dạy” những người đàn ông, không cảm thấy kém cỏi khi phụ nữ thành công hơn mình. Chúng ta cần thay đổi thái độ thiên vị, khen ngợi một người cha biết thay tã cho con, nhưng lại chỉ trích người mẹ đang phải vật lộn nơi công sở.”*^[1] Lời phát biểu từng gây chấn động ấy của cựu Tổng thống Mỹ B.Obama có lẽ đã đang và sẽ xoáy sâu vào mỗi người, đặc biệt là những người quan tâm, đấu tranh cho bình đẳng giới. Đúng vậy, làm sao có thể thay đổi tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái khi chúng ta ngày ngày vẫn gieo vào đầu trẻ các bài học, những thước phim, quảng cáo về hình ảnh phụ nữ chuẩn mực luôn gắn với công việc gia đình, bếp núc! Làm sao tìm kiếm được sự bình đẳng khi chính những người làm trong các tổ chức đại diện cho nữ quyền vẫn duy trì suy nghĩ phụ nữ phải gắn với những khuôn mẫu nào đó như đảm đang, trung hậu, biết hy sinh! Nếu ta chưa thay đổi được nhận thức cho nữ giới, chưa để họ nhận ra giá trị của mình, chưa giúp họ phá bỏ những rào cản trong tư duy thì tất cả những hoạt động kêu gọi bình đẳng khác đều là vô giá trị.

Chính vì lẽ đó, việc cần làm hiện nay là làm sao để các bà mẹ không buộc con gái mình phải học những khuôn mẫu, chuẩn mực riêng cho phái nữ; làm sao để những bé gái không có mặc cảm về sự yếu đuối trong giới tính; làm sao để những nữ nhân viên không tự thấy an phận với những vị trí thấp và những người vợ không thấy hy sinh và cam chịu là bốn phận của mình. Chúng ta phải làm sao để những người phụ nữ không còn miệt thị nhau về ngoại hình; làm sao để họ biết đề cao giá trị bản thân, đòi hỏi được tôn trọng. Đặc biệt, những người phụ nữ phải biết lên tiếng cho nhau, bảo vệ nhau trước các hành vi quấy rối tình dục, bạo hành gia đình, bắt nạt nơi công sở,... Thật đáng buồn khi ngày nay, lên các trang mạng xã hội, trong mọi câu chuyện chưa rõ đúng sai, thậm chí trong những câu chuyện người phụ nữ bị hại phải lấy hết can đảm để tố cáo, thì vẫn có rất nhiều người thuộc phái yếu lên tiếng mỉa mai, quy kết họ. Chúng ta có thể đòi hỏi được nam giới tôn trọng chẳng khi mà chính chúng ta còn chưa trân trọng những giá trị của phái mình; khi ta vô tình dung túng cho những hành vi chà đạp lên giá trị của người phụ nữ? Trước khi trông chờ sự giúp đỡ từ người khác, chúng ta phải biết cách để tự cứu lấy mình. Trước khi chờ đợi nam giới cư xử đúng mực, phụ nữ phải tự ý thức được những quyền lợi và giá trị của bản thân.

Tất nhiên, không phải một sớm một chiều có thể làm được những điều đó. Nó cần một quá trình bởi thay đổi nhận thức, tư duy và sự chi phối của phong tục, tập quán vốn là điều chưa bao giờ dễ dàng. Trong cuộc đấu tranh dài hơi này, giáo dục và truyền thông đóng một vai trò rất quan trọng. Đã đến lúc các nhà

trường cần quan tâm hơn đến việc giáo dục giới tính và thay đổi cách thức giáo dục về những chuẩn mực dựa trên giới tính như trước đây. Các cơ quan báo chí, người làm truyền thông cũng cần tiếp cận, cập nhật các kiến thức về giới nhiều hơn để nhận thức một cách đúng đắn và đầy đủ nhất về bình đẳng giới trước khi đưa các sản phẩm của mình đến với công chúng. Báo chí phải sát cánh cùng các tổ chức, hiệp hội bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái để nhanh chóng truyền tải thông điệp, lan tỏa thông tin tích cực đến người đọc. Hành động sẽ thay đổi khi nhận thức thay đổi. Muốn có được những bước tiến tích cực hơn trong bình đẳng giới, muốn giải quyết tận gốc các vấn đề tồn tại hiện nay thì cách duy nhất là tác động, thay đổi nhận thức của xã hội nói chung và của phụ nữ nói riêng về vai trò, vị trí của phụ nữ.

Không ai có quyền phán xét một cá nhân qua bề ngoài, giới tính, hay hoàn cảnh xuất thân của họ. Sự đánh giá công tâm nhất phải dựa trên tính cách, hành vi, tài năng của người đó. Đã đến lúc chúng ta cần lan tỏa thông điệp ấy mạnh mẽ hơn để thay đổi tư duy, nhận thức của mỗi người; để những định kiến về giới không tiếp tục kìm hãm tài năng, cảm xúc của cá nhân; để xã hội sẽ ngày một bình đẳng, tiến bộ và văn minh hơn.

1. Theo bản dịch của Nguyễn Nguyễn trên Trí Thức Trẻ.



Nhà văn Trầm Hương

Nhà văn TRẦM HƯƠNG: suốt đời chỉ phấn đấu cho sự giản dị, trong sáng trên trang viết

■ Viết văn, viết báo, viết kịch bản phim... Ở lĩnh vực nào nhà văn Trầm Hương (Phó Chủ tịch Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh) cũng đạt nhiều thành công trên chặng đường sáng tạo. Có thể nói, chị là một điển hình nữ nhà văn trên “trường văn trận bút”, luôn chăm chỉ, cần mẫn và giữ trong mình nguồn năng lượng dồi dào cho công việc sáng tạo.

Tháng 10, tháng của phụ nữ Việt, Tạp chí Sông Lam đã có cuộc trò chuyện với tác giả của Người đẹp Tây Đô, Đêm Sài Gòn không ngủ, Trong cơn lốc xoáy, Chuyện năm 1968...

Giải thưởng văn chương có ý nghĩa như thế nào đối với chị?

Nó mang tính khích lệ. Đặc biệt với những tác phẩm viết về một đề tài nào đó, nhân vật nào đó. Tôi thấy vui vì không chỉ tác phẩm được vinh danh mà những con người tôi thể hiện trong tác phẩm không bị quên lãng...

Có được giải thưởng, tất nhiên rất vui, rất hạnh phúc nhưng phần thưởng lớn nhất của tôi là lòng yêu mến của bạn đọc. Khi ngòi bút mang lại công bằng, an ủi

cho những số phận bị lãng quên tôi thấy mình hạnh phúc hơn mọi giải thưởng văn học được trao tặng. Thực tế cho tôi bài học rằng, nếu như khởi đầu trang viết bằng tấm lòng trong sáng, nồng nhiệt; nhà văn được cuộc đời đền bù xứng đáng. Tôi nói điều này là cũng cảnh giác mình với “cái bẫy” của giải thưởng. Hãy viết vì không thể không viết chứ không phải vì những đóa hoa và những lời chúc mừng khi tên mình được xướng danh. Hoa rồi sẽ tàn, lời chúc mừng rồi sẽ lắng, còn lại chỉ có nhà văn và nỗi cô đơn bên trang viết...

Trong cuộc sống, người phụ nữ vẫn phải tề gia, ra xã hội, họ không kém cạnh phái mạnh. Theo chị, điều gì làm nên sức mạnh của người phụ nữ?

Sức mạnh của người phụ nữ là hy sinh, thương khó, nhẫn nhục. Xin được gửi đến độc giả đoạn kết bài thơ “Vết nhấn trên ngón tay thiếu nữ”: “...Có một lần biết anh rất cần tiền/ Chị nhìn xuống bàn tay lặng lẽ/ Khi trao cho anh giấy, màu và cọ vẽ/ Vật kỷ niệm của người mẹ thân yêu đã không còn/ Dấu chiếc nhẫn bạch bạc hằn trên ngón tay gầy? Chị nhìn anh mỉm cười không nói/ Chị si tình ư?/ Không. Hoặc là có thể/ Nhưng tôi tin chắc một điều/ Bàn tay của người đàn bà si tình kia/ Nâng trái đất này tồn tại”. Tôi muốn nói đến vẻ đẹp “cho đi” của người phụ nữ kia - người đàn bà dành cho sự nghiệp người đàn ông mình yêu thương vật kỷ niệm quý báu cuối cùng. Đàn bà khi yêu là đốt cháy hết mình, là dâng hiến, vô điều kiện. Họ bị lên án *dại trai*, ngu xuẩn. Nhưng trái đất sẽ ra sao khi vắng bóng những người phụ nữ hy sinh và cam chịu, những người phụ nữ sẵn sàng lui vào một góc khuất cho sự tỏa sáng, thăng hoa của người đàn ông mà họ yêu thương, cho sự thành đạt của những đứa con.

Tôi là một trong hàng triệu phụ nữ đã từng vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để sống và tồn tại. Và trong cuộc trường chinh để được sống một cuộc sống có ý nghĩa, tôi biết mình sẽ phải tiếp tục đương đầu với những khó khăn, thách thức mới. Tất cả là để người thân mình được hạnh phúc. Tình yêu giúp người phụ nữ làm nên điều kỳ diệu của cuộc sống, đặc biệt là tình mẫu tử...

Văn chương đứng ở vị trí nào trong cuộc sống của chị?

Văn chương với tôi là sứ mạng nói thay cho những điều thầm lặng. Có những thứ trong cuộc sống này không giải quyết được bằng pháp luật, chính sách, những quy tắc thông thường của xã hội, những chuẩn mực đạo đức mặc định... nên cần tới văn chương để giải bày. “Tình và lý”. Văn chương là cầu nối để cái “lý” được người hơn và “tình” có ánh sáng của lý trí. Con đường văn chương của tôi bắt đầu từ trái tim đa cảm. Tôi thi vào y khoa vì thương người nghèo, mong làm bác sĩ để người nghèo bớt khổ. Nhưng tôi bị đưa qua học trồng trọt. Tôi học khá, không đến nổi tệ. Niềm rung cảm từ thực tế cuộc sống thôi thúc tôi cầm bút. Thân phận người nông dân khiến tôi rung cảm, đứng về phía họ, nói thay họ những ước mơ... Hơn lúc nào hết, đất nước cần ngòi bút của những người có tâm. Viết văn, kịch bản, viết báo... hay viết gì đi chăng nữa cũng cần điều đó.

Đã có lúc nào chị muốn bỏ nghề viết, khi nhiều người vẫn nhận thấy văn chương không phải vui chơi mà là “trời đầy”?



Nhà văn Trầm Hương từng tốt nghiệp đại học Nông lâm, làm kỹ sư nông nghiệp trước khi là nhà văn, nhà báo. Chị từng là phóng viên truyền hình Bà Rịa Vũng Tàu, chuyên viên Bảo tàng Phụ nữ, hiện là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh.

Chị từng đạt nhiều giải thưởng văn chương uy tín: giải Sáng tạo của TP. Hồ Chí Minh, giải Tiểu thuyết của Hội Nhà văn Việt Nam, giải thưởng Hội Nhà văn TP. HCM, giải Thơ hay báo Văn Nghệ, giải Truyện ngắn Văn Nghệ Quân Đội... Một số tác phẩm nổi tiếng của chị: Người đẹp Tây Đô (được chị chuyển thể thành bộ phim nổi tiếng cùng tên), Trong cơn lốc xoáy, Đêm Sài Gòn không ngủ, Chuyện năm 1968...

Tôi chỉ ngộ ra viết càng lúc càng khó, càng nhọc nhằn nhưng chưa bao giờ nghĩ mình sẽ bỏ cuộc. Cho đến lúc này, trong tôi đầy ắp những dự án, những ý tưởng và tôi phải chạy đua với thời gian để thực hiện nó. Tôi chỉ mong mình được khỏe và mình miễn cho đến lúc chết để viết. Và thật hạnh phúc, khi một ngày nào đó, tôi ra đi khi đang ngồi viết... Có nghĩa là tôi làm việc cho đến phút cuối cùng của cuộc đời.

Chị đã vượt qua những trở ngại trong “trường văn trận bút” nói riêng và cuộc sống nói chung như thế nào?

Cần sự dũng cảm. Tôi phải dũng cảm để vượt qua chính mình, vượt qua những định kiến, mặc định của xã hội về chọn lựa cuộc sống riêng của mình. Khi dám đương đầu với cái xấu nhất, biết đâu đó là cơ hội để xuất hiện những nhân tố mới, tốt đẹp hơn. Tôi cũng không có chọn lựa khác là dám đối mặt và trách nhiệm với những việc mình làm. Tôi không có gì phiền trách khi mình là phụ nữ nhưng công bằng nhìn nhận, làm phụ nữ đã khó, phụ nữ viết văn càng khó, khổ nhiều lần. Thật khó cho những người phụ nữ để đi đến tận chân trời mơ ước khi họ tự ràng buộc và tự giới hạn mình với trách nhiệm và bổn phận duy trì mái ấm gia đình. Thiên chức làm mẹ, làm vợ là thiêng liêng nên có được sự hài hòa giữa gia đình và sự nghiệp là bài toán khó.

Bản thân tôi, trên con đường song hành giữa tình yêu và sự nghiệp, tôi đã mài mình đi rất nhiều. Một chút tâm sự: tôi từng học đạo diễn điện ảnh, cũng máu

mê nghề lắm nhưng tôi tỉnh táo nhìn nhận, hoàn cảnh làm mẹ của mình không thuận lợi với nghề đạo diễn. Hơn nữa, bao nhiêu ý đồ sáng tác đang chờ tôi. Nếu dấn thân vào nghề đạo diễn, tôi sẽ từ bỏ nhiều thứ, cả công việc mà tôi đang làm rất hiệu quả, bởi chẳng còn thời gian cho gia đình, cho những quyển sách. Trái tim người mẹ mách bảo tôi phải biết chọn lựa con đường đi thích hợp cho mình. Cho đến lúc này, tôi rất cảm ơn các con của tôi. Đó là những đứa bé đa cảm, rất sợ nhìn mẹ buồn, mẹ khóc nên rất ngoan và sớm tự lập. Trước áp lực công việc, thấy tôi lo lắng, bức bối, đứa con gái lên 10 nhìn tôi, dịu dàng hỏi: “Mẹ ơi, con chia sẻ được gì với mẹ”. Tôi đã ôm con, chảy nước mắt, lòng vui đi biết bao phiền muộn. Nếu không có tình yêu của các con, liệu tôi có làm nên được điều gì?!

Nhà văn, triết gia Ý Umberto Eco từng nói từ rất lâu: “Dưới ánh mặt trời không có gì mới”. Chị nghĩ sao về lao động sáng tạo và hành trình tìm cái mới trong văn chương?

Khi tôi bắt đầu tiếp cận với thiền, tôi thú vị với “thiền đi”, “thiền nằm”, “thiền rửa chén”, “thiền hơi thở”, “thiền...”; có vô số điều trong đời sống cần phải thiền để thấu đáo, làm đến nơi đến chốn một điều gì đó thì lao động sáng tạo với tôi cũng là thiền. Với người cầm bút là “thiền viết”. Thật vậy, để viết một cái gì đó là chúng ta phải tìm hiểu, học hỏi, lắng nghe, suy xét, cầu thị, thấu hiểu nội tâm, đắm mình vào những gì chúng ta cần thể hiện. Tôi cũng thường nghĩ nhiều về “cái mới” trong văn chương, rồi ngộ ra chẳng có gì là mới cả. Sẽ có người phản bác tôi vì điều đó. Tôi nghĩ nhà văn có nhiều cách nói, mới hay cũ, truyền thống hay hiện đại, mô-típ quen thuộc hay cách tân thì cốt lõi văn chương vẫn là sự trong sáng, giản dị, truyền cảm. Một tác phẩm làm lay động trái tim con người, làm người ta thức tỉnh, thay đổi hành vi, hướng thiện để thế giới được chữa lành, được tốt đẹp hơn thì tôi nghĩ đó là tác phẩm đích thực. Tôi suốt đời chỉ phấn đấu cho sự giản dị, trong sáng trên trang viết mà thật không dễ...

Nhà văn nữ cần những tố chất gì để có thể bền bỉ với nghề?

Chữ nhẫn.

Tác phẩm mới của chị đang ấp ủ là...?

Là “Khoảng lặng nước mắt” ba tập Bắc, Trung, Nam về những bà mẹ có con hy sinh cho Tổ quốc khắp miền đất nước, là “Sâu thẳm áo dài” - những câu chuyện về phụ nữ Việt Nam gắn với tà áo dài, về “Những bông hoa bất tử” - những cô gái hy sinh khi còn rất trẻ để lại những ước mơ, về “Giá của hóa bình” - những cựu binh Mỹ mà tôi được gặp đã nỗ lực làm nhiều điều để hàn huyên mối quan hệ Việt - Mỹ, để hai dân tộc hiểu nhau sau mất mát, tang thương; về những bộ tiểu thuyết mà tôi còn mắc nợ... Nhiều quá mà sức người có hạn, thời gian bị cắt vụn bởi những công việc mưu sinh đời thường. Tôi vùng vẫy, vượt qua chính mình để từng bước hiện thực hóa giấc mơ. Nói ra nhiều mà không làm được cũng thẹn lắm nhưng tôi tự nhủ nói ra để tự hứa với chính mình.

VÕ THU HƯƠNG (thực hiện)

Nhà thơ thứ 101

VƯƠNG CƯỜNG

“**N**ếu đã có một trăm người nông dân, làm người nông dân thứ một trăm lẻ một, dễ hơn. Nếu đã có một trăm nhà thơ, làm nhà thơ thứ một trăm lẻ một, khó hơn” - Rasun Gamzatov

Rasun nói về thứ nhất đúng cho nền kinh tế tự cung tự cấp trở về trước. Nghĩa là chưa có sự tham gia của kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường (Ông chưa từng sống trong một nền kinh tế hàng hóa). Nông dân trong các tổ chức kinh tế đơn giản ấy chỉ cần làm việc theo kinh nghiệm là đủ. Vì vậy người nông dân thứ một trăm lẻ một đã có cả một bộ kinh nghiệm của một trăm nông dân đi trước để lại, chỉ cần làm theo là được, không nhất thiết phải sáng tạo gì thêm. Sản xuất của họ là tự nhiên, tự cung, tự cấp, sản xuất cho mình dùng, không hướng tới thị trường.

Nhưng khi nền nông nghiệp phát triển trong kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường thì điều đó không còn đúng nữa. Đó là nền kinh tế sản xuất ra hàng hóa cho người khác sử dụng. Các mối quan hệ trong sản xuất đã khác. Nền kinh tế đó phải hướng tới thị trường. Thị trường mới là nơi kiểm nghiệm cuối cùng kết quả sản xuất. Họ luôn luôn đứng trước các khả năng, giàu và nghèo, phát triển và phá sản. Người nông dân nếu cứ trông chờ vào kinh nghiệm của 100 nông dân đi trước thì không thể cạnh tranh và chắc chắn phá sản! Cuộc cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt, đòi hỏi phải giảm chi phí và tăng năng suất lao động, hàng hóa của họ mới có khả năng lọt qua khe cửa rất hẹp, kiểm nghiệm cuối cùng của thị trường.

Thực chất cạnh tranh là cạnh tranh giá trị. Trong cơ cấu giá trị hàng hóa, có hai loại lao động (trừu tượng) tham gia. Một là lao động cơ bắp và hai là lao động chất xám. Trong đó lao động chất xám càng lớn thì khả năng chiến thắng càng cao. Ngược lại lao động cơ bắp càng lớn thì khả năng thất bại càng lớn. Vì vậy họ phải liên kết với khoa học - công nghệ, thay đổi quy trình sản xuất tối ưu, hướng tới lợi nhuận, thậm chí lợi nhuận siêu ngạch. Hoặc có thể tham gia một công đoạn nhỏ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Khoa học - công nghệ cũng luôn luôn thay đổi, thời gian rút ngắn và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Thế đấy anh nông dân thứ một trăm lẻ một của chúng ta sẽ như thế nào khi hàng hóa của Nhật Bản hiện nay, lao động chất xám chiếm 80%? Liệu anh ta có thể bình chân học theo kinh nghiệm của người nông dân đi trước được không? Nền kinh tế thị trường đòi hỏi nông dân phải nhận thức tự giác nếu không muốn thất bại. Những cái cần nhận thức đều là những công cụ điều tiết thị trường thiện chiến và vô hình tác động sau lưng họ như quy luật giá trị, quan hệ cung - cầu, quan hệ tiền tệ... Người nông dân thứ một trăm lẻ một ấy không được phép lặp lại một trăm người nông dân đi trước. Hay nói cách khác người thứ một trăm lẻ một phải tạo ra những loại hàng hóa mà những người nông dân đi trước chưa biết hoặc không thể làm được, đáp ứng thị trường và được thị trường chấp nhận. Người nông dân thứ một trăm lẻ một cần nhiều kiến thức hơn, trình độ quản lý sáng tạo hơn, tạo ra những sản phẩm khác biệt mới hy vọng tồn tại và phát triển. Sự cạnh tranh còn gay gắt gấp bội khi thị trường đã toàn cầu hóa...

Từ anh nông dân thứ một trăm lẻ một trong kinh tế thị trường, tôi lại nghĩ về các nhà thơ thứ một trăm lẻ một. Bất chấp cơ chế kinh tế - xã hội, bất chấp cả các chế độ chính trị, bất chấp cả quốc gia, nhà thơ chỉ có quyền tồn tại với tư cách là riêng biệt, cá nhân, giọng điệu riêng. Tóm lại là không được giống bất kỳ ai, bất kỳ nhà thơ nào đã có cho dù đó là Puskin hay Lermontov, Nguyễn Du... thiên tài chẳng nữa. Thực tiễn chỉ chấp nhận họ khi họ tồn tại khác biệt!

Ngày nay, anh nông dân thứ một trăm lẻ một đã rất khó thì nhà thơ một trăm lẻ một còn khó hơn nhiều! Bởi vì thơ là sự phản ánh tình người, tình người trong thị trường đã rất khác trước. Tình ấy được phủ qua các lớp tiền tệ. Đó là những thử thách các nhà thơ hiện tại mà các thiên tài thơ trước đây chưa có. Thời của họ trước đây đơn giản hơn nhiều.

Tuy vậy, nhà thơ thứ một trăm lẻ một có lợi thế mà một trăm nhà thơ đến trước khó có. Đó là đời sống luôn tạo ra tình cảm mới và ngôn ngữ mới, điều hệ trọng của thơ mà nhà thơ đến sau có điều kiện nắm bắt nhanh hơn vì tình cảm và ngôn ngữ là thời của họ. Thơ đòi hỏi ngôn ngữ mới thì chính nhà thơ đến sau hành trang ngôn ngữ mới hơn. Nếu thơ là lạ từ ngôn ngữ đến cấu tứ, giọng điệu, cách diễn đạt hay thi pháp... thì nhà thơ thứ một trăm lẻ một là đại diện gần nhất của thời họ sống. Một trăm nhà thơ đến trước rất khó khăn trong việc làm mới mình trong khi nhà thơ đến sau không mất nhiều công sức lắm họ đã có rồi. Đội quân ngôn từ long lanh sự sống biết cách sắp hàng hợp với thẩm mỹ của thời nhà thơ thứ một trăm lẻ một tiếp nhận tốt nhất.

Với thi pháp, một trăm nhà thơ có thể chấp nhận loại thơ quy tắc, công thức hay nói đúng hơn có sự tham gia uốn nắn chủ quan của bàn tay con người dựa vào vần, nhạc giàu có trong tiếng Việt, vốn ra đời sau bờ tre, mái rạ của một nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu, ngưng đọng hàng ngàn năm. Nó tỏ ra bất lực trong thời đại công nghiệp hóa toàn cầu. Nhà thơ thứ 101 chỉ nhìn thấy cái cày chìa vôi từ trong các bảo tàng. Họ cũng không thấy con trâu đi cày và “con trâu là đầu cơ nghiệp” của người nông dân. Họ cũng không còn chứng kiến cây tre hay các sản phẩm từ tre, rổ rá, dầm, sàng gần gũi trong đời sống nông dân như những nhà thơ trước đó.

Những thay đổi từ công cụ sản xuất đã cho thấy thời đại đã thay đổi hoàn toàn khác trước. Nền sản xuất thay đổi, tình người - gốc của thơ chắc chắn sẽ thay đổi, thơ không thể đứng im. Thi pháp vốn có tính lịch sử. Khi lịch sử thay đổi thì chính nó cũng phải đổi thay. Trong bối cảnh đó, nhà thơ thứ 101 khó chấp nhận thi pháp cũ, nếu họ muốn trở thành nhà thơ thời của họ. Nếu chấp nhận, họ cũng chỉ là nhà thơ thứ 100.

Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Trong thực tế có nhà thơ trẻ rất già và nhà thơ già rất trẻ. Trẻ hay già ứng với nhà thơ là tâm hồn ấy có thật sự nhạy cảm và biến hóa thích ứng không. Raxun cũng từng đặt câu hỏi: “Giữa tôi và bố tôi, ai trẻ hơn ai?”. Một câu hỏi thật thú vị nó chỉ ra, vấn đề của nhà thơ là tài năng chứ không chỉ trẻ hay già. Tài năng sẽ biết cách vượt qua những hạn chế về thi pháp và ngôn ngữ thơ của một thời là hợp lý để tiếp cận thành công thi pháp và ngôn ngữ mới. Hỗ trợ đắc lực cho họ chính là sự phát triển ngày càng nhanh hơn và hiệu quả hơn của nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa..

Nhưng rồi đến lượt nhà thơ thứ một trăm lẽ một lại trở thành nhà thơ đến trước. Đó cũng là lẽ bình thường. Trong thơ không phải cần kinh nghiệm mà cần tâm hồn sáng tạo, tươi non nảy nở, tâm hồn ấy thuộc về tuổi trẻ nhiều hơn. Cũng như người nông dân, thời thị trường toàn cầu hóa thách thức họ, các nhà thơ thời tương ứng cũng chẳng dễ dàng gì nếu thiếu đi sự tu luyện từ kiến thức, thi pháp, những trải nghiệm... để có thể hội nhập. Trong hội nhập, thơ đòi hỏi tính dân tộc và hiện đại chính là đôi cánh bảo đảm cho nhà thơ được tôn trọng. Chỉ có trên nền tảng ấy, người ta mới cần thơ của nhà thơ ở một dân tộc nào đó...



Nhà thơ Thạch Quỳnh

■ LTS: Nhà thơ Thạch Quỳnh là một nhà thơ tiêu biểu của xứ Nghệ, là một trong những hội viên sáng lập của Hội VHNT Nghệ An, có nhiều đóng góp cho văn học nghệ thuật tỉnh nhà bằng các sáng tác cũng như công lao xây dựng Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An. Ông hiện là 1 trong 3 thành viên ban chuyên môn của Ban Thơ. Số tạp chí này, chúng tôi xin dành một chuyên đề giới thiệu về nhà thơ Thạch Quỳnh. Ngoài bài viết ký sự chân dung đầy tính... thời sự của nhà thơ Võ Văn Vinh sẽ có các sáng tác mới nhất của nhà thơ Thạch Quỳnh. Đây là các bài thơ được ông viết trên giường bệnh những ngày gần đây.

Năm ngày với nhà thơ Thạch Quỳnh

VÕ VĂN VINH

1 Năm ngày, một mảnh vụn thời gian trước chặng đường hơn 50 năm tình thâm giữa nhà thơ Thạch Quỳnh và tôi. Tôi không còn nhớ đã có bao nhiêu tuần được ở bên ông cùng nếm mật nằm gai, lo cuộc sống mưu sinh thường ngày đầy gian nan và bao nhiêu cuộc đàm đạo văn chương đối ẩm trên chiếu rượu thâu đêm với niềm say mê bất tận.

Đầu tháng 9/2022, tôi có 5 ngày về Vinh chăm sóc nhà thơ Thạch Quỳnh đang trong thời gian bệnh trọng. Về quê, tôi viết ký sự nhỏ này không ngoài ý nghĩ cung cấp

thêm một vài chi tiết đời thường về nhà thơ để bạn đọc và bạn bè văn nghệ hiểu về ông hơn.

Với riêng tôi, nhà thơ Thạch Quỳnh vừa là người thầy vừa là người bạn tâm tình đầy ấp những kỷ niệm buồn vui. Ông là một nhà thơ tài danh trong nền văn học hiện đại Việt Nam từ chiến tranh chống Mỹ đến tận bây giờ. Theo tôi thơ ông có vòng xoáy dư chấn không ồn ào và không dễ biểu dương bởi tính tư tưởng, dự báo, triết học thơ... không lẫn với bất kỳ ai.

Tôi chợt nhớ Tổng Biên tập Tạp chí Sông Lam Phạm Thùy Vinh đã bức xúc khi bắt gặp một người nào đó đối xử quá thể với ông: “Thạch Quỳnh là báu vật của Nghệ An, xin các người đừng bóc lột ông đến cạn kiệt”. Và câu văn của chị trong bài viết về ông trên facebook: “Chú ơi, chú đeo hàm răng giả vào và cười tươi lên nào”. Câu văn tưởng như thoáng qua ấy mà làm tôi ứa nước mắt.

Khi tôi cầm bút viết bài này tâm trí cứ bị ám ảnh bởi câu thơ của ông: “Anh nhận ra hạnh phúc nghiêm trang trong thất vọng kiếm tìm”.

2. Một chiều giữa tháng 6/2022, nghe tin nhà thơ Thạch Quỳnh lâm bệnh, tôi đi xe máy đem theo mấy con gà đen (gà của người Mông huyện Kỳ Sơn) về Vinh thăm ông. Trưa hôm ấy, ông còn uống với tôi một ly rượu và trò chuyện văn chương suốt buổi. Ông nói: “chỉ cái u ở cổ khó ăn uống và gây ho thôi”. Chiều tôi về Đô Lương trong gió mưa bất chợt và cứ nghĩ mông lung: Tuổi già mà đổ bệnh thì khó vực dậy lắm!

Một tuần sau ông gọi điện khoe với tôi: “sức khỏe khá hẳn lên. Mình còn đi dã ngoại được đấy!” Nửa tháng sau tôi đọc tin của bạn bè trên mạng biết ông đã phải nhập viện, không ăn uống được phải phẫu thuật bơm thức ăn, nước uống và thuốc trực tiếp qua ống dẫn vào thẳng dạ dày. Tôi gọi điện liên tục vẫn không liên lạc được.

Trưa 30/8, ông gọi cho tôi, giọng thều thào: “Mình mệt lắm, Vinh nói với gia đình xuống ở với nhau mấy ngày, nghĩa tử là nghĩa tận. Mình đang chờ ông đấy!”

Tôi bàng hoàng: “Dạ, mai em xuống với thầy 5 ngày”.

Đêm hôm ấy, tôi bắt con gà giống cuối cùng và gói vài chục quả trứng, xếp tư trang ngày mai đi thật sớm. Đến 10h trưa ngày 1/9, tôi có mặt ở phòng ông. Thấy ông tiêu tụy quá, cơ thể chỉ còn một bộ xương nhưng trí óc, giọng nói vẫn minh mẫn sắc sảo như xưa.

Điều đầu tiên tôi xin gia đình được toàn quyền ở phòng ông trong năm ngày (trừ trường hợp đặc biệt). Về chế độ ăn uống của tôi là: Sáng 2 cái bánh mì 5 ngàn đồng. Trưa không ăn. Tối một bát cơm, một miếng đậu phụ và ít dưa chua. Tôi thông cảm với gia đình là ăn chay lâu rồi. Tôi muốn tránh sự ồn ào để có thời gian ở bên ông nhiều hơn. Mặt khác tôi luôn trấn giữ cửa phòng bởi người đến thăm ông khá đông mà có lúc đau quá ông quần quai bức bối đến mức cời hết cả áo quần, thân thể chông chênh một bộ xương khô sạm thật tội. Tôi lo cho ông được

CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM

quần áo chần chu trước lúc khách gõ cửa xin vào thăm ông và sự điều tiết thời gian tiếp khách rất quan trọng đối với sức khỏe của ông. Có khi sau mỗi lần tiếp khách, ông ho rũ rượi đến mấy giờ liền.

Nhà thơ Vương Cường (em trai ông) có chiều cùng tôi ngồi bên giường trò chuyện cùng ông. Khi ông vui, Vương Cường đưa ra ý tưởng muốn được cùng ông xuất bản tuyển tập thơ của hai anh em khoảng 100 bài.

Tôi góp ý: Nên chọn mỗi người 25 bài thôi và thư thả đã đợi khi ông thật khỏe lại làm.

Ông gật đầu đồng ý và nói: phải thận trọng lắm mới được!

Không khí văn chương chợt sôi nổi hẳn lên: Hàn Mặc Tử có 8 tập thơ chọn ra 10 bài đặc sắc đã khó. Thời nhà Đường có 2300 thi sỹ tuyển thơ chọn hơn 100 tác giả nhiều nhà thơ chỉ có một bài tứ tuyệt như: Lưu Vũ Tích, Hạ Tri Chương, Đỗ Mục... đến sau 14 thế kỷ đọc vẫn không cũ.

Nhà thơ Thạch Quỳ như quên hết bạo bệnh: Thơ kinh khủng lắm! Không đùa được đâu. Nhà văn cũng hiểm lắm, có lần Vương Trọng bảo: Hội viên Hội Nhà văn đích thực chỉ có 10%, mình hạ xuống 5% cũng đã quá lắm rồi.

Cơn ho lại ập đến hành hạ ông. Cái cổ họng như ngạt thở đặc quánh đàm vô tận bắt ông khạc nhổ một cách khổ sở.

Đã hơn tháng nay cứ mỗi ngày con cái bơm thức ăn, nước uống, thuốc men duy trì sự sống cho ông. Nhưng ông luôn tin sức khỏe rồi sẽ bình phục lại đi được xe máy như ngày nào. Có lần tôi ngồi sau xe ông từ Vinh về Đô Lương, tay lái ông lưa và quyết đoán lắm như tính cách của ông. Ông hào hứng: Mình thích đi xe máy hơn ngồi ô tô. Xe máy huyền diệu và tự do như thơ ấy. Rồi ông đột ngột nói về thơ: Này anh nghe người ta viết thế này đây: “Trời đã vào thu chừng mấy bữa/ Quỳ Sơn mấy bữa đã sa mù...”.

Ông cười nói sôi nổi mà khó chịu: Có gì mà anh ngân nga thế? Đưa địa danh nào mà chẳng được. Kim Nhan, Sa Pa, Tam Đảo... viết sáo đến thế là cùng. Cứ đi theo cái nhạc du dương cũ mèm ấy để tự ru mình ngủ sao?

Cái giường xếp của tôi nằm ngang cuối giường ông, khi vui chuyện ông quay sang nằm ngang sát tôi để cho nghe rõ lời nhau. Ngày và đêm chúng tôi cứ chập chờn trong thức ngủ, có khi im lặng không nói gì, có lúc lại hào hứng với những chuyện đã xa lắm rồi...

Tôi luôn thường trực bên ông. Ngoài chức năng là một “ôsin đặc biệt” như ông nói tôi còn là người học trò, người ông thích tâm sự. Tôi dìu ông đi vệ sinh, thay quần áo, nhặt những mảnh giấy ông khạc nhổ vứt bừa bãi, lau nhà cửa, giường chiếu, đưa ông ra với cây cối với bầu trời xanh vợi trên cây ngô đồng, cây bàng bên đường phố nhộn nhịp tiếng còi xe...

Thường vào lúc 2h sáng mỗi ngày, cơn ho hành hạ ông đến tàn nhẫn. Tôi vừa chớp mắt đã nghe ông van vãn: “Anh xoa bóp giúp tôi. Tôi mệt quá rồi”.

Tôi mát-xa cho ông. Tay tôi cứ run lên trên bộ xương gồ ghề khúc khuỷu.

Tôi nói đùa: “Nếu giờ đây có bàn tay phụ nữ chắc mát dịu hơn nhiều?”

Ông chậm rãi: “Mình không có cảm giác đó nữa!”

- Thầy nói trong lúc đau yếu, khi khỏe lên sẽ khác?

- “Không! Đã ở trong nhận thức và tiềm thức rồi.” Ông nói với âm tiết kiên quyết lắm.

Tôi thưa: “Nhận ra thì quá muộn?”

Ông nói: “Muộn thì còn lời khuyên với con cháu!”

- Em còn nhớ những bài thơ: “Em đến”, “Bến sông quê em”, “Hoa dứa dại”, “Bài ca thuốc lá”, “Cô gái áo đỏ”, “Đợi em ngày giáp tết”... Trong bài nào có câu thật rạo rức như “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư: “gió riu rít em anh”?

Ông thở dài: “Nhắc chi những nông nổi đó nữa.”

Tôi thưa: “Vẫn biết bài thơ “Cuối cùng vẫn một mình em” không phải là bài thơ tình thuần túy như một số người nghĩ?”

Ông đang nằm bồng bật dậy nhanh như con mèo vồ chuột, ánh mắt sáng long lanh: “Anh biết không, chữ “em” trong bài thơ ấy là chữ khó nhất trong thơ mình.” Rồi ông đọc giọng trầm và ngân vang:

“Cuối cùng vẫn một mình em

Nhưng anh đã qua ba nghìn thế giới

Ngọn lửa thiên đường, vì sao đây suốt

Ảo ảnh miền sa mạc, những cơn mơ

Cuối cùng vẫn một mình em

Nhưng anh đã khô kiệt cùng đá sỏi

Nhưng anh đã kêu kiệt cùng tiếng gọi

Nhưng anh đã mơ cạn kiệt giấc mơ

Cuối cùng vẫn một mình em

Nhưng em ở nơi đâu? Em ở

Trong nước mắt của đêm, trong tiếng thở dài của gió

Anh nhận ra hạnh phúc nghiêm trang trong thất vọng kiếm tìm”.

Đọc xong, trong cơn thờ đốc, ông hỏi tôi: “Anh thấy chữ “em” là gì? Được mấy người hiểu thơ?”

Tôi lựa lời: “Còn những “em” có thật ấy thì sao?”

“Nhắc làm gì!” Ông nói vẻ dừng dưng.

Là người thân tôi rất hiểu tính ông vô cùng cực đoan đến phiến diện và có lúc tự mâu thuẫn với bản thân. Trong đời thường ông sống hồn nhiên, bình dị nhưng

CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM

cực kỳ khó tính và cả thất thường nữa. Tôi học được ở ông nhiều điều nhưng hết sức tránh lặp lại giọng điệu thơ ông. Tôi tránh sức hút của từ trường thơ ông để tìm được giọng điệu của riêng mình.

Có anh bạn chê tôi: “Bác gần Thạch Quỳ nhất mà không thấm”. Tôi không hiểu nhà thơ ấy nói gì? Gần mà thơ không nhái thì đúng hơn chứ thấm nỗi gì. Chính nhà thơ ấy đã có lần được nhà thơ Phạm Tiến Duật nhắc nhở phải ra khỏi đường ray thơ Thạch Quỳ thì mới đi tiếp được.

Chưa bao giờ tôi nhờ ông sửa thơ. Duy nhất bài thơ “Với tiếng chim tà vẹt”, viết về ông. Viết xong tôi đọc cho ông nghe qua điện thoại trước khi gửi báo Văn Nghệ. Bài thơ có câu kết:

*“Ta thắng thoát tìm về miền thăm xanh trong treo
của chính mình
Đã bị vui lấp!”*

Bài thơ in ra đã được sửa: “Đã bị thời gian vui lấp!”

Ông bảo thêm hai chữ ấy là hạ thấp cốt cách của tác giả đấy.

Có khi ông gọi điện cho tôi: “Anh là người được tôi “hét” nhiều nhất. Hãy viết thật học hiêm, thật độc, thật lạ mà hay đó mới là nhà thơ!”

Những lúc ông ngủ mê, tôi xách nước tưới cho bờ cây cảnh dọc hành lang tầng hai. Những cây trong chậu cảnh đói nước đã mấy tháng nay chột bùng tỉnh. Nào phong lan, mẫu đơn hoa ngâu, hoa nhài xen lẫn cây gừng, ớt, nghệ, mừng tôi... tôi nhớ có lần ông nói: “Mình thích hoa mướp, hoa cà, hoa chanh nhất là cây hoa ớt”.

“Rừng hoa chổi lại trắng rừng hoa ớt”

“Và màu xuân mưa rọi tím hoa cà”...

Đã đi vào thơ ông âm áp và lung linh đến thế!

Ông nhờ tôi dọn dẹp, sắp đặt lại đồ đạc trong căn phòng vừa là nơi làm việc cũng là nơi ăn nghỉ của ông đã bữa bộn suốt mấy tháng nay.

Ông bảo: “Mình nằm ở đây cho gần công trình nhà vệ sinh còn linh hồn mình là ở căn phòng ấy.”

Trong căn phòng bữa bộn mà mấy cháu sinh viên tiếp quản mấy tháng nghỉ hè vừa rời đi, tôi đứng lặng hồi lâu. Cái bàn viết bụi phủ dày, chiếc laptop im lìm, hai tủ sách có cài ngang hai thanh kiếm cũng im lìm. Mấy chậu cảnh đặt trên bàn viết bên cửa sổ đã héo úa. Tôi nhìn bức tượng ông bên bức tượng vũ nữ Chăm bằng đất nung bạn bè tặng ông từ năm nào. Tôi biết căn phòng là nơi trú ngụ của ông khi còn khỏe. Ông đã nằm im 20 năm, thi thoảng rời phòng đi đâu đó mấy ngày rồi buồn bã về lại chốn vắng lặng của riêng mình.

May thay nhà báo Phạm Thùy Vinh, người rất quý tài năng của ông đã tìm cách “lôi ông ra khỏi chốn” ngồi vào bàn viết và dành cho ông một mảnh đất nhỏ trên

trang báo Nghệ An cuối tuần. Mấy năm sau mảnh đất ấy chuyển sang chuyên mục khác, ông lại “chui vào chần” mở facebook rồi nhìn vào ngày đêm thăm thăm. Chính sự nằm triền miên và ăn uống đơn giản cùng những cuộc vui bia rượu, nghiện thuốc lá đã làm sức khỏe ông suy sụp.

Tôi nhặt những bông hoa khô héo đã mấy năm rồi từ cái lọ còn tro cánh bay lá tả khắp căn phòng. Tính ông không thích cắm hoa giả, ông bảo cứ để hoa héo cũng có cái thi vị của nó. Bởi thế có khi tôi thấy trên bàn ông một lọ bông lau trắng xóa hay chùm hoa sen khô héo đã bao mùa.

Tôi chìm trong cõi u huyền lòng cứ thẳng thốt sao ấy. Điện thoại báo có tin nhắn của ông : “Vinh về diu mình đến căn phòng nhé”. Tôi đưa ông đến bên cửa sổ căn phòng. Ông đưa bàn tay gầy guộc nắm song cửa sổ, mắt đăm đăm nhìn vào miền gần gũi mà bằng lòng xa xăm...

3. Bây giờ ông yếu quá rồi. Hôm 3/9 con cháu dìu ông lên xe taxi đến chụp ảnh ở một studio đường Quang Trung làm lưu niệm. Lúc về ông ngã quỵ trong thang máy. Cơ thể ông một bộ xương rệu rạo, mọi người hốt hoảng đưa ông về nhà.

Bây giờ ông không còn chống gậy tự đi và cũng không tự bò được, bởi tay chân bủn rủn quá chừng. Ông ngồi bệt trên nền nhà nhích từng tý một ra với mấy cây cảnh hay vào nhà vệ sinh.

Bây giờ ông một phòng một mình một bóng. Mỗi ngày người thân lên bơm thức ăn, nước uống, thuốc men rồi còn bao việc lo toan mưu sinh hàng ngày. Tôi biết ông cần người tâm tình chia sẻ trong cơn bạo bệnh đang từng ngày hành hạ, bào mòn sức lực đến cạn kiệt.

Tôi thủ thi với ông: “Khi còn khỏe, thầy tung hoành ngang dọc mà quên tính đến những ngày này. Đã mất hết xe pháo mã, đến sỹ tượng cũng mất khi bị chiếu tướng nhiều phía làm sao chống đỡ?”

Thật buồn đâu đó còn có người lấy quá khứ của thầy để đối xử. Cũng không có gì lạ Hàn Phi Tử viết *Thuyết nan* sâu sắc đến thế lại chết bởi sự sơ sài. Hàn Tín cảm quân tài tình mấy ai bằng lại chết dưới tay Lữ Hậu...

Thầy Thạch Quỳnh chép miệng: “Quy luật sinh-lão-bệnh-tử thật khắc nghiệt, tang thương, tránh làm sao được sự ngu dại...”

Không! Trong tôi nhà thơ Thạch Quỳnh vẫn tràn đầy sức lực như thuở nào. Những kỷ niệm về ông cứ ủa dậy hiện lên trong tâm trí tôi đưa tôi về những ngày tháng xa xăm đầy tình thương mến...

Còn nhớ mùa hè năm 1970 lần đầu tiên tôi tìm về làng Đông Bích quê ông để được gặp thầy Thạch Quỳnh, thời gian này ông đang là giáo viên toán trường cấp 3 Thanh Chương. Làng nghèo, những bờ tre giăng như thành lũy bên núi Quỳnh lạng lẽ. Tôi hồi hộp và lúng túng khi gặp ông: một người cao gầy, đầu đội nón lá, mặc áo may ô, quần cộc tay xách cái nơm và xâu cá đi từ cánh đồng chang nắng về. Trước khi gặp ông, tôi đã đọc thơ ông in đều trên báo Văn nghệ của

CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM

Hội Nhà văn. Những bài: “Đất Đô Lương”, “Ban mai”, “Thanh sắc trời ta”, “Gạch vụn thành Vinh”, “Cái đường thẳng nằm trong hình học”, “Qua đền Công ghi chuyện cũ”... mà tôi đã thuộc. Và nhà thơ Chế Lan Viên đã nhắc đến ông trong Tuyển thơ ba năm chống Mỹ (1965-1967).

Tôi nhìn ông sưng sờ, khép nép: “Em chào thầy ạ”.

Ông niềm nở cười và đọc: “Trăm năm trong cõi người ta/Chữ anh kia mới bằng ba chữ thầy”.

Ông đưa tôi vào nhà rồi ra vườn hái mấy quả chanh, lấy đường pha mấy bát nước và giục: “Em uống nước đi. Trời nóng quá”.

Ông hỏi thăm gia đình tôi và ánh mắt lộ vẻ ái ngại: “Lo làm ăn em ạ. Làm thơ làm gì cho khổ. Khi nào rồi việc nhà nông xuống mình chơi cho vui.”

Năm 1973 Thạch Quý được giải Ba cuộc thi Thơ của báo Văn Nghệ rồi được nhà thơ Trần Hữu Thung ngày ấy là Chủ tịch Hội VHNT Nghệ An xin Ty Giáo dục về làm biên tập thơ cho Tạp chí của Hội cùng nhà thơ Quang Huy.

Từ đó mỗi lần từ Vinh về Đô Lương bằng xe đạp ông đều ghé thăm gia đình tôi và rủ tôi về Đông Bích mấy ngày.

Ông khoe: “Mình mới đào xong cái giếng và dùng xe đạp thồ đá từ núi về ghép lòng giếng. Làm một mình từ A đến Z, ông thấy có khỏe không?”

Lần khác ông lại khoe: “Mình mới đào xong cái đìa bắc cái cầu tre và nuôi cá, thả sen rồi đẹp phải biết.”

Ông kể: “Hết rồi việc cơ quan là mình về quê ngay, ở làng thật thú vị, được đi bắt cá ở ruộng bầu, đêm rợp dơi, hương lúa, hương cây, gió đồng, sông nước mênh mông vô tận...”

Tôi thăm đọc những câu thơ viết về quê kiểng của ông: *“Mảnh sành vỡ khó ghép hình chiếc vại/ Bà thần thơ tiếc cả nhút cà”. “Giờ của nồi cơm sôi trào bếp lửa/ Lòng mẹ chia phần gửi những con xa”. “Con cá ngừ vết chân bùn bờ ngõ/ Giương mắt tròn ngơ ngác nhận ra tôi”. “Tôi về trong nỗi quê/ Gió mềm trên lá cỏ/ những đám mây tuổi nhỏ/ bay la đà trên đê”....*

Bỗng một chiều nào bên bếp lửa củi tre, ông buồn bã nói với tôi: “Thiên nhiên hồn hậu ở quê đang dần biến mất bởi làn sóng đô thị hóa. Điều buồn hơn là tư duy của người làng nặng về lễ giáo đạo Khổng, ngay cả những trí thức cầm bút. Mình trọng Lão Tử. Muốn viết được phải thoát khỏi lũy tre làng Vinh ạ. Ông cất tiếng đọc trong âm hưởng buồn vui nhòa nhạt: *Tôi bỏ làng đi từ độ ấy/ Tâm hồn vừa chạm với mênh mông.*”

Nhưng rồi ông vẫn giậm chân tại chỗ dẫu có khi người ta muốn điều ông ra Hà Nội giúp biên tập thơ cho báo Văn nghệ. Chỉ thấy tư duy thơ ông đã khác.

Có những lần ở Vinh lên, ông ở nhà tôi vài tuần rồi lại trở về Vinh. Những ngày ấy tôi được dịp nghe ông đọc thơ, luận về văn chương bàn về đời sống đầy cam

go... với niềm say mê bất tận. Trên chiếu rượu chỉ có ít lạc rang và cái điều cày có lúc hết sạch thuốc lào phải gom bã mà hút lại.

Tôi nhớ một chiều mùa đông năm 1978, ông đi xe đạp từ quê lên, dáng vẻ mệt mỏi lắm. Ông nói: “Nguy lắm Vinh ạ, chỉ có anh mới cứu được tôi không biết anh có giúp không?”

Tôi thưa: “Thầy cứ nói đi!”

Ông lấy một tệp thư đưa cho tôi đọc. Đó là những lá thư của nhà thơ Xuân Quỳnh gửi cho ông (hồi Xuân Quỳnh chưa đến với Lưu Quang Vũ). Tôi nhớ câu Xuân Quỳnh viết trong thư: “Trong thời buổi gian khó này chúng mình bí mật nuôi nhau”.

Ông kể, Xuân Quỳnh thường gửi giúp ông tem gạo và phiếu thực phẩm mà Xuân Quỳnh cũng giàu có gì đâu và ai nỡ lấy mãi.

Chợt ông hào hứng: “Anh biết không, Xuân Quỳnh biên tập thơ ở báo Văn Nghệ sau số báo in bài thơ “Với con” của mình, hôm ra Hà Nội gặp mình Xuân Quỳnh cười nói: “Từ côi chết anh trở về chơi lại”.

Mình nói: “Người ta sắp chết bà còn chúc tụng gì nữa”.

Bài thơ “Với con”, ngày ấy làm ông khó khăn nhiều bề nhất là chuyện cơm áo của gia đình. Thời kỳ này nhà thơ nấu rượu, nuôi lợn trong căn hộ trên tầng 5 khu tập thể Quang Trung cũng đồng cảnh với văn nghệ sỹ ở Vinh lúc ấy.

Ông hỏi tôi: “Vinh có kế sách gì vượt qua nạn đói không?”

Tôi đưa ra ý tưởng phải đi buôn thôi!

Ông hỏi: “Buôn gì? Vốn lấy đâu ra?”

Đưa lạc nhân và giấy cuốn thuốc lá ra Hà Nội. Vốn thì em và thầy phải nhờ mẹ em giúp thôi.

Thế là ông và tôi đã có hai năm đi xe đạp trong đêm chở hàng ra ga Si và ga Vinh rồi nhảy tàu chợ đi Hà Nội. Hàng từ Hà Nội về là phụ tùng xe đạp gia công toàn cày cày, xích, lốp nan hoa,... đi qua những nhân viên phòng thuế hồi hộp đến thót tim.

Nhớ lại những chuyến tàu chợ ngột ngạt người và hàng hóa lợn, gà, rau dưa... cứ chất đầy lên con tàu thở khói đen kịt lăm lăm chạy trong đêm mà kinh sợ. Thầy trò chúng tôi đứng một chân từ Nghệ An ra Hà Nội là còn may mắn chỉ thương có những người phải leo lên nóc toa tàu mà ớn lạnh.

Hàng Hà Nội đem về, ông và tôi lại đạp xe đi bán ở các chợ quê vùng sâu vùng xa các huyện Tân Kỳ, Thanh Chương...

Tôi nhớ có lần ra ga Hàng Cỏ (Ga Hà Nội) bây giờ lúc 3h sáng, chúng tôi đến quán phở ông già ở đường Trần Hưng Đạo ăn bát phở bò ngon đến mức tưởng được lên thiên đường. Sáng ra nhà thơ Thạch Quỳ vội vã đến Tạp chí Văn nghệ

CHÂN DUNG VÀ TÁC PHẨM

Quân đội nhận nhuận bút. Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu nói ngay: “Nghĩ bác Thạch Quỳ cũng đi buôn. Thạch Quỳ mà đi buôn thì cả nước cũng đi buôn mất thôi!”

Thạch Quỳ cười: “Cũng có thể!”

Cuộc sống đi qua thời bao cấp đã thông thoáng hơn ở thời Đổi mới. Nhà thơ Thạch Quỳ cũng vậy.

Vào một chiều năm 1993, ông đi xe máy đến, quần bò áo phông trông hoành tráng lắm. Vừa bước vào nhà tôi, ông hào hứng nói ngay: Ngày trước anh cứu tôi qua cơn hoạn nạn nay tôi đến đền ơn đáp nghĩa anh đây.

Tôi nói vui: “Chắc thầy vừa trúng “quả” đậm phải không?”

Thầy cười vang: “Quả gì? Mình có đi buôn vật như xưa đâu. Mà chú mi cũng phải đổi mới đi cho khỏi khổ.”

Tôi hỏi hột: “Dạ, em nghe đây.”

Thầy dong dạc: “Anh bỏ ngay mấy sào ruộng khoán và chăn nuôi tiểu nông ngay. Tôi từng biết anh nghèo đến mức mỗi khi ra khỏi nhà anh không quên khóa cái sập đựng khoai lang vì sợ đàn con luộc quá quy định phải không?”

Bỏ hết, đi làm ăn lớn. Mình và Đặng Văn Ký có vườn đồi ở Quỳnh Vinh mênh mông. Ra đó anh thỏa sức cày bừa, chăn nuôi sau 5 năm anh sẽ có bạc tỷ. Anh thạo nông nghiệp có tôi làm quân sư lo gì không giàu. Nói anh yên tâm, tiền đầu tư của tôi là vô tận.”

Tôi theo ông ra Quỳnh Lưu cùng nhà văn Đặng Văn Ký và gia đình em vợ của anh Ký. Chúng tôi cày cấy, đóng gạch xây nhà. Nhưng được mấy tháng tôi và gia đình anh nông dân kia đã nản với hai vị quân sư thơ văn lừng lẫy mà việc nông gia thì mù mờ. Anh Ký suốt ngày cặm cụi viết tiểu thuyết “Nhà có thuốc thần”. Thạch Quỳ thì mộng mơ với “Đêm vườn rừng”, để lợn, gà đi mất hết.

Mô hình nhà văn làm kinh tế trang trại bị phá sản. Chỉ có cái được là nhà văn, nhà thơ có tác phẩm ươm ý. Còn chúng tôi kịp hồi hương để không mất mấy sào ruộng khoán.

Nhà thơ Thạch Quỳ rất tâm đắc bài “Đêm vườn rừng”:

“...Ta một mình
Loạng choạng giữa khu vườn
Loạng choạng bước giữa thiên đường, âm phủ
Gờn gợn trời cao vừng trăng cáng đỗi
Rờn rợn đêm sâu ma lặc đưa đường
Đi hết vườn thì tóc ướt sương
Giật mình ngoái lại
Len lỏi giữa thiên thần yêu quái
Lẽo đẽo bóng mình dị dạng sau chân”.

Tôi nói như Thần khúc của thế kỷ 20.

Thạch Quý cười, thì sau cuộc làm ăn lớn ấy mình chỉ thu hoạch được mỗi bài thơ “học hiếm” là thắng đậm rồi!

Tôi cứ nghĩ chính sự phong trần đã cho thơ ông thêm vị muối khi đọc những câu thơ:

“...Tôi cùng Nhân dân/ Đội nón lên đầu/ Để lòng mở như cây xanh ngóng nước/ Muốn là đất cho mùa màng đặt bước/ Muốn là cây cho trái chín chim về”. “Tôi muối mặn với cuộc đời dân dã/ Tôi đói no với cơm áo đời thường...”

4. Năm năm trước, ông giục tôi: Anh làm đơn vào Hội Nhà văn đi, và ông cùng nhà thơ Dương Huy giới thiệu tôi. Thấy tôi cứ bị trì trệ mãi ở Hội đồng Thơ, ông bảo: “Người ta cả đời mới được một lần làm ủy viên hội đồng xét chọn. Anh nông dân nghèo thì làm sao được”.

Có khi ông bức xúc: “Tôi sẽ ra Hà Nội gặp Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa nói với họ rằng: Viết được thể người ấy xứng đáng vào Hội!”

Tôi nói, thôi thầy ạ, em viết cho bớt buồn thôi. Tầm cỡ như thầy mà đến tận bây giờ cái Giải thưởng Nhà nước người ta vẫn còn xét?

Ông thoáng buồn: “Sự đời là thế!”

Sáng ngày 6/9 tôi vào chào ông để về sớm tránh mưa nắng thất thường giữa mùa thu. Ông ngồi dậy và nói: “Ngồi với nhau lát nữa”. Ông lấy 2 triệu từ cái phong bì bạn bè đến thăm bảo tôi cầm lấy đồ xăng.

Tôi nắm bàn tay quá gầy guộc xanh xao, lòng dạ ngậm ngùi: “thầy đừng làm thế, muốn sắp xếp ở với thầy vài tháng cũng không được nữa vì sao thầy biết rồi. Thầy cố dưỡng bệnh, khỏe ra thầy trò lại gặp nhau thôi!

5. Về quê, tôi cảm thấy mỗi mệt, có nhiễm Covid từ ông không, tôi cũng không còn quan tâm nữa.

Đêm 13/9 tôi nhận được tin nhắn của ông: “vừa đem đến cho mình cái xe lăn đẹp lắm Vinh ạ”.

Tôi gọi điện chúc mừng và hỏi thăm sức khỏe của ông: “Thầy có ra với mấy cây cảnh không? Có gượng lên toa lét được không? Có người trực chăm sóc không?”. Ở bên kia sóng nghe giọng thầy yếu ớt: “Có khá hơn, nhưng đêm ngày hầu hết chỉ một mình”.

Tôi thưa: Khi nào ăn uống được bằng miệng thì mới yên tâm được!

Ông nói: Mình tin rồi sẽ khỏe lại thôi, rồi lại đi được xe máy về quê ăn rằm tháng Giêng và đến thăm Vinh được ăn gà đen, rang lạc bằng bếp củi lại uống rượu cùng nhau...

Mà mình đổi mới tư duy rồi đấy. Giờ đi đâu cũng chỉ một mình thôi. Nhất là đến với Vinh!

CHÙM THƠ VIẾT TRÊN GIƯỜNG BỆNH

Không đề

Chẳng ai ở lại lâu dài
Rằng tình nên trọng mà tài nên thương (*)
Chung nhau bởi một quãng đường
Gai tre lá mít vô thường gặp nhau...

(*) Nguyễn Du

Nghe mưa

Nằm nghe khế rụng đầu hồi
Mưa rơi trên đất, bốn trời sấm vang
Nằm nghe ngọn gió hồng hoang
Thổi từ thớ thịt thổi sang tế bào
Nằm nghe nước trút ào ào
Đồng hương lũ quết, đồng bào nhà trôi
Ngực tức thở, họng nghẹt rồi
Ho khan mấy tiếng, dậy ngồi nghe mưa.

Hoa

Hoa nở bên thềm tay không với được
Hóng gió đổi chiều để ngóng mùi hoa
Mùi hoa bay theo gió mùa đông bắc
Giường bệnh ta nằm, cửa sổ hướng tây nam.

Nhớ thức ăn

Đêm ngày nằm nhớ thức ăn
Nhớ mùi gia vị di căn vào mình
Nhớ gừng nghệ, nhớ tỏi hành
Chuối tiêu nhớ ngọt, cam sành nhớ chua
Nhớ từ thịt cá, rau dưa
Khoai lang trắng bột, củi dừa trắng tinh
Bánh đa, bánh mướt quê mình
Cháo lươn bốc khói, cháo hành lên hương
Nhớ từ mật, nhớ từ đường
Nhớ cà, nhớ nhút, bữa thường ngày thơ
Nghệ gừng nhớ vị cá rô
Hành tằm thơm phức nhớ tô thịt gà...
Chao ôi! Nhớ muốn khóc òa
Không ăn uống được biết là làm sao?
Qua ống nhựa, cháo bơm vào
Cái ngon, cái ngọt, ta nào biết đâu...

Đi rất xa và đi rất lâu

HỒ ANH THÁI



Ông ngoại tôi là cậu ấm con quan, cho nên thường được bà con gọi là ông Ấm. Ông Ấm ấy nguyên quán ở Nghệ An, nhưng thành một ông thầy thuốc thì đi chữa bệnh từ Bắc qua Trung vào Nam. Ông vào Nam, có thêm bà hai ở trong ấy, rồi cuối đời định cư ở Thủ Dầu Một.

Bà ngoại tôi quê Hải Dương, chẳng biết duyên phận thế nào mà lại lấy chồng xa thế, phải theo chồng vào tận xứ Nghệ. Mẹ tôi, Hồ Thị Diệp, có một người chị ruột là bác Hồ Thị Hạ (thân sinh của nhà thơ thiếu nhi Dương Huy), cũng là một nữ cán bộ hoạt động cách mạng, bị thực dân Pháp bỏ tù, bị tra tấn đánh đập, ra tù vài năm thì ốm đau quá mà mất. Sau mẹ tôi có năm ông em trai. Suốt hai mươi một năm trời chia cắt Bắc - Nam (1954-1975), nỗi lo thường xuyên của mẹ tôi là mấy đứa em trai phải đi lính cho phía bên kia, cầm súng bắn về bên này. Sau ngày 30-4-1975, cha tôi lập tức viết thư về địa chỉ ngôi nhà cũ của ông ngoại ở Thủ Dầu Một, không dám tin rằng có thể liên lạc được sau bằng ấy năm trời đầy biến động chiến tranh. Thế mà may mắn ở đây còn một ông cậu nhận được thư. Rồi tìm được đủ bốn ông cậu còn sống. Một ông là họa sĩ, thuộc nhóm Họa Sĩ Trẻ của Sài Gòn là họa sĩ Hồ Hữu Thủ, khi ấy đã có nhiều thành tựu. Cùng lúc anh Tài tôi là lính thông tin vào tiếp quản Sài Gòn, tìm đến ông cậu lớn, ông Hồ Hữu Tú. Những ngày hòa bình đầu tiên, dân Sài Gòn còn hoang mang chưa biết chính quyền mới cư xử với văn hóa ra sao. Nhỡ đâu sách báo cũ bị coi là văn hóa phản động. Ông cậu tôi định mang sách trong nhà đi đốt. Ông cháu là bộ đội thì tiếc, bèn xin lại một số sách quý như *Lữ người quý ám*, *Tội ác và hình phạt* của Dostoyevsky, *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell, sách triết của Krishnamurti... mà lúc ấy miền Bắc chưa dịch. Anh mang ra Bắc và những cuốn sách ấy vẫn còn trong tủ sách nhà tôi đến tận bây giờ.

Các cậu tôi sinh ra ở Nam Bộ nhưng đều lấy sinh quán là quê nội ở làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Cha mẹ tôi đều thuộc rất nhiều thơ. Nhờ cha tôi, nhà báo Hồ Sỹ Lăng của Đài Tiếng nói Việt Nam, từ bé tôi đã thuộc những bài thơ kháng chiến rất lãng mạn, như bài *Em tôi* của nhà văn Huy Phương mà sau này gặp chính tác giả, tôi đã đọc thuộc lòng lại cho chú nghe. Cả những câu thơ bằng khuâng của Hồng Nguyên: *Đêm đó chúng tôi đi / Nòng súng nghiêng nghiêng / Đường mòn thấp thoáng / Trong điểm nhỏ mười người trai tráng / Sờ chuôi lựu đạn / Ngồi thổi nùn rơm / Thức vữa rạng sáng / Nhìn trời sương nhảm bước chúng tôi đi...* Hoặc hùng khí và lãng mạn như Quang Dũng: *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc / Quân xanh màu lá dữ oai hùm / Mất trùng gửi mộng qua biên giới / Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm / Rải rác biên cương mồ viễn xứ / Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh / Áo bào thay chiếu anh về đất / Sông Mã gầm lên khúc độc hành...*

Nhưng phải nhờ mẹ thì tôi mới biết nhiều thơ hơn. Từ khi bắt đầu biết nói và biết nghe, tôi đã hằng đêm được nghe mẹ đọc thơ trước khi đi ngủ, như trẻ con bây giờ được mẹ đọc truyện đêm khuya. Mẹ tôi đọc Kiều: *Văn rằng chị cũng nức cười / Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa...* Mẹ ru tôi bằng những câu thơ thật là cổ kính của Chinh phụ ngâm: *Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt / Xếp bút nghiên theo việc đao cung / Thành liền mong tiến bệ rồng / Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời / Chí làm trai dặm nghìn da ngựa / Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao / Giã nhà đeo bức chiến bào / Thét roi cầu Vị ào ào gió thu...* Áo chàng đỏ tựa ráng pha / Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in... Bảo làm sao mà cho đến giờ tôi vẫn thích Chinh phụ ngâm hơn cả, còn hơn bất cứ một áng thơ cổ nào khác.

Vẫn là thơ cổ điển, mẹ tôi còn đọc nhiều bài thơ của Hồ Xuân Hương. Mẹ bảo Hồ Xuân Hương là bà cô tổ nhà mình đây. Rồi mẹ mỉm cười, ngày xưa các cụ bảo phụ nữ mà làm thơ như thế là nghịch nữ. Còn bé, tôi không hiểu thơ Hồ Xuân Hương, càng chẳng hiểu tại sao lại bảo là bà nghịch. Nghịch ngợm phải là mấy thằng con trai trèo me trèo sấu và văng tục ngoài đường kia chứ nhỉ.

Rồi từ mẹ mà tôi biết cả một kho thơ ca. Mẹ đọc thơ của bác Thông tôi, nhà thơ Hoàng Trung Thông: *Các anh đi ngày ấy đã lâu rồi / Xóm làng tôi còn nhớ mãi / Các anh đi bao giờ trở lại / Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong...* Hoặc Bài ca vỡ đất: *Chúng ta đoàn áo vải / Sống cuộc đời rừng núi bấy nay... Bàn tay ta làm nên tất cả / Có sức người sỏi đá cũng thành cơm...* Thậm chí cả những bài thơ chỉ phổ biến thời chống Pháp, sau này không mấy người còn nhớ như bài của chú Hoàng Trung Nho về anh hùng Cù Chính Lan: *Bà cụ già móm mém gửi lời sang / Nhà có vạt khoai lang chăm cho rành tốt / Đợi anh Lan về nghỉ phép / Mời sang nói chuyện giết Tây chơi...*

Có lẽ phần thưởng thơ ca cho mẹ chính là suốt thời tôi học cấp hai và cấp ba phổ thông, tôi đoạt nhiều giải thưởng học sinh giỏi văn cấp thành phố và cấp toàn miền Bắc. Mà cũng không học lệch, các môn toán lý hóa cũng đạt điểm từ 7/10 đến 9/10. Ba năm cuối phổ thông, đã đành không phải nộp học phí, lại còn được học bổng lớp chuyên văn, mỗi tháng bảy đồng rưỡi. Tiền ăn cho một đứa học trò

nghèo thời ấy chỉ khoảng mười hai đồng một tháng. Tiền học bổng tôi đem về nộp hết cho mẹ.

Năm 1936, mười tám tuổi, mẹ tôi bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng chống Pháp. Năm ấy bắt đầu Mặt trận Bình dân bên Pháp lên cầm quyền, chính sách thuộc địa có những nói lỏng, dẫn đến phong trào dân chủ ở Đông Dương 1936-1939. Mười chín tuổi, cô Diệp lấy chồng, vẫn tiếp tục tham gia hoạt động ở làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Cha tôi có bà chị đã có gia đình ra ở riêng, đằng sau cha còn bốn đứa em trên dưới mười tuổi. Mẹ tôi là dâu trưởng, phải giúp cai quản đàn em lít nhít này. Chú Ba tôi sau này là bác sĩ, Phó Giám đốc Sở Y tế, nhưng hồi ấy mới mười bốn tuổi. Ban đêm chú muốn ra ngoài đi giải còn sợ ma, phải bắt chị dâu là mẹ tôi dẫn đi. Bà chị dâu phải đứng sau canh ma. Xong xuôi rồi, chú không dám nhìn trước ngó sau mà đâm đầu chạy ù vào trong nhà, bỏ mặc chị dâu chậm chân.

Hằng ngày mẹ tôi vẫn bận rộn họp hành, đi bàn biện pháp tổ chức đấu tranh chống Pháp. Cha tôi thì đi hoạt động bí mật, danh nghĩa là đi dạy học tư ở Hải Phòng và một số tỉnh miền Bắc. Bà nội tôi không thích con dâu cứ họp hành hội kín hội hở như vậy. Đêm bà khóa cổng, về muộn thì đứng ngoài. Mẹ tôi không đứng ngoài mà phải xé rào chui vào, rách cả áo. Sau này cũng có khi mẹ nhắc lại, coi như mình có thể đi vận động quần chúng khắp nơi, chỉ trừ bà nội là không vận động được.

Tôi là con út trong nhà có bảy anh chị em. Mẹ sinh tôi khi đã bốn mươi hai tuổi, nhà đông con như vậy là vất vả lắm. Mới hai tuổi, cùng một năm tôi mắc ba thứ bệnh phải đi cấp cứu: lên sởi, đi tiêu chúng thì bị sài uồn ván gặt lên đùng đùng, vừa mới khỏi thì bị bệnh bạch hầu không thở được. Nhưng chỉ ba lần đi bệnh viện ấy thôi, suốt một đời đi làm việc không phải vào bệnh viện, cho đến khi về hưu.

Năm 1965, máy bay Mỹ đánh gắt hơn vào các thành phố miền Bắc. Phải sơ tán người già và trẻ em ra khỏi thành phố, về nông thôn là nơi không có nhà máy xí nghiệp, không gần các quốc lộ đầy xe chở vũ khí và lương thực tiếp tế, đầy tàu xe đưa bộ đội vào Nam. Cha mẹ tôi ở lại thành phố làm việc. Chị Thoa tôi hai mươi mốt tuổi được điều đi dạy văn ở một trường cấp hai gần Phủ Giày, Nam Định. Tôi phải theo chị về đấy, coi như đi sơ tán. Tôi cầm cái túi quần áo, chào: Con chào cậu mợ con đi sơ tán, hai năm con về. Chẳng ai dạy mà nói cả thời hạn là chỉ đi sơ tán hai năm thôi. Thực tế là phải hơn ba năm, mãi đến 1968, Mỹ tạm dừng ném bom miền Bắc, mới thực sự có mấy năm được về lại thành phố. Cho đến tháng 4-1972 lại sơ tán một lần nữa, tránh bom B52. Đến 27-1-1973, Mỹ chịu ký hiệp định Paris chấp nhận rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, lúc ấy dân miền Bắc mới thực sự được trở lại thành phố và không còn lần nào phải đi sơ tán nữa. Nói cho chính xác thì sau sự kiện 17-2-1979, "tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới / gọi toàn dân ta vào cuộc chiến đấu mới", dân chúng lại phải rục rịch chuẩn bị tinh thần cho một cuộc sơ tán mới.

Chiến tranh thì cứ con người là khổ. Trẻ em, người già, phụ nữ có cái khổ riêng. Tôi xách túi đi theo chị Thoa đến nơi sơ tán. Đoạn này tôi đã viết lại trong cuốn *Tự kể*: “Được một tuần. Mẹ tôi từ thành phố lên thăm. Mẹ ở chơi một buổi rồi quay lại thành phố. Lúc ấy tôi mới đòi theo về bằng được. Chị Thoa giữ tôi lại để mẹ lên một chiếc xe ngựa chạy ra khỏi làng. Tôi giằng ra được, chạy theo cái xe vừa gào vừa khóc. Một anh nào đó đi ngang đường tóm được tôi lại, nhưng tôi đã như lên cơn điên, lại giằng được ra khỏi tay anh ấy. Chạy đuổi theo cái xe mà khóc. Mợ ơi. Mợ ơi.

Mẹ tôi bảo xe dừng lại. Rồi bước xuống dắt tôi lên. Thôi, để tôi cho cháu về. Mẹ cười nói với mọi người.

Về sau trong nhà, mọi người vẫn nhắc lại cái câu ấy để trêu tôi. Con chào cậu mợ con đi sơ tán, hai năm con về.

Về lại thành phố. Mỗi đêm ít nhất dăm bảy lần phải chạy ra gầm cầu thang ngay bên hông nhà để trú. Còi báo động hú lên. Loa truyền thanh rọt rọt rồi vang lên giọng phát thanh viên: Đồng bào chú ý, máy bay địch cách thành phố tám mươi ki lô mét. Yêu cầu đồng bào xuống hầm trú ẩn. Các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu... Tôi đang mê một ngủ thì mẹ đập đập vào vai: Em, dậy đi. Trong nhà tôi là bé nhất, là em của tất cả, nên mẹ gọi là em thay cho các anh chị. Được vài lần đầu tôi còn loạng quạng bò dậy chạy theo mẹ ra gầm cầu thang. Hoặc chui xuống cái hầm lõng bóng nước mới đào dưới gầm giường, cóc nhái nhảy tòm tòm. Nhưng một đêm không chỉ vài ba lần báo động. Máy bay địch vừa bay đi, vừa vào giường được một lúc thì nó quay lại. Mẹ lại đập vai tôi: Em, dậy đi. Tôi lơ mơ biết, nhưng cứ ì ra. Không chịu dậy. Thế là mẹ vội vàng xốc tôi lên, rồi cứ thế mà bế chạy xuống hầm. Những lần sau cũng thế. Tôi cứ ì ra, chẳng sợ gì, mà cũng vì biết rằng thế nào mẹ cũng phải bế chạy. Trẻ con có cái ác của trẻ con. Hồn nhiên và vô tình mà ác. Mẹ tôi cao khoảng 1,56 mét, hồi ấy gầy gò chỉ khoảng bốn chục cân. Thế mà một đêm dăm bảy lần phải xốc một thằng bé sáu tuổi chạy xuống hầm...”

Ở trên tôi đã kể, thời phổ thông được học bổng lớp chuyên văn, mỗi tháng bảy đồng rưỡi. Dem về nộp thì mẹ thích. Nhưng mẹ không thích tôi cứ cắm đầu vào học. Buổi tối đều đặn ngồi tự học, bắt đầu từ bảy giờ. Mới chín giờ rưỡi, đang say mê với bài vở thì mẹ vào bảo, thôi, đừng học nữa, đi ngủ đi em. Cha mẹ tôi khuyến khích tôi đi chơi nhiều hơn chứ không muốn con mình mọt sách như thế. Còn tôi thì ầm ục. Nhà người ta thì cha mẹ nào cũng bắt con cái học nhiều hơn. Chỉ có mẹ tôi là “đừng học nữa, đi ngủ đi em”.

Năm 1992, sau bốn năm liền ở Ấn Độ, tôi mới được về phép. Lúc ấy mẹ tôi đã yếu lắm. Giãn phế quản nhiều năm trời, có khi ho ra máu đến mức tưởng là ho lao. Đêm nằm có lúc không thở được, phải ngồi dậy, cha tôi cũng phải ngồi dậy theo. Ông nhà báo về hưu giờ kiêm luôn thầy thuốc. Cha phải lấy thuốc cho mẹ uống, tiêm cho mẹ, rồi cha tôi phải ngồi có khi cả đêm, lấy lưng mình cho mẹ tôi tựa.

Tôi về phép được vài tuần, lúc ra đi không nghĩ đây là gặp mẹ lần cuối. Mẹ tôi đứng lâu thì mỏi, phải ngồi xuống trước cửa, chỉ nhìn theo mà không nói gì, nói thôi cũng mệt. Tôi xách va li ra, quay lại, chỉ nói được một câu: Con đi đây mợ. Rồi đi luôn. Người phương Đông thể đấy, đến bộc lộ tình cảm gia đình cũng không lộ liễu. Cứ như là khô khan.

Một năm sau, có lần tôi gọi điện về cơ quan anh Tài ở văn phòng Quốc hội. Thời ấy chưa có điện thoại di động. Ở nhà cũng chưa có điện thoại bàn. Thỉnh thoảng tôi phải tính giờ rồi gọi về cơ quan anh Tài đúng vào giờ làm việc, hỏi chuyện nhà. Lần này cũng chẳng có linh tính gì. Gọi đúng vào một cậu nhân viên cùng phòng anh. Cậu báo: Bà mất rồi anh ạ, anh Tài đang chạy đi lo việc tang.

Thời ấy không phải cứ đặt vé máy bay là đi được ngay. Ở nhà mọi người đều biết thế nên không báo cho tôi về. Tôi chỉ còn biết tiễn biệt mẹ từ xa.

Mỗi lần nhớ lại ngày chào mẹ để đi, tôi lại nghĩ lẽ ra mình phải nói được câu gì hơn thế, không phải là câu con đi đây mợ. Phải có được một cử chỉ gì hơn thế, người Âu - Mỹ người ta ôm cha mẹ khi chia tay, bày tỏ trực diện. Mình thì cứ thế mà đi. Để bây giờ ăn một miếng lại nhớ ngày xưa mẹ mình thích món này mà không phải lúc nào cũng có mà ăn. Chắc là nhiều người nhớ về mẹ mình đều có ý nghĩ tương tự.



Tôi không có mặt ngày mẹ tôi mất, không tận mắt thấy mẹ mất, sau này bốc mộ cho mẹ, tôi cũng không đi cùng mọi người, vì không muốn mắt mình nhìn thấy mẹ chỉ còn là hài cốt. Vì thế tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mẹ tôi mất. Chỉ là đi rất xa và đi rất lâu.

Đất không phụ người có “nhân”

ĐÀM QUỲNH NGỌC

Một ngày của mùa thu chuẩn bị sang đông, không khí mát mẻ, chúng tôi chọn ngày cuối tuần xuất hành về trung du miền Tây xứ Nghệ, nơi có Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Bảo Ngọc chuyên sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh lớn nhất tỉnh ở xã Nghĩa Yên, Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Xe chúng tôi đi theo con đường đất đỏ pha vàng xuyên qua các vườn đồi tràn trề màu xanh cây trái um tùm nhìn đến ngợp mắt. Đi thêm đoạn nữa, đồi cây xanh loăng dăn ra, nhường không gian mênh mông bát ngát đang chứa đầy các nguyên liệu để chăn nuôi trùn quế. Đó là phân bò và bã mía thu gom về chưa xử lý, nên có mùi ngai ngái lẫn vào không khí của đất trời, thiên nhiên.

Đón chúng tôi là anh Dương Tiến Thành, sinh năm 1971 tại vùng đất đầy nắng và gió Lào của miền Tây tỉnh Nghệ. Giám đốc của Công ty có gương mặt xạm nắng, răn rỏi, mộc mạc, đầy khí chất của một con người tự tin và bản lĩnh. Giám đốc Thành trưởng thành đi lên từ đất, lăn xả với cuộc sống, vào đời bắt đầu từ thực tiễn, từ niềm đam mê nơi vùng đất đỏ Phủ Quỳ. Cha mẹ Thành đã bám đất, nuôi con, là tấm gương sống chết vì đất, cả một đời máu thịt với quê cha đất tổ.

Anh Thành tiếp bước theo cha về tình yêu quê nhà nông nàn, nhưng cách thể hiện khác nhau. Anh lăn lê bò toài sống trên đồi núi trung du và cả đồng bằng tại những nơi anh đã đi qua, học hỏi, tiếp thu, hít thở hương vị của thiên nhiên thành thói quen không thể thiếu trong cuộc sống. Đất là máu của con người. Thành thấm thía sâu sắc khi hiểu người nông dân đã lạm dụng thuốc trừ sâu, thuốc tăng trưởng, phân hóa học tác hại đến màu mỡ của đất ra sao? Đất đã và đang bị khô cứng do bị con người “bóc lột” quá sức theo trào lưu “khoa học công nghệ” từ phương Tây. Trùn đất trên đồng ruộng dần dà bị chết dần, chết mòn vì hóa chất. Trùn hiếm dần đi và gần như có nơi mất hẳn. Dem lại sinh thái, màu

mỡ tươi xốp cho đất chỉ có trùn. Trùn là “thợ cày” của đất. Charles Robert Darwin là một nhà nghiên cứu nổi tiếng trong lĩnh vực tự nhiên học người Anh đã đúc kết: “Không có mảnh đất màu mỡ nào mà đất đai nơi đó lại không được nhào nặn qua cơ thể của trùn”. Nhưng phục hồi lại sinh thái một cách thảnh thơi phải qua trùn đất mới có hữu cơ vi sinh. Trùn quế là “nhà khoa học” sản xuất ra thành phẩm được nhà nông ưa chuộng: phân trùn quế. Một loại phân hữu cơ vi sinh tốt nhất mà người nông dân gọi là “vàng đen”. Bà con ưa thích bởi giá cả phải chăng, năng suất cây trồng tăng, góp phần tạo một nền “nông nghiệp sạch”. Phân hữu cơ vi sinh còn được sử dụng chăn nuôi gia cầm và thủy sản. Từ thế giới âm thầm và lặng lẽ này, sản phẩm trùn quế mang lại thật quý giá với hàm lượng chất dinh dưỡng rất cao cho cây trồng, vượt trội nhiều lần phân bón truyền thống lẫn phân hóa học, cải tạo đất đai, phục hồi màu mỡ, tạo môi trường phát triển cho thiên nhiên.



Anh Dương Tiến Thành đang hướng dẫn công nhân trong xưởng sản xuất

Anh Dương Tiến Thành thực sự là người “kỹ sư nông dân” chân đất của khoa học công nghệ thời đại mới bằng... thực tiễn và trường đời. Anh Thành không có “bằng cấp đầy mình” như nhiều người khác, những gì anh hiểu biết về đất, về vi sinh, được cuộc sống trao tặng từ việc đánh đổi bằng mồ hôi và nước mắt không hề đơn giản. Anh Thành “đi lên từ đất” một cách lặng lẽ và kiên nhẫn đến ngạc nhiên, bước tiến bộ của anh khiến thân sinh cũng phải nể và tự hào. “Hữu xạ tự nhiên hương”. Có những việc anh làm, không ai biết, người thân nhất cũng không hay, như việc anh quyết định, quyết tâm thành lập Công ty (năm 2008), sống chết vì nó. Bước đầu phải thuê 2ha đất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, mở rộng hơn 1 km đường góp phần giao lưu cho toàn dân. Rồi tìm nguồn nguyên liệu, học nuôi trùn quế như thế nào để chế biến thành phân hữu cơ vi sinh, v.v,... Có kết quả, thành công bước đầu mọi người mới hay. Anh đã cùng tập thể của Công ty đi lên bằng nội lực, bằng một tấm lòng yêu thiên nhiên, đất đai và khát vọng của con nhà nông ngay trên vùng đất mình đang sống. Nhờ hiểu biết đến từng hơi thở về đất, kỹ càng chân tơ kẽ tóc, nắm bắt được nhu cầu sử dụng của người nông dân đang cần gì để đáp ứng. Giờ thì diện tích trang trại chế biến phân hữu cơ, nuôi trùn quế ngày càng phát triển hơn, từ 2ha mở rộng lên đến 5 ha nơi vùng đồi. Các mối quan hệ dần dần lan xa. Chậm nhưng chắc

chấn, không chộp giật theo kiểu ngày nào biết ngày ấy nơi thương trường. Phân hữu cơ của Công ty Bảo Ngọc đã đi khắp đất nước. Việc nuôi trùn quế không hẳn là mới nhưng nuôi với công nghệ khép kín có sự đầu tư bài bản khoa học không phải là nhiều. Tổng diện tích nuôi nằm trên khuôn viên gần 2000m², được chia thành 6 luống. Khoảng cách giữa các luống có chiều rộng gần 3m. Hàng ngày có xe chuyên dùng cung cấp nguồn phân lên mặt luống cho trùn ăn và thu hoạch sản phẩm. Cứ 2 tháng lại thu hoạch 1 lần. Dưới lớp phân bò dày đặc trùn quế. Phân mùn của trùn quế đang có giá với người nông dân. Công ty Bảo Ngọc xứng tầm với các thương hiệu chất lượng vàng của nông nghiệp Việt Nam. Công ty có đội ngũ cán bộ, công nhân khoảng 60 người, việc làm ổn định, được học chuyên về vi sinh. Hàng chục chàng trai, cô gái nông thôn trở thành nguồn nhân lực chủ chốt của công ty, có việc làm ngay trên quê hương mình. 30 xe tải kéo hoạt động liên tục phục vụ cho việc vận chuyển và đưa thành phẩm đến các nơi: Thanh Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng trị... sang cả nước bạn Lào. Đặc biệt, tất cả sản xuất trên 5 giàn dây chuyền hiện đại khép kín từ khâu ủ men vi sinh đến khâu đóng bao thành phẩm đều tự động, làm sạch môi trường, tăng độ phì nhiêu cho đất.

Lượng phân bò khổng lồ, bã mía trên địa bàn thị xã Thái Hòa, và huyện Nghĩa Đàn trở thành nguồn nguyên liệu quan trọng. Nguồn tài nguyên vô tận ở trang trại của tập đoàn TH tại Nghĩa Đàn là thức ăn cho trùn quế, một đội quân hùng hậu chuyên ăn chất thải, phân gia súc làm sạch môi trường đem lại sự hữu ích không hề nhỏ. Anh Thành hợp đồng cung cấp thức ăn các loại cỏ, ngô hàng ngày cho hàng ngàn con bò sữa của trang trại TH, xử lý chất thải luôn. Ba mươi xe kéo chuyên chở đầu vào, rồi đầu ra từ trang trại TH nhịp nhàng đúng quy trình hàng ngày, sau đó tỏa đi khắp nơi trên mọi nẻo đường rất chuyên nghiệp. Với nhịp điệu như hiện nay thì Công ty Bảo Ngọc sẽ còn tiến xa hơn nữa trong nền công nghiệp phân bón của Nghệ An.

Anh Dương Tiến Thành, một nhà nông chính hạng, yêu việc mình đang làm, cần mẫn học hỏi từ thực tiễn, tiếp nhận chuyển giao thể hệ, vận động hết chất xám, “đổ mồ hôi sôi nước mắt” cống hiến nuôi dưỡng đồng ruộng, cây trái, làm giàu cho đất và làm giàu từ đất. Hàng chục triệu người đang phó thác sinh mệnh cho thiên nhiên thì phân hữu cơ vi sinh học vẫn đang phải có để trả món nợ giữa người và đất, tạo cân bằng sinh thái, và cũng là quy luật vay - trả giữa đất và người. Tôi tin những gì ở Công ty Bảo Ngọc đang làm là có cơ sở để khẳng định mối quan hệ này là bền và vững.

Tính từ ngày Công ty thành lập cho đến năm nay (2022) đã tròn 14 năm. Mười bốn năm với bao công sức và mồ hôi nước mắt đổ xuống đất đã xây dựng nên thương hiệu phân hữu cơ vi sinh: “Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2022”. Danh hiệu này là hoàn toàn xứng đáng, không phải để mới có ngày hôm nay.

Đất đã không phụ lòng người có “nhân”!

Ăn của rừng... rừng rừng nước mắt

VĂN HIỂN

Một ngày của mùa thu chuẩn bị sang đông, không khí mát mẻ, chúng tôi chọn ngày cuối tuần xuất hành về trung du miền Tây xứ Nghệ, nơi có Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Bảo Ngọc chuyên sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh lớn nhất tỉnh ở xã Nghĩa Yên, Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Sau loạt bài phóng sự sinh động về hậu quả tàn phá kinh hoàng cơn lũ ống, lũ quét đầu tháng 10 năm nay tại xã Tà Cạ, Tây Sơn, Kỳ Sơn, báo Nghệ An có ngay bài viết điều tra sâu sắc về nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thảm họa thiên tai không chỉ đổ ập xuống đầu người dân miền núi. Các huyện miền xuôi, thậm chí đồng bằng cũng chịu chung sức hủy hoại khốc liệt của lũ, lụt, mưa bão, vượt mức độ dự báo.

Đọc bài “Đi tìm nguồn cơn cơn lũ dữ” của nhóm tác giả Hoài Thu, Thành Cường, không ai không nhận ra nguyên nhân chủ yếu là hậu quả nạn tàn phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ đến cạn kiệt. Hậu quả bóc lột triệt những cánh rừng nguyên sinh được thiên nhiên ưu ái con người, có tuổi sinh trưởng hàng vạn năm, thậm chí hàng triệu năm không chỉ xảy ra ở huyện Kỳ Sơn. Không phải chỉ xảy ra vài chục năm nay, mà xảy ra hơn 60 năm kể từ năm 1958, cả tỉnh thành lập các lâm trường chuyên khai thác gỗ địa phương và Công ty Công nghiệp rừng Sông Hiếu, trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, sau này là Bộ Lâm nghiệp. Ấn theo các lâm trường là ba nhà máy gỗ Vinh, Thống Nhất, Đô Lương chưa tính mỗi lâm trường còn có xưởng chế biến gỗ tại cửa rừng, mỗi năm xẻ hàng vạn m³ gỗ thành khí loại tứ thiết như: lim, sến, táu, đinh hương, cà ổi, de, dổi...

Khi rừng nguyên sinh kiệt quệ làm sao không mất rừng khi mỗi năm lâm trường Con Cuông khai thác trên 3 vạn m³ và Công ty Công nghiệp Lâm nghiệp Sông Hiếu chặt hạ hơn 9 vạn m³. Không còn gỗ khai thác, người ta chuyển hướng sản xuất lâm nghiệp sang bảo vệ, trồng rừng thì đã muộn. Đã vậy quy hoạch trồng rừng, chỉ tập trung, hồ hào phát triển diện tích cây cho gỗ ngắn ngày, có tuổi sinh trưởng chưa đủ nuôi bộ rễ cắm sâu vách núi, không lưu giữ nước bền chặt. Và lại, loại gỗ xoan, bạch đàn, mỡ, bồ đề, tán mỏng bộ rễ ăn cạn, không đủ sức chống chịu gió bão, độ che phủ đất mỏng và hẹp, mưa to, đất rừng bị xói mòn rộng, nhiều ngày dẫn đến lũ quét, lũ ống tàn phá hạ lưu.

Tôi chợt nhớ công lao của ông Vũ Chông Pao, người Mông, suốt hai mươi năm làm Chủ tịch huyện Kỳ Sơn, ông dày công vận động bà con các dân tộc trồng mới và chăm sóc 145.000ha rừng phòng hộ bằng loại cây bản địa. Tìm kế mưu sinh lâu dài, hạn chế phá rừng làm rẫy, ông đưa giống cánh kiến đỏ từ Thanh Hóa về nuôi trồng, nhiều cánh rừng Kỳ Sơn bao nhiêu năm có rừng phòng hộ và con đập thủy điện ngăn suối Huổi Giăng mà nạn lũ quét bị ngăn chặn. Tới thời chặt phá, chuyển đổi cây trồng, không sống thân thiện với rừng phòng hộ nữa, hiểm họa xảy ra dưới “những túi nước khổng lồ gây lũ lụt” treo lơ lửng trên vách núi là đương nhiên.

Lại nhớ, trận lũ ống tàn phá mấy bản người Mông, người Thái ở Nậm Giải, huyện Quế Phong năm 2007, phút chốc cướp đi sinh mạng hơn mười người dân trong đêm thảm họa. Không thể sinh sống trên vùng đất bị tàn phá tan hoang, đến cánh đồng gieo lúa nước bao nhiêu đời cũng bị đá cuội vùi lấp dày hàng mét, bà con hai bản Pục, Mèo di dân vào định cư ở bản mới Piêng Lâng từ năm 2009.

Thảm thía nỗi đau mất người, mất bản, mất ruộng vì mất rừng phòng hộ, vào nơi định cư mới, dân bản Piêng Lâng lo trồng cây chắn nước, che gió bão dưới đỉnh lèn Phá Lâng, tạo nên bức tường cây xanh bao bọc quanh thôn bản. Xen cây phòng hộ có nguồn gốc sinh thái bản địa, bà con trồng cây quế, cây sớ, cây khoai sọ, cây keo ở vùng đồi thấp, tạo nguồn nước trồng nếp cây noi, bán với giá 20.000 đồng một cân. Giữ rừng tại vườn, quanh nhà sân, bà con trồng vài chuối, mít, nhãn vừa che chắn gió bão vừa thu hoạch sản phẩm hàng hóa. Trồng cây xanh phòng hộ, trồng cây ăn quả, hoa màu giữ đất, chống trôi rửa đất, đời sống của bà con ngày một đi lên.

Các hộ trong bản tái định cư sau cơn lũ quét Nậm Giải hồi sinh đã chăn nuôi hơn 200 con trâu bò, đàn lợn 150 con. Hộ anh Lô Văn Hiệp, thoát nạn sau cơn lũ lịch sử, có cơ ngơi khang trang, nuôi 16 con trâu, 20 con dê, 500 con gà. Cây phòng hộ dưới chân lèn Pá Lâng đã xanh mướt mát, phủ kín đất rừng, nắn dòng chảy thành con suối, bao quanh bản, tạo nguồn nước gieo trồng 10 ha cây nếp đặc sản cày nọi, loại nếp đồ xôi có mùi thơm đặc trưng xứ lạnh quanh năm. Mô hình trồng rừng phòng hộ, trồng cây ăn quả chống xói mòn đất ở, đất canh tác của bà con Piêng Lâng còn ảnh hưởng thay đổi sâu sắc tới tập quán sinh sống đầu nguồn sông Chu của người Lào, bản Nậm Bồng, huyện Sầm Sơn, chung đường biên giới với huyện Quế Phong tự bao đời nay.

Sự sống vùng cao phải chi biết thân thiện, trân trọng với đại ngàn, càng thấm đậm câu châm ngôn của tiền nhân truyền đời nhiều thế hệ “ăn của rừng, rừng rừng nước mắt”. Chỉ được rừng nuôi nấng không thôi đã rừng rừng nói lời biết ơn, cảm tạ, hướng chi nở tàn phá rừng, hủy hoại môi trường vẫn được ưu ái và đang được thụ hưởng. Tuy nhiên, mọi sự đều có giới hạn, chúng ta ngấm ngời gì về sự trả giá của con người khi quá vô cảm với thiên nhiên vốn rất hào phóng, bao dung. Sẽ còn có nhiều bài học đau xót từ chính những thảm họa thiên tai đặt ra với người dân, với cơ quan quản lý các cấp, các ngành không chỉ sau trận lũ quét ở Kỳ Sơn đầu tháng 10 năm 2022 và tháng 8 năm 2007 ở Nậm Giải, Quế Phong.

Trong lâu dài phải thay đổi nhận thức về hoạch định chủ trương, chính sách quản lý, kinh doanh rừng và đất rừng. Giữa quan hệ trồng rừng phòng hộ với bảo vệ rừng phòng hộ, nhất là rừng đầu nguồn. Giữa quy hoạch khu dân cư lâu dài, ổn định với vùng núi, đồi có thể cho phép canh tác, làm rẫy đất dốc nhưng không gây mất rừng, mất đất.

Thực tế vài ngàn hecta lúa nước và hàng vạn hecta lúa rẫy là bài toán chưa có lời giải cân đối lương thực cấp thiết cho hàng chục vạn các dân tộc Mông, Thái, Khơ Mú, Ô Đu sinh sống ở rẻo cao, vùng sâu vùng xa.

Ông Vi Tân Hợi, khi còn là Phó Chủ tịch huyện Tương Dương đã có lần đề xuất với Chủ tịch tỉnh Phan Đình Trạc giao cho các huyện miền xuôi cung cấp lương thực ổn định hàng năm với giá ưu đãi để bà con dân tộc bỏ hẳn tập quán phá, phá rừng làm rẫy, tự giác giữ rừng, bảo vệ rừng một cách hiệu quả nhất. Vì nhiều nguyên nhân mà ý tưởng ấy không thành sự thực. Và tình trạng mất hàng vạn hecta rừng mỗi năm vì tập quán phá rẫy tria lúa, ngô, khoai sọ, bầu bí vẫn tiếp diễn năm này qua năm khác.

Ở tỉnh ta không phải không có người dân miền núi cân đối nhu cầu lương thực và sản phẩm hàng hóa bằng cây trồng, vật nuôi dưới tán rừng, sinh kế từ rừng, bảo vệ rừng. Nhưng khi thành hàng hóa như cánh kiến đỏ, chanh leo, mận tam hoa, gừng, nghệ, khoai giông riêng, gia súc gia cầm đặc sản làm ra... thì bết tắc thị trường tiêu thụ. Hoặc giả như chanh leo khi sản lượng thấp, sâu bệnh xâm hại, còn thiếu giải pháp khoa học khắc phục, ngăn ngừa bệnh tật, chưa có biện pháp kỹ thuật tác động tăng sản lượng. Nhiều người trồng chán nản, chuyển trồng cây keo cho hiệu quả kinh tế nhanh nhưng đặc tính sinh trưởng ngắn không thể giữ được đất bền chặt như cây lấy gỗ. Sau thu hoạch cả gốc, cây keo trồng mới trên đất trống còn nhỏ, chưa kịp khép tán, độ che phủ thấp, gặp mưa lũ, đất bị xói mòn rất nhanh.

Giải pháp nào cũng xin giữ lấy rừng, nuôi lấy rừng, thương lấy rừng, trồng lại những dải rừng từ chính vùng đất bạc màu, tràn ngập đất đá, nơi con lũ dữ dằn vừa đi qua.



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

Cô đơn trong vòng ôm của anh

VÕ HỒNG THU

- Em đừng có lau người xong vứt toẹt cái khăn tắm xuống sàn nhà thế được không?
- “Tại sao? Bao nhiêu lần anh nói với em như vậy rồi mà không cho em biết lý do. Em không thể tiến bộ được”, cặp môi vốn trễ tràng bĩu ra, nhìn chỉ muốn cắn.
- Tại vì... Anh không muốn cho em biết lý do.
- Vậy thì thôi, em cứ ném khăn cho đến khi nào biết lý do.
- Ờ, thế thì thôi, anh không giữ nữa. Em có biết hành động đó nó giống hệt bọn... gái anh thấy trong phim.

- “Thôi đi”, cặp môi chọt nghiêng vào nhau vẻ đánh đá bất ngờ, “Anh nên thành thật nói là anh đã nhìn thấy tận mắt nghe còn dễ chịu hơn”.

- Không phải!

- Thôi được, ít nhất anh cũng đã nói ra. Nhưng anh phải trả lời cho em biết vì sao anh biết đó là thói quen của bọn gái đó. Em cứ tưởng anh chỉ biết sách vở, vui đầu trong thư viện. Hóa ra anh cũng như những bọn đàn ông chơi bời.

- Em đừng mở rộng vấn đề. Không nhất thiết phải nhảy vào chảo mỡ đang sôi để tả một miếng beefsteak nhé.

- Nhưng anh thì chỉ cần nhìn nửa con mắt là kết tội lung tung được rồi chứ gì? Làm ơn đừng có mà nhìn em qua cái gương để trên bàn như vậy. Anh quay hẳn lại đây nhìn em này!

Vũ bật cười. Cô nàng nói đúng tật quen của anh. Trên bàn làm việc của anh luôn để một cái gương to, anh thường xuyên xem tivi qua chiếc gương đó. Tức là trong lúc tay vẫn gõ máy tính đều đặn thì mắt có thể theo dõi tivi. “Em không làm được điều gì khuất tất sau lưng anh”. Vũ thường đe cô nàng như vậy. Thực ra anh nói thế là để được nhìn cặp môi mọng trẻ xuồng, bất bình. Vũ quay lưng lại. Những chấm mồ hôi lấm tẩm trên mũi cho thấy cô nàng đang hơi căng thẳng. Sao thế nhỉ? Sự cầu nhàu của anh đã trở thành gia vị trong những đối thoại hàng ngày. Chả nhẽ cô ấy vẫn còn cảm xúc? Không nhầm? Vũ quyết định gieo chút hài hước:

- Nhẽ ra anh nên gọi em là Lucu.

- Là sao?

- Thì tên gọi tắt của Lục Chúc đó. Mà này, ông già em chắc mê kiếm hiệp nhỉ? Anh thú thật lần đầu nghe tên em, anh nghĩ em có tài phi tiểu đao.

- “Rồi sao?” Lục Chúc không cười phá lên như Vũ hình dung.

- Thôi, anh không hứng kể nữa.

- “Thì thôi”, cô nàng thờ ơ đáp. Đoạn với tay lên thành giường lấy chiếc váy mỏng mảnh, trong suốt choàng vào người. Vũ nhìn theo những cử động duyên dáng, ngạc nhiên thấy mình không sôi sục. Nếu là cách đây nửa năm, anh sẽ không thể ngồi im. Cái gì người ta cũng có thể chai, mà thôi đó là câu chuyện của hormone. À không, trong trường hợp này thì nó là câu chuyện của cảm xúc trong khoảnh khắc.

Vũ không thể nói với Lục Chúc về cảm giác của anh khi nhìn thấy cô choàng chiếc khăn tắm to dùng từ trong bồn đi ra, vừa đi vừa lau khô người và rồi rút toẹt chiếc khăn đó xuống sàn, bất kể đó là chỗ nào trong nhà. Cô ấy kết thúc việc tắm khô thân thể ở đâu thì chiếc khăn sẽ được rút đúng chỗ đó. Cử chỉ thô khiến anh sồn da gà. Nhớ lại quá khứ và nhớ lại cảm giác rùng mình trong quá khứ. Cô ta trong ngày xưa của anh cũng thường xuyên làm như vậy. Lần đầu tiên nhìn thấy hành động này, Vũ đã thấy ghen. Lúc đó anh không giải thích được cảm xúc của mình, cũng không biết nói câu gì để ngăn cản cô ta. Anh chỉ cảm giác là những người con gái hiền lương thì không thể hành động như vậy. Về sau, anh phát giác người mình

đang yêu chính là một - anh vẫn khó khăn khi phát âm từ này - gái gọi. Anh khinh miệt gọi cô ta như vậy sau khi biết rằng song song với mối quan hệ yêu đương với mình, cô ta vẫn duy trì những mối quan hệ xác thịt khác. Những vị khách được tiếp ngay trong ngôi nhà của cô ta, trên chiếc giường họ từng chia sẻ ân ái. Vũ đau đớn khi phải hứng sự thật đó. Cô ta nhờ anh chữa điều hòa phòng ngủ và vì thế mà anh phát hiện hai camera được giấu khéo léo, chĩa thẳng xuống giường ngủ. Những hình ảnh từ bộ nhớ camera tuy ít nhưng Vũ muốn lừa dối bản thân đến mấy cũng không thể nhận rằng đó chính là mình. Vũ choáng váng, gần như bị trầm cảm trong một thời gian dài. Về sau, anh vẫn sợ nhớ lại những cơn điên loạn của mình khi tra khảo cô ta: “Cô lắp camera để bẫy bọn sếp của cô đúng không?” Dĩ nhiên là Vũ hòng ghi mọi được câu trả lời của cô ta. Nhiều năm tháng sau đó Vũ vẫn tự hỏi tại sao cô ta cần làm như vậy? Cô ta đường bình rất sáng, vì cô ta thông minh, biết tới biết lui. Không cần đem thân cho sếp giày vò, cô ta cũng sẽ có vị trí đáng ao ước ở cái tuổi còn khá trẻ. Rõ ràng là không thể vì lạc thú bản thân. Dĩ nhiên điều này thì Vũ không bao giờ chịu nổi. Sự nhor nhóp đó ám ảnh Vũ đến nỗi rất lâu sau đó, anh vẫn bị ghê ghê mỗi khi phải gặp những sếp bà nhỏ ở một số cơ quan nhà nước. Anh mang sẵn định kiến rằng chiếc ghế họ ngồi được đóng bằng những bản hợp đồng đùi vú bất thành văn. Và luôn thể mang sẵn nỗi ám ảnh rằng đàn bà họ thường rút khăn tắm giống như cô ta, sau những cánh cửa phòng khách sạn.



Thật may là anh đã không đủ tinh để nhận ra cơn run rẩy lan toàn thân tôi. Vài từ vô tình của anh thế mà như kiếm sắc, rạch tan lớp màng tôi vẫn bao quanh mình. Trong phút chốc tôi tưởng như anh đã phát giác ra quá khứ của tôi. Những tháng năm đã bị tôi chôn rất sâu, nhốt rất chặt. Tôi xinh đẹp bẩm sinh và tôi không thể học được. Bố mẹ tôi nghèo và tôi nhắm mắt theo bà chị họ vào làm cho một tiệm cắt tóc gọi đầu sau khi học xong cấp III. Không phải tôi chỉ nhìn thấy một con đường đó để vào đời nhưng tôi đã chọn cách dễ nhất. Nhờ khéo tay mà tôi có nhiều khách quen nhưng về sau tôi mới phát hiện ra rằng khách hay đề nghị tôi vì cơ thể tôi gây cảm giác mềm mềm ẩm ẩm của một cục bông, dạng đàn bà đàn ông nhìn thấy là thèm ôm. Phát hiện tiếp theo là tiền công kể cả boia ở tiệm tóc còn xa mới đủ cho những nhu cầu của một đứa con gái đang lớn. Tôi không quá khó khăn để đi chơi thân mật với khách, ngay từ lần đầu tiên. Có lẽ đó là một phản xạ có điều kiện. Ở tiệm tóc, các chị kể cho nhau nghe những câu chuyện đàn ông đàn bà trao đổi hết sức tự nhiên. Sống trong bầu không khí đó, tôi cũng không thấy việc mình làm có gì là ghê gớm. May cho tôi khi chưa quá sa đà thì người chị thân với tôi bị nhiễm căn bệnh thể kỷ. Tôi chứng kiến những cơn vật vã kinh hoàng của chị ấy mà hoảng hốt. Nó còn có tác dụng hơn mọi sự tuyên truyền, phanh lại cuộc đời tôi. Tôi nhận ra mình đang lao dốc. Lập tức tôi bỏ việc, tìm đến một tiệm tóc khác, quyết tâm sống khác đi. Duyên phận cho tôi gặp Vũ. Anh không mấy may nghi ngờ những gạch đầu dòng đơn giản về tôi - một cô gái anh mới quen: con nhà nghèo - đi làm tiệm tóc ban ngày - tối theo học một lớp trang điểm / một lớp làm nail với dự định mở tiệm. Lần nào anh đến tiệm tóc cũng đúng lúc tôi đang bận chăm sóc cho một ai đó, thử hỏi sao anh không tin vào sự ngoan ngoãn của tôi. Tất nhiên là tôi cũng không tin anh phải lòng tôi chỉ vì những đức tính của một phụ nữ mà tôi đang

chứng minh là tôi sở hữu. Sẽ không có chuyện tình cảm nếu như tôi không đồng thời là chủ nhân của một làn da trắng sứ, cặp môi dày đầy nhục cảm và bộ ngực bất cứ ai nhìn thấy thấp thoáng đều khao khát.



Vũ đưa cô đi dự hầu như tất cả các sự kiện mà anh được mời. Lục Chúc hạnh phúc vì điều đó. Quả ngọt đã trong tầm với, cô run lên với dự cảm về phần đời đẹp đẽ đang tới. Cô đủ nhạy cảm để hiểu được mình đang dần thoát khỏi thân phận cũ. Khi mà nỗi thèm muốn pha rất nhiều khinh khi của đàn ông đang dần nhường chỗ cho sự khát thèm, nâng niu. “Phải, mình xứng đáng với điều đó”. Lục Chúc nhắm câu đó, tự ám thị đến cả ngàn lần mỗi ngày. Cô đã đặt chân vào thế giới mà cô chưa bao giờ thuộc về, nhưng dĩ nhiên là cô thèm muốn. Mặc dù nó chưa bao giờ khiến cô thoải mái. Chưa một lần những bữa ăn với ánh nến lung linh và dao đĩa sáng choang lạnh canh khiến cô thật sự ngon miệng. Có lần nửa đêm tỉnh dậy, bụng đói cào cào vì hầu như không ăn được gì trong bữa tiệc đêm trước, Lục Chúc thèm cồn lên một bát bún ốc ngõ chợ. Nước ốc chua làm xuyết xoa những tàn môi héo lả và cay đến nỗi khóe mắt rỏ ra những giọt nước còn thật thà hơn cả giọt lệ tình. Có lẽ nhà văn tả được đại loại như thế cũng phải đắm mình sâu lắm vào những chốn như cô đã từng qua. Cô cảm phục rằng ông ta tả được cảm giác mà cô chỉ có thể cảm thấy nhưng không bao giờ biết tả thành lời.



Ờ, đẹp thì có đẹp nhưng nhạt nhẽo, khác nào cốc chè đỗ đen không đường. Xem cái cách cô ta úp nắp bát súp yến thẳng toẹt xuống khăn trải bàn trắng muốt đủ biết đời cô ta lần đầu được ăn yến. Lục Chúc thỉnh thoảng lại nghe được một cảm thán như vậy khi đang trên đường từ nhà vệ sinh trở về bàn tiệc. Tại thính không phải bao giờ cũng có lợi. Nhưng chắc là toàn bộ cơ thể đang bị căng thẳng nên thính giác của cô nằm ở từng tế bào. Chỉ thoáng nghe vài lời độc địa là cô đã biết người ta nói về ai. Mặc dù mọi người đều tỏ ra lịch sự bề mặt nhưng chính Lục Chúc hoàn toàn không bình tâm. Với cô, việc theo dõi câu chuyện của Vũ và những người trong giới của anh là điều quá sức. Cô không biết khi nào nên cười góp, đừng nói đến việc góp vào một đôi câu như những phụ nữ khác. Ổn giờ, khi chỉ có hai người, ngôn ngữ cơ thể trợ giúp cô khá đắc lực. Nhưng dần dần, Lục Chúc hiểu rằng, Vũ mãi mãi sẽ không chạm vào con người thật của cô. Không phải con người nhợt nhạt cô muốn quên hẳn đi mà là cô gái hồn nhiên với những nhu cầu giản dị, thậm chí tầm thường so với thế giới của anh. Nhưng đó mới là điều khiến cô hạnh phúc.



Cô ấy đã bỏ tôi. Chỉ để lại một tin nhắn ngắn: “Em không chịu được nỗi cô đơn trong ngôi nhà của anh”. Lúc này, tôi mới nhận ra rằng tôi không biết gì nhiều về cô ấy. Tôi chưa một lần về ngôi nhà cô ấy sống cùng cha mẹ và các anh chị em. Đó là điều tôi lần lữa mãi, dự định sẽ thực hiện khi muốn cưới cô ấy. Nhưng hóa ra cô ấy nắm quyền chủ động, chứ không phải tôi.

Tại sao cô ấy cô đơn ngay cả khi nằm trong vòng tay tôi?

Người bán mặt nạ

TRẦN KHOA VĂN

Đã rất lâu rồi tôi mới quay lại thị trấn nơi mình sinh ra. Ngay dưới chân cầu, sau dãy nhà dọc theo đường quốc lộ là khu vực chợ, ngày xưa mẹ hay dẫn tôi đi cùng. Mỗi lần trở về cùng mẹ tôi đều có một món quà như con tò he, xôi bánh đa, túi bánh rán. Nơi đây giờ đã mọc lên một tòa nhà thương mại khang trang. Tuy vậy, hai bên và phía sau cảnh bán buôn dường như không đổi. Vẫn các quán tạp hóa, những quầy hàng xén, sạp hàng lúp xúp, người mua kẻ bán chen lấn nhau ra sát cả lòng đường.

Tôi đi tạt vào một lối nhỏ cắt ngang khu chợ, những tiếng chào mời, trả giá, hỏi han dẫn tôi về một thời xưa cũ. Mùi bánh trái, mùi cá nướng, mùi hải sản, mùi nước mắm, ruốc trộn lại với nhau thành một thứ mùi đặc trưng khó tả. Tôi cứ đi theo những lối rẽ đan xen ngẫu nhiên. Chiều buông lúc nào không hay. Chỉ còn lại những dáng người nhấp nhô làm sao bán hết hàng để kết thúc một ngày đi chợ. Bỗng một gã đàn ông trạc tuổi tôi, với khuôn mặt dài ngoẵng như bóng của những ngôi nhà đang đổ xuống, xuất hiện cùng tiếng rao khản khắc:

- Ai mua mặt nạ đ.â..y... Ba mươi ngàn một chiếc, năm mươi ngàn hai chiếc!

Tôi chợt nhận ra mình đã đi vào một hẻm nằm sâu trong chợ. Các hàng quán đã vắng, hẻm nhỏ và dài chỉ còn tôi với gã nên không thể tránh được ánh mắt va thẳng vào nhau. Gian hàng của gã là một chiếc gậy dài bằng tre vắt trên vai. Những khuôn mặt Ngô Không, Bát Giới, Như Lai, Bồ Tát, công chúa, Ninja, hiệp khách, thằng hề... được cột vào gian hàng bằng những sợi dây nhiều màu sắc. Nếu trở về thời nhỏ, gặp được vận may như thế này, tôi sẽ chọn lấy chiếc mặt nạ bắt mắt nhất ướm thử và sẽ không rời đi nếu mẹ không mua cho. Gã bật lên câu chào mời rề rề như một đoạn radio bị nhiễu sóng:

- Anh mua mặt nạ không? Ba mươi ngàn một chiếc, năm mươi ngàn hai chiếc.



Minh họa: HẢI THỌ

Tôi nhìn gã, ngần ngừ, đầu không ra lắc cũng chẳng ra gật, thành ra gã dừng lại giữ một khoảng cách đủ gần rồi trân trân nhìn tôi. Một lát sau, để thoát khỏi sự im lặng, tôi hỏi được một câu khá ngớ ngẩn:

- Anh có bao nhiêu mặt nạ?

- "Tôi... tôi không biết", gã ngúc ngắc rồi trả lời cũng ngớ ngẩn không kém, "tất cả chỉ có chừng này thôi".

Tôi lại gần, đưa tay thử cầm lấy một chiếc. Mặt nạ của gã rất khác thời trước: dày, mềm mại, có thể co giãn để vừa các khuôn mặt đeo vào. Và chúng rất thật. Tôi vừa lật giở những chiếc mặt nạ khác nhau vừa hỏi, cốt để giấu sự vụng về:

- À, thế anh có mặt nạ đại gia không?

- Thứ đó ngoài nhiều lắm nên không ai mua.

- Thế còn mặt nhà văn, giáo viên?

- Cái đó thì không ai cần.

Tôi bối rối, cố tập trung vào chồng mặt nạ để xem có khuôn mặt nào gần gũi không.

- Tại sao anh lại bán mặt nạ?

- Ai lớn lên cũng cần có mặt nạ, nên tôi bán thôi.

- Tất cả sao?

- Đúng, tất cả. Người thì phải kiếm sống, người thì tự bản năng, người thì nhu cầu khiến họ phải có mặt nạ, một hoặc nhiều. Đôi khi không dám đối diện với chính mình, dù chỉ qua gương, họ cũng tự đeo vào một cái mặt nạ.

- Vẫn có ai đó không có hoặc không cần mặt nạ chứ?

- Họ sẽ trở thành kẻ điên. Chắc chắn thế!

- Thế tại sao anh lại chỉ bán những loại mặt nạ này?

- Tôi bán cho những người muốn chạy trốn. Họ mệt mỏi với những khuôn mặt khác nhau, giả bộ đau đớn, giả bộ lương thiện, giả bộ hạnh phúc, giả bộ thành đạt... Vì vậy, họ lại muốn có một khuôn mặt không thực giống nhau để khi đeo vào họ sẽ không bị ai nhìn ra. Kể cả chính họ.

- Anh nghĩ tôi cũng đang chạy trốn sao?

- Không, nhưng tôi nghĩ anh đang tìm kiếm.

- Tìm kiếm khuôn mặt cho chính mình?

- Có lẽ vậy...

Gã đợi tôi sửa lại những cái mặt nạ bị xộc xệch rồi nói tiếp:

- Anh mua một cái đi, đôi khi nó là món quà cho lũ trẻ con.

- Nhưng trẻ con đâu cần mặt nạ?

- Trẻ con không cần nhưng tụi nhỏ sẽ học được cách một cái mặt nạ có thể thay đổi kẻ đối diện như thế nào.

- Để sau này chúng sẽ tự đeo vào?

- Không, bản năng sẽ khiến chúng tự biết đeo mặt nạ, nhưng chúng sẽ bớt tổn thương khi người khác đeo mặt nạ với chúng.

- Tôi không chắc điều đó, nhưng có một điều chắc chắn là tôi chỉ tặng những mặt nạ phù hợp với tôi.

- Sao anh không chọn cái phù hợp với chính tụi nhỏ?

- Bởi không có mặt nạ nào phù hợp với một đứa trẻ.

- “Vâng, thế anh cứ chọn”, và gã lại nói như bật đoạn radio bị rè tiếng lên, “Một cái ba mươi ngàn, hai cái chỉ năm mươi ngàn!”

Tôi loay hoay trong đồng khuôn mặt đang đối diện với tôi, suy nghĩ trở nên trống rỗng. Tôi không chắc nếu nhìn thêm một lát nữa liệu chúng có nằm đó mà không thoát ra khỏi những sợi dây nhiều màu sắc rồi bay vòng xung quanh tôi. Tôi cúi cho gã tờ năm mươi ngàn, nói vội sợ gã từ chối:

- Đáng lẽ đến giờ anh cũng đã bán được mấy cái rồi... Thật tiếc vì tôi không chọn được cái nào cả.

Ra khỏi chợ, nhìn bóng người bán mặt nạ đổ dài trong buổi chiều tím rìm, đứa trẻ trong tôi bỗng nhiên bật khóc.



Minh họa: HỒ THIẾT TRINH

Vá tim

HÀ NGUYỄN

Bon ngồi bên cửa sổ đọc sách, chốc chốc lại nhìn ra phía cổng. Mai giỗ ông cố rồi, bố hẹn chiều nay đón em Nhím về ăn bữa cúng cơm hôm. Đã gần hai tháng từ ngày em với mẹ dọn về bà ngoại ở, Bon chưa gặp em. Khi chiếc ô tô bán tải của cậu chở mẹ và em chậm chậm ra khỏi ngõ, nhìn theo bàn tay hồng hồng nhỏ xíu của Nhím vẫy chào qua cửa kính, dấu tim Bon nhói lên một cái như bị gai đâm, Bon vẫn không ngờ rằng mình sẽ nhớ em nhiều như thế, nhiều hơn cả nhớ mẹ.

Những khi vắng mặt mẹ, các o các bà bên nội vẫn bảo Bon đẹp trai, hiền lành, học giỏi giống bố, còn Nhím lại chẳng giống anh. Con gái mà da bánh mật, mắt một mí, trán bờ liếm, tóc rể tre. Nhất là cái miệng nghĩ gì nói nấy, chẳng sợ cái gì, cái tính gai góc, ương ngạnh không chịu nhường ai tí nào thì càng không phải gen đằng nội. Mặc dù không thích kiểu so sánh như thế, Bon cũng phải thừa nhận rằng hai anh em khác nhau nhiều lắm. Cùng một mẹ sinh ra mà Bon thì ít

nói trong khi Nhím liến thoắng suốt ngày như cái máy khâu bên nhà dì Hạnh. Bon thích ở nhà, tự làm đồ chơi hay đọc sách, Nhím thì, trừ lúc ốm với lúc ngủ, còn lại lúc nào cũng như con thoi chạy từ nhà ra sân sang nhà ông bà nội. Hai tuổi, chân vừa được một mẩu, Nhím đã trèo lên cái xe đạp bốn bánh, vịn vịn cái hông cố đạp cho tròn vòng. Đạp không kịp đám trẻ trong xóm, Nhím liền nhảy xuống, vừa chống hông đẩy xe lao theo, vừa hét "chờ Nhím với". Hè năm ngoái, khi mượn được mấy cuốn Harry Potter của Hải sút, Bon từng ước em Nhím đi chơi đâu đó dăm ngày. Không, chỉ cần một ngày thôi cũng được, để Bon được yên tĩnh đọc sách. Thế mà cả tháng nhà vắng hoe, Bon lại chẳng đọc sách nổi. Nhím và mẹ về ở hẳn với bà ngoại, không còn ở cùng với bố và anh Bon nữa. Khi ai đó hỏi, bà nội lại hậm hực: "Thằng Trường đâm đơn bỏ đứt rồi. Đàn bà con gái trên đời này không thiếu, việc gì cứ phải làm tội nhau!" Ông nội thì thủng thẳng, "hiện đại đến mấy thì hiện đại, nhà cũng phải có nóc, không thể cá mè một lứa!"

Bon không hiểu tại sao người lớn lại rắc rối, khó hiểu như thế. Bố mẹ Bon thương nhau mấy năm trời, mặc nhà ngoại tìm đủ mọi cách ngăn cản, mẹ vẫn bỏ việc trong Sài Gòn về quê cưới bố. Nhìn cái ảnh cưới của bố mẹ, ảnh sinh nhật của hai anh em được treo trang trọng trong phòng khách, Bon luôn tin rằng gia đình mình là hạnh phúc nhất. Thế mà chẳng biết từ bao giờ, bố mẹ không còn muốn nhìn nhau, không có chuyện gì để nói cùng nhau nữa. Lúc nào bố mẹ cũng bảo sẽ dành những gì tốt nhất cho anh em Bon, thế rồi, dùng một cái, bố hỏi Bon chọn sống với bố hay với mẹ? Sao lại có sự lựa chọn kì lạ như thế? Bon biết chọn làm sao đây? Mẹ thì khác, mẹ không bảo Bon chọn lựa gì cả. Đêm ấy, mẹ ôm Bon rất lâu, thủ thủ rất nhiều. "Tuy mẹ không còn ở cạnh con hàng ngày nữa nhưng con vẫn là con trai ngoan của mẹ, mẹ mãi mãi yêu thương con, con cần gì cứ gọi mẹ". Ở kia mẹ, Bon đâu cần gì đâu, chỉ cần đi học về được ôm mẹ, ngày ngày ăn cơm mẹ nấu. Con muốn được ở cùng với bố và mẹ. Còn em Nhím nữa, Bon muốn chọn cả em Nhím thì làm thế nào? Bon biết, Nhím bẽ ngoài mạnh mẽ, gai góc, hay bắt nạt anh thế thôi nhưng lại thương anh nhất nhà. Được bà cho quả na, Nhím bẻ dành cho anh hẳn một nửa, mặc dù đến lúc anh đi học về, nửa quả na chỉ còn dăm ba mắt. Có cái kẹo mút cũng nắn nỉ anh mút cùng... Không biết hai tháng qua, Nhím thế nào? Ở nhà bà ngoại có được các anh, các chị con cậu, con dì nhường tí nào không? Càng nghĩ, Bon càng mong em thất ruột.

Có tiếng bố: "Em Nhím về rồi đây!"

Từ trên nhà, ông nội chống cái gậy sắt ba chân bước xuống.

- Nhím của ông đã về rồi đấy à? Xem cháu lớn chưa nào!

- "Qua đây với bà, bà cho kẹo này", bà nội vồn vã.

Các o trong bếp cũng chạy ra, "Nhím có váy mới đẹp quá! Nhím chào o chưa?"

Bon lẳng lặng đứng cạnh chậu sanh, nhìn em không chớp mắt. Hình như Nhím gầy hơn thì phải, da cháy nắng thêm và cao lên một chút, hai bím tóc chia thẳng lên trời trông như hai cái chổi tí hon thất nơ hồng. Tự nhiên Bon thấy ghen

nghe ở cổ. Giá mẹ cũng về với em thì tốt biết mấy! Giá ông bà, bố và các o cũng thương mẹ như thương em Nhím thì anh em Bon sẽ không phải tủi thế này. Rồi nhân lúc mọi người bàn tán chuyện cúng giỗ, dọn mâm, mời khách, Bon dẫn em về nhà. Nhà Bon xây ngay trong vườn nhà nội, sát với tường nhà bếp của ông bà. Hồi trước nhà Bon ở chung với ông bà trong căn nhà xây từ ngày xưa, có lẽ từ ngày bố Trường còn bé hơn cả em Nhím bây giờ. Mấy lần bác Thịnh với các o bảo ông bà đập đi làm lại cái nhà tử tế mà ở. “Nhà cũ kĩ, lại chật chội quá rồi mà công to việc lớn toàn làm ở đây cả. Con cái có nhà cửa đàng hoàng, ông bà lại ở lụp xụp quá cũng khó coi với người ta chứ. Ăn hết nhiều chứ ở hết bao nhiêu đâu mà bố mẹ cứ chịu khổ mãi”. Ông xoa tay, “ngày xưa cả nhà bảy tám người quây quần trong cái nhà này cũng thoải mái, hưởng hồ chỉ hai cái thân già. Cả đời tích cóp được đồng nào thì đầu tư cho chúng mày học hành, ra ngành ra nghề cả, có lỗi ra đồng nào đâu mà xây với đắp”. Thế là thôi. Bên nhà nội, bố Trường là con út, trên còn có bác Thịnh với ba o. Bác Thịnh đã có nhà ở riêng gần đường cái, các o đã lấy chồng. Nhà Bon thì ở chung với ông bà. Thế càng thích, ông bà thương Bon lắm. Ngày nhỏ, bố mẹ bận đi làm, Bon toàn ở nhà với bà. Nhưng hình như mẹ không thích ở chung như thế. Mẹ bảo không chi bằng độc lập tự do, còn chăm sóc phụng dưỡng ông bà là trách nhiệm của con cháu. Về việc làm nhà ở riêng, bố mẹ đã cãi nhau mấy lần.

Hè năm ấy mẹ mang bầu em Nhím, trời nóng kinh khủng, bụi chuối gần ao bị gió Lào quạt cho xơ xác, vừa trở buồng đã gây rục ngang thân. Mẹ bảo bố làm nhà đi thôi, bốn con người chen chúc trong cái buồng bé bằng lỗ mũi này thì ôxy cũng chẳng còn mà thở, sống làm sao nổi. Bố bảo mẹ chờ, góp thêm dăm năm nữa rồi làm luôn một thế.

- Nhưng mẹ con em không chờ nổi nữa.

- Thế còn ông bà?

- Ông bà cứ ở nhà của ông bà. Có việc gì cần thì chạy qua chạy lại, đã ai nằm một chỗ phải cơm bưng nước rót đâu. Chẳng phải ông hẹn cắt cho mình nửa đất hay sao? Em chỉ cần cái chỗ chui ra chui vào, không đòi hỏi nhà cao cửa rộng gì hết.

- Để mai anh thưa chuyện với ông xem sao đã rồi tính.

- Tính sao thì tính, thiếu thì vay. Một năm làm nhà, ba năm trả nợ. Cháo nóng húp quanh rồi đâu sẽ vào đấy cả, không liệu thì cả đời chẳng có nhà mà ở...

Nhìn mẹ mồm hôi bết hai bên thái dương mà Bon xót hết cả ruột. Bon thương mẹ bao nhiêu thì càng thương em bé trong bụng mẹ bấy nhiêu. Cô giáo của Bon nói, phụ nữ mang thai là vất vả lắm, phải chăm sóc từ miếng ăn tới giấc ngủ, đừng để mẹ phiền lòng, mẹ không vui thì em bé trong bụng mẹ cũng buồn theo đấy.

Sau mấy trận cãi vã, giận hờn của người lớn, cuối cùng, ngày ông nội chọn để làm lễ động thổ cho nhà của Bon cũng đến. Bon sung sướng đến không ngủ được. Nhà mới của Bon sẽ đẹp như nhà của bạn Quân, hoặc chí ít cũng phải như nhà Hải sút. Bon đã vẽ trong đầu một căn phòng của riêng mình. Góc này là Bảo tàng

vũ khí, nơi trưng bày các loại súng, gươm, xe tăng, tên lửa,... do Bon tự làm bằng bìa các tông, bằng xốp. Cạnh cửa sổ nhất định là giá sách. Bon cũng sẽ xin bố đóng cho mình một cái giá sách bằng gỗ thật lớn giống như nhà cô Hồng bạn mẹ. Tiền lì xì, tiền thưởng hàng năm Bon sẽ dành mua sách, thật nhiều sách. Phòng Bon sẽ ở cạnh phòng của Nhím. Nhím là con gái, phải có phòng riêng, không ở chung với Bon được. Phòng Nhím sẽ sơn màu hồng, có cái tủ quần áo hình công chúa như của bé Dương hàng xóm. Bon cũng tin rằng xây nhà mới rồi, bố mẹ Bon sẽ không còn việc gì phải cãi nhau, bà cũng sẽ không còn nặng nề “nhà cửa chưa lo được mà ăn uống phí phạm quá” mỗi khi mẹ mua món gì ngon ngon về nấu nữa. Thật là một ngôi nhà đáng để Bon ngày đêm ao ước! Ngôi nhà mới chập chờn ẩn hiện trong giấc mơ Bon, lung linh, rực rỡ!

Nhưng rồi Bon vỡ mộng ngay! Nhà mới của Bon nhỏ lắm. Bố mẹ không có nhiều tiền, không thể xây nhà to như Bon muốn. Cuối cùng, nhà mới của Bon lại gần giống như nhà của ông bà nội, chỉ có một gian khách và một phòng ngủ, bếp và nhà vệ sinh phải tách ra ở bên ngoài. Bố bảo, “ta ở tạm dăm bảy năm rồi góp đủ tiền sẽ xây nhà lớn”. Thôi thế cũng được, ít ra là mẹ và em bé có chỗ ngủ riêng. Nhà mới vừa ở được ba năm thì xảy ra chuyện. Từ ngày mẹ và em dọn đi, tự nhiên Bon lại thấy nhà mình rộng quá. Cái giường bốn cha con mẹ cái vẫn chen chúc nằm mỗi khi trời nóng, bố cho bật điều hòa giờ chỉ có hai bố con, Bon đang tay ra cũng không chạm bố...

Bon dắt em vào buồng. Nhím trèo lên giường, rồi quay lại nhìn anh, ánh mắt như dò hỏi.

- Anh Bon có yêu Nhím nữa không?

- Sao em hỏi lạ thế? Nhím biết là anh yêu Nhím nhất trên đời còn gì! Thế Nhím về đây ở với anh được không?

- Được chứ! Nhưng mà Nhím sẽ nhớ mẹ! Mẹ đã nói là sẽ không về đây nữa, không bao giờ trở lại cái- địa- ngục đó nữa. Địa ngục là gì hả anh? Có phải địa ngục có quỷ dữ ăn thịt người không? Nhà ta không phải địa ngục đâu anh nhỉ?

- Tất nhiên rồi!

- Hay là anh lên ngoại ở với mẹ và Nhím đi! Phòng mẹ rộng lắm. Nhưng mà các anh nhà cậu không cho Nhím mượn đồ chơi. Nhím muốn ngủ với bố mẹ và anh ở giường này. Nhím muốn ở nhà ta thôi!

Nhím không khóc, nhưng đôi mắt một mí đen láy cứ ầng ậng nước. Bon ôm em vào lòng, dỗ dành: “Nhím ngoan, rồi anh sẽ lên chơi với Nhím! Anh cũng sẽ bảo bố chở Nhím về đây chơi với anh!”

Mùi tóc khen khét, mùi mồ hôi chua chua của Nhím thoảng qua mũi. Đúng rồi, chính là cái mùi này, nhiều đêm, Bon trần trọc không ngủ được, thèm được đặt hai tay lên đầu em, kéo cái trán bướng vào sát mặt mình mà hít hà, thèm ghé tai vào cái bụng tròn tròn của Nhím, miệng giả tiếng giun kêu “ọc... ọc... ọc”, rồi

tiếng tim đập “thùm thụp, thùm thụp”. Nhím sẽ cười ngặt nghẽo, bố và mẹ sẽ nhìn nhau. Đã từ lâu lắm rồi bố với mẹ không nhìn nhau bằng ánh mắt như thế!

Bon lại thùng đồ chơi, lấy cho Nhím con thuyền bằng xốp chạy được bằng dây chun mới làm xong hôm trước. “Em cứ giữ cái thuyền cho chắc, rồi xoay cái miếng này nhiều lần, thả xuống nước là thuyền chạy được ngay”. “Đúng rồi, em giỏi lắm” ... Cứ thế, hai anh em say sưa với con thuyền xốp, quên cả buồn.

Chợt có tiếng bố gọi: “hai đứa ra ăn cơm nào!”

Bon dắt em đứng dậy, rửa mặt rửa tay rồi ra sân. Cả nhà ngồi một dãy chiếu dài từ đầu đến cuối sân. Ông nội, hai ông chú, bác Thịnh và các dượng ngồi một mâm, các bà các o ngồi một mâm, còn một mâm con cháu. Mọi năm Nhím ngồi mâm giữa với mẹ, bố ngồi mâm các ông để còn uống rượu. Bon dẫn em lại chỗ bố. Bố bế em vào ngồi cạnh mình, lấy kéo cắt nhỏ một cái tim gà vào bát miến cho Nhím. Thỉnh thoảng, bố còn gọt mấy sợi tóc mái lòa xòa trước cái trán bù liếm của Nhím nữa. Nhìn ánh mắt yêu thương, giọng nói dịu dàng của bố khi ấy, Bon thật không thể tưởng tượng đó cũng là người đàn ông từng tát mẹ trong bếp mấy tháng trước. Mắt bố trợn lên, miệng nghiêng từng tiếng một, “loại đàn bà mất dạy!” Lại đàn bà! Bon để ý thấy gần đây bố hay dùng từ đàn bà khi nói với mẹ, khi thì đàn bà biết gì mà nói, lúc lại đồ đàn bà! Mâm cơm mẹ đang soạn dở bay vèo vào góc bếp. Xoảng! Choang! Đĩa chả cuốn yêu thích của anh em Bon lăn lóc mỗi nơi một chiếc. Nhím khóc thét lên, nín lấy tay mẹ. Má của mẹ hằn đỏ hình một bàn tay. Bon đứng chôn chân ở cửa. Bố hằm hằm bỏ ra ngoài. Mẹ ôm mặt, nhìn theo bước chân bố, lẩm bẩm: “Người đâu mà ác!” Đó là lần đầu tiên Bon thấy bố đánh mẹ. Sau lần ấy, mỗi khi nhìn bố, Bon lại có cảm giác là lạ thế nào. Bố không hoàn toàn là bố Trường mà Bon vẫn ôm ngủ hằng đêm nữa.

Bon chợt giật mình khi bố giục: “Bon, ăn nhanh rồi dẫn em ra ngoài chơi”.

Cầm đĩa lên, Bon gấp một miếng chả cuốn. Chả cuốn hơi lỏng, mùi vị cũng không giống chả mẹ làm. Thịt băm chưa nhuyễn, và hình như thiếu một chút tiêu. Chả cuốn mẹ làm vẫn là ngon nhất. Ngay cả bà nội, vốn kĩ tính, cũng phải khen mẹ cuốn chả nhanh và khéo. Lần nào làm chả mẹ cũng làm nhiều, vừa cắt tủ đông để khi cần lấy ra rán luôn cho nhanh, vừa biếu thêm ông bà nữa. Bon nhớ mẹ quá chừng!

Từ mâm bên cạnh, o Phát nhòai người khều tay bố:

- Cậu Trường, chị đã ngấm cho cậu một cô chỗ công ty chị rồi. Hiền lành, chăm chỉ, hợp tuổi với cậu lắm. Ba mươi nhưng hãy còn xuân chán!

O Lộc cười:

- Di mi cứ hoảng lên như cậu nhà ta ế đến nơi rồi ấy! Không rượu chè cờ bạc, không gái gú, người nhà nước đến tháng lĩnh lương như cậu Trường ta thì lấy vợ phát một chớ lo gì!

Rồi o nhìn bố:

- Mà cậu mi cũng lạ đời! Bỏ thì bỏ, còn giữ thể diện cái nổi gì? Chị là chị nói thật, cậu có không ưng chị cũng phải nói. Mười mấy năm làm dâu, nó làm được gì cho cái nhà này? Lương hợp đồng mầm non còn chưa đủ tiền xăng xe, phần son, váy áo, rồi còn ốm đau, chữa đẻ. Nhà bằng cái lỗ mũi cũng chia cho nó những mấy chục triệu. Mồ hôi công sức của cậu cả đó mà chia ngang như đúng rồi!

- "Em cũng biết thế, nhưng để nó tay trắng ra đi cũng không đành. Thì cứ coi như là cho con Nhím!" Bồ thanh minh.

Bác Thịnh uống nốt chén rượu rồi cất giọng khàn khàn:

- Vụ này cũng phải nói là nhà ta may! Ông ta thế mà tỉnh, đã lường trước cả nhá. Đợt nó cứ đòi làm bìa đỏ tên hai vợ chồng rồi mới tính chuyện xây nhà con đã nghỉ rồi. Làm nhà mà nó không chịu vay mượn thêm bên ngoại là có ý đồ cả. Ông mà sang tên đất rồi thì giờ có mà rắc rối to.

Bà nội chép miệng thở dài: "Vợ mà cứ suốt ngày ý kiến, rồi đòi bình đẳng, công bằng thì ai mà chịu nổi. Sinh ra làm thân đàn bà thì phải biết nhường biết nhịn. Chồng nói một, vợ cãi mười thì chẳng mấy chốc mà tan nhà nát cửa".

Ông nội, vẫn với cái giọng sang sảng, quyền uy, nói như tuyên án: "Quốc có quốc pháp, gia có gia quy. Làm vợ mà không hiểu đạo lý ấy là hỏng. Gà mái cứ đòi gáy to hơn gà trống thì còn gì là lễ nghi phép tắc! Không loạn lên mới lạ!"

Lại nữa rồi, tiết mục chuyện mẹ Bon. Miếng chả nghen bứ trong cổ, Bon buông bát, bỏ ra ngoài. Ủ thì lương mẹ thấp, hè còn không được đồng nào. Nhưng mà mẹ vẫn yêu thương, chăm sóc anh em Bon đầy thôi. Có lần cả nhà xúm lại bàn với mẹ bỏ dạy rồi đi may như mấy dì trong xóm. Công việc đều đặn mà công cũng cao, tăng ca rồi có người được tám chín triệu đấy. Mẹ từng bảo với Bon rằng mẹ sinh ra trên đời để làm cô giáo mầm non, mẹ tin rằng sẽ có ngày được vào biên chế. Bon cứ nghĩ nếu mẹ không làm cô giáo nữa thì tiếc lắm, mẹ đọc sách, kể chuyện hay lắm, mẹ vừa là mẹ, là cô bé quàng khăn đỏ, là bà ngoại, lại vừa con sói già gian xảo, vừa là bác tiểu phu dưng cảm trong chuyện ngày xưa. Nghe mẹ kể chuyện Bon còn thích hơn cả xem ti vi nữa. Đầu năm học, nhiều cô đến nhờ mẹ làm đồ chơi, rồi trang trí lớp, ai cũng khen mẹ khéo tay nhất trường... Nghe cả nhà nói, bồ ưng ngay nhưng mẹ không chịu. Mẹ vừa quay đi, bà nội đã thở dài, "khổ thân thằng Trường, số nó vất vả, phải một mình gồng gánh cả cái nhà này..."

Giờ thì Bon hiểu vì sao mẹ lại gọi cái nhà này là địa ngục rồi. Mà hình như không phải chỉ có mẹ Bon khổ. Bà nội cũng chẳng sung sướng gì hơn đâu. Bà sợ ông một phép. Ông là cán bộ về hưu, có lương hàng tháng. Bà chỉ quanh quẩn làm vườn, nuôi gà nuôi vịt. Việc to việc nhỏ trong nhà ông đều quyết cả. Bon chỉ không hiểu vì sao bà cũng khổ như mẹ mà lại hay xét nét mẹ như thế. Bác Hoa, vợ của bác Thịnh cũng khổ. Tháng trước, khi mẹ và Nhím mới đi, anh Gạo sang chơi với Bon suốt. Anh bảo, "em giờ mới buồn chứ anh buồn từ lâu lắm rồi. Chú Trường còn không uống rượu như bố anh. Mỗi lần say bố lại đánh chửi mẹ. Nhà này là của tao, đất này là bố mẹ tao cho tao, mày liệu hồn mà ăn ở! Anh là thằng

con trai, thương mẹ mà chẳng làm gì được. Mẹ em mạnh mẽ đấy, mẹ anh thì mềm yếu lắm, toàn khóc thôi, không bao giờ dám nghĩ đến chuyện ly hôn, tủi cực quá thì bỏ đi làm ăn mấy tháng lại về. Chị Mai sắp ra trường đi làm, anh cũng lớn rồi. Giờ thì chị em nhà anh không sợ bố mẹ ly hôn nữa. Nhiều lúc anh nghĩ, nếu bố mẹ bỏ nhau luôn từ mấy năm trước, biết đâu mẹ sẽ đỡ khổ tâm hơn, bọn anh cũng không phải dằn vặt chuyện mẹ vì bọn anh mà không dám ly hôn bố. Bọn đừng nghĩ nhiều nữa, rồi sẽ quen thôi em ạ..." Anh Gạo hơn Bọn có năm tuổi mà nói y như người lớn, ánh mắt lúc nào cũng buồn thẫm thẫm. Bọn bần thần tự hỏi, có phải cứ đau khổ thật nhiều thì người ta sẽ quen, không còn cảm thấy nhoi nhói trong tim như thế này nữa? Còn phải đau đến bao giờ thì tim Bọn mới có thể tìm lại những nhịp đập nhẹ nhàng, êm ái của ngày xưa?

Cúng giỗ xong rồi, Bọn xin phép bố được về ngoại chơi với Nhím ít ngày. Tối, ba mẹ con ngủ chung trên giường của ngoại, Nhím một bên và Bọn một bên. Bọn lại nhận ra mùi của mẹ, mùi dầu gội đầu mẹ hay dùng quyện với mùi mồ hôi tạo thành một mùi riêng, Bọn chưa từng ngửi thấy ở ai khác. Mẹ lại kể cho hai anh em nghe câu chuyện về mẹ cá chuối. Để kiếm thức ăn cho đàn con háu đói, cá chuối mẹ đã liều mạng lóc mình lên bờ ao, nằm giả chết, dùng chính thân mình để dụ bầy kiến. Khi đã khát khô cả mang, thân mình nhức buốt bởi hàng trăm vết kiến đốt thì mẹ cá quẫy mình, lao xuống nước, mang theo cả mớ kiến tươi ngon cho lũ rồng rồng... Lần nào nghe câu chuyện ấy, Bọn đều cảm động. Bọn chợt nhận ra, không chỉ có mẹ cá chuối đâu, quanh Bọn còn có bao nhiêu người mẹ dấn đuổi cả đời vì con như thế!

Khi Nhím đã ngủ say, mẹ trở mình, quay sang Bọn, nói: "Bọn à, mẹ muốn nói với con một việc quan trọng, con hứa giúp mẹ nhé!" Tim Bọn tự nhiên đập nhanh hơn, giọng mẹ có gì đó khang khác, nghiêm trang lắm.

- Bố mẹ có lỗi với các con khi không cho con được một mái ấm trọn vẹn. Bố mẹ đều đã mắc phải những sai lầm, trong chuyện này không ai đúng cả hoặc sai cả. Con đừng trách bố, cũng đừng giận mẹ. Điều duy nhất mẹ không ân hận là đã sinh ra các con, yêu thương các con bằng cả trái tim mình, con hiểu không?

- Dạ.

- Mẹ quyết định bỏ dạy rồi!

- Kia mẹ...

- Con để mẹ nói đã. Mẹ sẽ đi Nhật ít năm kiếm tiền về làm ăn. Không có tiền, người ta sẽ khinh thường mình. Người mẹ không kiếm được tiền là người mẹ thất bại, ngay cả chăm sóc con mình cũng không làm được. Có tiền rồi, mẹ sẽ mua cho con cả bộ Harry Potter, sẽ xây một ngôi nhà có phòng riêng dành cho các con, mẹ sẽ là một người mẹ như mẹ luôn ao ước được trở thành.

- Thế còn Nhím?

TRUYỆN NGẮN

- “Mẹ sẽ nhờ bà ngoại. Thật ra là mẹ lo cho con nhiều hơn. Trong thời gian vắng mẹ, con hứa với mẹ là sẽ cố gắng chăm sóc bản thân thật tốt, nghe lời ông bà và bố, tự giác học hành, được không?” Bon gật đầu.

- Hôm nào rảnh rồi, con xin phép bố với ông bà đạp xe lên đây chơi với em, cuối tuần thì bảo bố đón em về dưới ấy nhé! Mẹ sẽ đi hai năm thôi. Khi Nhím vào lớp 1, con lên lớp 6 mẹ sẽ về.

- Mẹ!

- Sao?

- Có khi nào trái tim người ta vì đau buồn quá mà bị vỡ ra không mẹ?

- Mẹ không biết nữa. Sử sách từng kể chuyện có người đau lòng quá mà đứt ruột, còn vỡ tim thì mẹ chưa nghe bao giờ. Sao con lại hỏi thế?

- Con thương mẹ, thương em mà không làm gì được. Lại thêm một vết nứt trong tim con rồi. Tim anh Gạo, tim của mẹ, của bà, cả trái tim nhỏ xíu của em Nhím nữa cũng có nhiều vết rách như thế! Có kim chỉ nào khâu được vết thương trong tim không mẹ?*

Mẹ quàng tay ôm lấy Bon, nghẹn ngào không đáp. Bon ngửi thấy cả mùi nước mắt mẹ, gối mẹ ướt đầm. Vòng tay mẹ, hơi ấm của mẹ làm dịu trái tim Bon. Bon hiểu rồi, trái tim bị tổn thương sẽ được vá lành bằng rất nhiều, rất nhiều sợi yêu thương!

* Mượn ý thơ Ngô Thị Thoa:

Người ta vá áo bằng kim

Mẹ ơi con vá trái tim bằng gì?



BẠCH DIỆP

Chấp nhận

Đã vượt qua những tường thành
Trong ngực tôi
Là cánh rừng khô
Cả giấc mê náo loạn
Rủ rê cơn ngủ vùi đồng cỏ.

Đã từng
Những chiều hôm
Run rẩy
Không lời giải thích
Không thể
Buồn hơn được nữa
Tiếng thờ
Chạm
Đến thẳm sâu
Bằng giá.

Đã chìm trong những con dốc mù sương
Đã thu mình lại
Dưới hai cổ chân
Mặt trăng nhỏ
Nét cắt
Vào đêm
Màu đỏ tía.

Tôi nhìn bóng mình
Đổ xuống
Chấp nhận
Hòa tan
Nổi thống khổ
Phủ phục
Trên những phím dương cầm
Mà thượng đế rảnh tay
Chơi những concerto ngẫu hứng.

TRẦN NAM PHONG

Đi qua tháng Mười

Tháng Mười đã nhắc mùa đông
Heo may ướm rét, bờ sông gió lửa
Khế vườn nhạt nắng bớt chua
Con ong, cái kiến bỏ mùa đi đâu.

Mây sa quần lối qua cầu
Bóng người hay những chấm nâu bên
đường
Nhà cao khuất nẻo phố phường
Nao lòng bỗng nhớ cổ hương cuối trời.

Mẹ ơi, lũ đã rút rồi
Đồng trơ gốc rạ, tháng Mười con qua
Sông còn ngân ngân phù sa
Bùn non trắng lạnh lối xa nẻo gần.

Bao giờ xanh lại ngày xuân
Cho đời mẹ bớt tảo tần nắng mưa
Bao giờ cho tới ngày xưa
Ngồi thương ngọn khói gió đưa về trời.

Đi qua mòn mỏi tháng Mười
Vẫn nguyên vẹn cả đất trời trong con.

ĐÀM CHU VĂN

Nghĩ bên pho tượng mẹ Suốt ở thành phố Đồng Hới

Giữa chớp lóa ánh bom và tiếng xé rít của bầy phản lực Hoa Kỳ
ngoài tuổi sáu mươi mẹ còn chèo thuyền đề sóng dữ
hối hả đường quân ra trận
chúng con ngồi thương mẹ đường bao.

Mẹ ơi!
cuồn cuộn triều dâng những đợt sóng trắng xóa tóe tung ảo mờ tóc bạc
cánh tay chèo kia thời đại nổi thêm vào

Xa lắm, xa đưa mỗi chờ cánh vông...

Đất quê quan họ

Đất quê Quan họ nên người
Mỏng mây hay hạt xinh tươi như là...
Từ trong quả thị bước ra
Giấu bao cay đắng để mà vẹn nguyên
Để mà nhớ để mà quên
Để nao nức với một miền chiêm bao.

Cõi xưa trăng dải duyênh ao
Gương trăng gương mặt mà trao nên rằm
Đời còn nợ mắt lá rằm
Ta còn nợ khúc huyền cầm lẻ đây
Mạn thuyền sóng vỗ nhòe mây
Buông câu già bạn bàn tay nặng cầm
Ví dầu lạc dẫu trăm năm
Thì trăm năm cũng cầm bằng rụng rơi.

Đất quê quan họ nên người...

ĐINH HÀ

Mẹ chào thành phố về quê

Mẹ chẳng quen ngôi nhà quá sạch sẽ
 Biết nhỏ đâu khi ăn một miếng trâu?
 Mặc giày dép con xếp đầy trên kệ,
 Chân lấm tay bùn đi chẳng quen đâu.

Phòng bếp con bao đồ dùng hiện đại
 Sử dụng không quen, chẳng thể giúp gì
 Cả đời mẹ quen rạ rơm bếp củi
 Cơm độn đưa cà nuôi con lớn rồi đi.

Mẹ chẳng quen cảnh chung cư chật chội
 Như tổ chim im im nghĩa xóm giềng
 Những robot lập trình từ sáng tối
 Chân tay cuồng một nỗi nhớ thiên nhiên.

Người thành phố hỏi chào rất lịch sự
 Chẳng vụng thô, vồn vã như quê mình
 Mẹ cứ ngượng nét xã giao ứng xử
 Có thật tâm trong cái nghĩa, cái tình?

Thôi mẹ về cùng nắng mưa, đồng ruộng
 Rồi chăm nom gà què với mảnh vườn
 Lo hương khói, mộ phần người nằm xuống
 Rồi mai này mẹ hóa ngọn gió thơm.

Mẹ trở về tìm lại một miền quê
 Cho con biết cội nguồn trong dâu bể
 Khói bếp cay để chiều ngân ngân lệ
 Phía thị thành mưa dột ướt lòng con...

HOA MAI

Cát

Cát đâu cần tặng nốt son
 Khiêm cung cát tự mài tròn đầy thôi
 Cát lặng thình dưới chân người
 Ru êm chẳng đợi những lời từ ân.
 Dã tràng gửi cát tri âm
 tâm tư lao khổ của âm thầm đời.
 Vô tư trước mọi rong chơi
 Ai hồng nắm chặt, cát rời kẻ tay.
 Dầu sa mạc cát nhường ngay
 chất chiu giọt nước cho cây trở mầm.
 Chẳng anh em vẫn tình thâm
 Cát cùng đồng đội hóa thân trường thành.
 Trước phôi pha vẫn long lanh
 Linh hồn cát giữ thiện lành pha lê.

ĐỖ DOÃN PHƯƠNG

Những con cá vàng

Những con cá vàng tung tăng trong bể kính
Chỉ có một mục đích duy nhất là kiếm sống
Vây vẩy ngũ sắc cũng phải đập cho mạnh
Mép chép, râu rồng càng phải đớp cho nhanh
Khóm rong mềm mượt làm nơi rình mồi tốt
Hòn giả sơn hang hốc, chỗ nường thân hay.

Những con cá vàng nhìn xuyên qua bể kính, một ngày
Kính hoàng nhận ra, mình là hiện thân của cái Đẹp.

Cá vàng

Lại mua đôi cá vàng giống hệt nhau
Không phân biệt được với đôi cá vàng vừa chết
Kể cả cách chúng bơi lượn tung tăng, cách chúng ăn và cách chúng sợ hãi
Chúng đều có cái bụng rất to, trong đó, chủ yếu là dạ dày
Chúng đều có thể ăn đến vỡ bụng mà toi đời.

Những con cá vàng luôn luôn giống nhau
Chỉ những con mua về cùng đợt, cùng bể mới biết nhau
Nhưng những con biết nhau thì đều đã chết
Bởi thế cuộc sống của chúng luôn luôn vui vẻ và tươi mới.

LÊ NHI

Thoát xác

chôn mình dưới đám cỏ dại
lắng nghe dư âm đang thai nghén tôi

hơn ba vạn ngày rồi
những con chim già nua sớm bay đi, chiều lại về tìm tổ
rỗng ngực gầy vào gió
chỉ để thấy mình được rải cánh dưới các vì sao

lưng tôi áp đàn giun màu nâu ngoe nguẩy chào
đêm di cư quần lên đờn tôi
cùng chết

thờ mặt trời qua thung bằng hơi thở
lời ru nhẹ như cánh hoa bay

chiều rụng xuống ngày
mặt trời rụng vào núi
tôi tan theo bụi
sớm mai thấy bóng mình hóa phía vầng dương

nằm lại nghe gió hát ven đường
tôi xoay vòng
xoay vòng
thoát xác.

LÊ GIA HOÀI

Với em ngày thu về

Cái ngày em buông vạt lụa
Vào chiều nắng quái hư hao
Tiếng thu trên từng phiến lá
Đỏ vàng mái phố lao xao.

Mong ngày đừng đi quá vội
Kéo nhòa những dấu chân son
Trên đường em về bến đò
Mưa tuôn ướt lạnh hoàng hôn.

Đừng mang chi dòng kỷ niệm
Lãng phai từ thuở hạ tàn
Cho khúc trăm năm lên tiếng
Thơm đầy trên dấu môi ngoan.

Em cứ mơ về phương ấy
Nơi đầy tiếng hát trẻ thơ
Kệ tôi với bao hoài niệm
Giấu mình trong những cơn mơ!

THƠ

LÊ NGUYỆT

Tháng Mười

Tháng Mười ủ nắng trên cây
Ai đem dờ xuống đổ đầy sân phơi
Nhen trong bếp lửa mẹ cời
Vội trâu quện đỏ thắm tươi miệng bà.

Tháng Mười gió trồn đồng xa
Bay về đậu mãi trên tà áo thu
Ban mai thức tiếng chim gù
Theo ngàn lá biếc đánh đu trên cành.

Khói lam vờn nhẹ mái gianh
Chiều buồn, khe vén bức màn phen thưa
Ngang trời đột ngọt cơn mưa
Người đi đã kịp về chưa? Tháng Mười...

QUANG THIÊN PHÚ

Tình quê

Ngục đầu khóa nước lên chiều
Lắng nghe sông kể những điều nông sâu
Sóng dềnh nổi nhớ bạc đầu
Gọi ta về với nhịp cầu tuổi thơ.

Cánh diều nghiêng giữa giấc mơ
Cô tiên bà kể bây giờ đi đâu?
Quả cau khô nhớ lá trâu
Gậy tre ngơ ngác tìm đâu đáng bà!

Chân trần vấp cái thật thà
Gặp quê trong vị nhút, cà, cuống rau
Đội chè xanh chát mời nhau
Đã thành hồn cốt bền lâu xóm giềng.

Nón mê nghiêng giữa chiều nghiêng
Cầu vòng dáng mẹ giữa miền ca dao
Tình quê ấm cả lời chào
Ta gặp ta giữa ngọt ngào tiếng quê!

Xin

Không khao khát, không đợi chờ chi nữa
trái tim xanh rực lửa đã tàn rồi
Bao ước vọng chìm sâu vào quá khứ
theo sông đời mãi miết cuốn về khơi.

Những bí ẩn diệu kỳ mơ khám phá
như cánh chim rã cánh giữa lưng trời
Những giấc mộng ngọt ngào hương hoa lá
nghe đông về trước sương giá
rơi
rơi.

LÊ QUỐC HÁN

Hai mặt trời

Một mặt trời dưới biển*
một mặt trời... trên trời
Em thoát ẩn thoát hiện
để hồn tôi chơi vơi.

Đi suốt nửa cuộc đời
tìm em - người con gái
trao tôi nửa nụ cười
rời xa biển biệt mãi.

Thời gian không dừng lại
mãi miết về hư vô
mỗi bình minh chỉ thấy
một biển trời san hô.

Chiều hôm nay chợt gặp
một gương mặt thân quen
đứng bên đường và khóc
mặt trời dần vào đêm...

Đã đến vậy sao chưa buông bỏ được
vẫn thiết tha yêu cuộc sống con người
Nghe đứa trẻ nhà bên chào đời khóc
muốn căng mình xé sóng vượt trùng khơi.

Nhìn người thân dần trở về cát bụi
bao bạn bè không hẹn trước, ra đi
người sót lại cũng sớm chiều lằm lụi
bóng mờ dần về bến đợi chia ly.

Thì xin nhé: bạn ơi đừng sầu khóc
khi ta còn cất nổi gót chân mình
quyết dâng trọn tình yêu và sức lực
để mai ngày cuộc sống đón bình minh.

* Bình minh, nhìn ra chân trời ven biển sẽ thấy hai mặt trời, một dưới biển, một trên trời.

NGUYỄN QUỲNH NGÀ

Không để

Cảm ơn những rung động sâu thẳm
Đã dắt tôi đi về tôi
Cảm ơn những nụ cười giao đãi
Đã đẩy tôi xa khỏi phía loài người.

Tôi xăm nổi nhớ vào bóng tối
Tím thắm như màu môi anh
Mỗi lần hôn tôi chậm chậm
Sau ánh đèn vàng mong manh.

Tôi bật ghi âm cuộc gọi
Như độc thoại với người tình
Giọng trầm say của anh đêm đó
Nói với tôi bằng nhân sinh.

Giao mùa

Tháng Chín chỉ còn trơ gốc
Của cỏ xanh từ tháng trước héo khô
Trên vai áo người đi xa biệt
Mùa bóng cũ
Nhấp nhô.

Ta rồi cũng chỉ là sương khói
Bảng lảng trong một trang nhật kí nhàu
Nhưng khi nhìn lại ảnh hình thuở trước
Đáy mắt đã đổi màu
Như màu tóc em nâu...

PHẠM BÁ THÁI TÂM

Có một tháng Mười...

Tháng Mười cái thuở đang yêu
Nghe mưa gọi nắng, nghe chiều gọi đêm
Ngổn ngang tâm sự đầy thêm
Giật mình... chẳng có ai bên cạnh mình!
Chiến tranh nhắc mãi cuộc tình
Ai ngồi gom nhặt bóng hình của ai
Thời gian biến một thành hai
Bông hoa dành cất ngày cài áo em
Tháng Mười thời chiến nhớ - quên
Có còn đủ sức làm mềm lòng nhau?

TRẦN NHƯƠNG

Nha Trang

Đêm nay Nha Trang
 Dịu dàng biển
 Dịu dàng em
 Vòng tay níu lưng anh
 Rạo rức Hòn Chồng.

Vé máy bay lùi đến ba lần
 Em chưa muốn ra Cam Ranh tiễn bạn
 Chập tối cơn mưa
 Sáng mai nắng hừng
 Lời chia tay chưa ngỏ đã rơi nhòe.

Nha Trang
 Thôi để anh về Hà Nội
 Bé em đặt xuống Tây Hồ.

Em nổi giận, sóng trùn lên Đồng Đế
 Đá Hòn Chồng bỗng chốc như xay
 Anh lập trình bị lỗi
 Nha Trang khóa mãi chưa đầy....

Tình bằng

Nửa thế kỉ
 Phía non tơ phía dần vào cũ
 Cách trở
 Người đứng
 Hoa nở bên kia bên này cuối vự
 Con đò lặng lẽ bến song.

Có một ngày hai bờ chập lại
 Sông biến thành hồ mệnh mộng
 Sóng hát câu Quan họ
 “Tình bằng con sáo sang sông”.

Cũng chẳng tính gì cách bức
 Cũng không ngờ vực lòng nhau
 Như cây gốc yêu lấy đất
 Lá hoa dâng trời nàng dâu.

...

Cuối vự rưng rưng hoa nở
 Hai bờ tết một đuôi sam
 Ngũ thập niên tiền Uy Viễn
 Tình bằng “ứ hự” đa mang...

THƠ HAY ĐỘNG LẠI

Làng

Nhà thơ **LƯƠNG KHẮC THANH** (giới thiệu)

VŨ AN*

Làng

Đồng xa bước mẹ vội vàng
Dấu chân bấm lôm đường làng chiều mưa.

Trâu gầy lấm cỏ bờ đê
Ao làng con cá rô thia búng chiều.

Làng quê là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca. Giữa vô vàn bức tranh quê được vẽ nên bằng con chữ, *Làng* của Vũ An lại gây ấn tượng với ta bởi nét vẽ mộc mạc mà thâm thắm miền hoài niệm:

“Đường xa bước mẹ vội vàng
Dấu chân bấm lôm đường làng chiều mưa”.

Cặp lục bát đã thể hiện một tứ thơ độc lập về làng. Một bức phù điêu với cánh đồng xa xa, chiều mưa, lui cui dáng mẹ. Nhân vật trữ tình mẹ mang cái hồn cốt máu thịt của làng được hiển lộ ngay từ những bước chân vội vàng, từ những dấu chân bấm lôm đường làng chiều mưa ấy. Chỉ hai câu lục bát với mười bốn chữ tác giả đã khắc họa được bức tranh quê ấn tượng và thân thương đến thế! Những người nông dân chân lấm tay bùn, một nắng hai sương, nắng mưa tần tảo, thân cò lặn lội đã làm nên nét đẹp của làng. Thi nhân lựa chọn hình ảnh, gam màu thật đất để khắc họa bức chân dung làng qua dáng mẹ. Động từ đi liền trạng ngữ “bấm lôm” của dấu chân mẹ như một nét chạm trổ tài hoa trong điêu khắc để hồn cốt câu thơ được hiển lộ thật ám ảnh người đọc. Cặp lục bát thứ hai độc lập, như một bài thơ nữa về làng:

“Trâu gầy lấm cỏ bờ đê
Ao làng con cá rô thia búng chiều”.

Ta được gặp ở đó có hai hình ảnh về làng được ghép lại. Một hình ảnh làng trong nghèo khó, nơi con “trâu gầy lấm cỏ bờ đê”, nơi ta lớn lên phải trải qua bao ngày giáp hạt, còn vọng câu “No ba ngày Tết, ấm ba tháng hè”. Và, một hình ảnh làng đầy bình yên với “ao làng con cá rô thia búng chiều”. Bài thơ khép lại trong dư âm của tiếng cá quẫy nước, của vẻ đẹp bình dị, thân thương.

Bài thơ *Làng* chỉ vồn vẹn hai cặp lục bát nhưng đã vẽ nên một bức tranh đa sắc, chân thực và đầy rung cảm về làng quê. Đọc Vũ An, ta nhận ra vì sao “Làng” vẫn mãi là nơi trái tim ta luôn đau đáu hướng về.

* Nhà thơ Vũ An tên khai sinh là Vũ Văn An, sinh năm 1936 tại Nam Đàn, Nghệ An. Ông hiện đang thường trú tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, là hội viên Hội LH VHNT Nghệ An.

NGƯỜI NGHỆ XA QUÊ

VÕ QUANG DIỆM

Sinh năm: 1951

Quê quán: Thanh Lương, Thanh Chương, Nghệ An; hiện sinh sống và làm việc tại Hà Nội
Hội viên Hội Nhà văn Hà Nội; Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam

Đã in 4 tập thơ: *Ký ức tình yêu*, *Chốn quê neo đậu hồn tôi*, *Lời ru cho em*, *Bỗng dưng thêm trách mắng*.

Đã có nhiều tác phẩm in trong các tuyển tập: *Tủ sách nhà văn - Thơ Tập 2*; *Vùng phần bay*; *Ngày hội thơ*, tập 6; *Lãng đãng Hồ Gươm*, tập 3; *Thơ Việt đương đại*; *Chân dung Văn học*; *Gương mặt thơ Việt đương đại*;...và báo chí toàn quốc như: báo Nhân dân, báo Người Hà Nội, báo Phụ nữ Việt Nam,...

Giải thưởng: Giải nhất Hội diễn chào mừng đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội với ca khúc “Nhớ chiều thu Hà Nội”, nhạc: Nguyễn Văn Bằng, thơ: Võ Quang Diệm.

Hồn quê

Ánh chiều
hong tóc hàng tre
Mổ trâu
gọi bạn đi về
sóng đôi.

Chợ chiều
ồn ã chào mời
Giếng làng trong vắt
tiếng cười hồn nhiên.

Đền thiêng hút khách mọi miền
Hoa xoan tím cả
nỗi niềm nhớ nhung.

Vườn xưa hoa bưởi thơm lừng
Mơ đèn đom đóm
soi chung lối về.

Ghép thành một mảnh hồn quê
Để rưng rưng mỗi lần về, quê ơi!

THƠ

Về quê

Về quê
hưởng chút lộc trời
Nắng nung nên cả
tính người thẳng ngay
Gió hằm hập
rạc cỏ cây
Mồ hôi bạc trắng luống cày
mưu sinh.

Đất
người
vắt ruột kết tinh
Chất Nghệ
yêu ghét
nhục vinh
rạch rời
Về nghe
câu ví đưa nôi
lắng thành cốt cách
tình người quê choa.

Tắm sông
mà hiểu phù sa
Để cho đồng bãi
mướt mà xanh tươi
Về ăn đặc sản truyền đời
“Chua cà nhút mặn”
mà nuôi chí bền.

“Lộc đời”
ai nhớ ai quên?
Bao nhiêu
miếu mạo
đình đền
ra đi
Trách thời nông nổi nghĩ suy
Quê xưa còn lại những gì hôm nay?

Gọi mẹ

Bụi mưa giăng phủ trắng đồng
Gió hun hút thổi, gió lồng lộng qua.

Cầm cầm rét cắt thịt da
Lom khom mẹ cấy ruộng xa chưa về.

Giật mình con tỉnh cơn mê
Mà môi vẫn gọi mẹ về mẹ ơi!

Cây tre làng Việt

Nhạc: PHAN THANH CHƯƠNG

Lời, thơ: VÕ THANH AN - PHAN THANH CHƯƠNG

Hào sảng-Vang vọng
(Phong cách Dân gian)

(Vào hơi chậm)

Cây tre. Cây tre làng Việt ư ư. Cây tre mệnh
mang tâm hồn Việt. ư ư. Trăm năm, ngàn năm bám làng giữ
đất. Chung lưng đấu cật trộn tình với nước non. Tre ngà gan
góc. Nắng tấp thân vàng hoe, nồm nam vắn đủ bề vẫn
nuôi măng. Vẫn nuôi măng mọc thẳng ư ư. Oí a oí a, oí
a oí a, oí a a a oí a a, oí a oí a, oí a a oí a
oí oí a. a oí a oí, a oí a oí a, a oí tiếng ru lời mẹ
hát oí a oí oí a oí. Tre dăng dăng lũy tre xây
thành. Ngàn nga lời ru thiết tha tình. Ngàn năm sông núi hồn
thiêng. Tình chung ấm áp những lời riêng! Bao gồm tre thành lũy
thép. Thủy chung, yêu thương, chân thành. Lắng sâu trong tâm hồn Việt
Nam. Thủy chung, yêu thương, chân thành. Mảnh mai, duyên
dáng Việt Nam ./.

(Ca khúc dành cho đơn ca và múa dân gian)

Sông Hoàng Mai quê tôi

Nhạc: **QUẾ THƯƠNG** - Thơ: **ĐINH VĂN NHẬT MINH**

Tình cảm, da diết

The musical score is written on ten staves in a single system. It begins with a treble clef and a key signature of one sharp (F#), indicating the key of D major. The tempo and mood are indicated as 'Tình cảm, da diết' (Sentimental, lingering). The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes on the staves. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics describe the beauty of Hoàng Mai River and the nostalgia of the author.

Ơi con sông Hoàng Mai. Thướt tha dòng xuôi ngược. Bốn mùa chao sóng
nước. Nghiêng soi hình bóng ai. Ơi con sông Hoàng Mai. Từ Cửa Cờn biển
hát. Ngược dòng thủy triều dâng. Bâng khuâng nghe em hát. Niu chân người muôn
phương. Ơi con sông quê tôi. Ngọt tình người tình đất. Từ Vực Mầu, Quỳnh
Trang. Xuôi mang dòng mát ngọt. Đây con sông quê hương. Tuổi thơ đắm kỷ niệm. Em ở đâu, ở
đâu? Trong ngọt ngào hoài niệm sông quê bao thương mến. Sóng thời gian bạc đầu.
Mời em về Hoàng Mai thăm dòng sông kỷ niệm. Nguyễn Du còn đứng
ngóng. Trên cầu điệu sáo trong. Mời em về Hoàng Mai thăm dòng sông kỷ
niệm. Nguyễn Du còn đứng ngóng trên cầu điệu sáo trong.

Cánh chim trên đảo Sơn Ca

CHUNG TIẾN LỰC

Trong mờ hơi sương, đảo Sơn Ca hiện hiện với những công trình kiến trúc đẹp giữa trùng khơi, dập dềnh sóng nước. Ngọn hải đăng đứng lặng lẽ bên những lùm cây xanh thẫm như tháp canh trong lâu đài đá thời Phục Hưng. Ngôi chùa mái ngói đỏ son, cong vút đầu đao rồng phượng. Bên lối đi rải sỏi trắng bình dị là những mái nhà được xây thấp, lợp tôn sóng.

Đứng trên boong tàu, ngắm nhìn đảo nhỏ xinh tươi, sầm uất, trong lòng bỗng rung lên bao xúc cảm. Đây một làng Việt thân thương giữa bốn bề sóng nước!

Sáng sớm trên đảo êm ả, tiếng gà gáy râm ran gọi mặt trời đang còn ngủ nướng trong chiếc chăn bông đỏ chói. Biển hiền hòa, biển sáng nay dịu thế. Mấy con vịt nhà bơi lội rung tăng, thỏa thích ngụp lặn, đùa giỡn sóng. Vịt nhà vốn quen với nước ngọt, theo lính ra đảo thích nghi ngay được với nước biển. Chúng ngụp đầu, sục mỏ hớp nước mà không sợ sặc nước biển mặn chát, rồi hứng khởi quạt cánh bay là là mặt nước đuổi theo đàn cá chuồn xòe vây đang chơi trò lướt ván.

Có phải giữa biển khơi xa vời có loài chim sơn ca nên người xưa đi mở đất đã đặt tên là đảo Sơn Ca?

Sơn ca, cái tên nghe gợi nhớ một loài chim có tiếng hót trong trẻo, ngọt lịm nơi rừng diệp núi rừng nhiệt đới.

Trên đảo Sơn Ca có rất nhiều chim chóc. Hải âu, cò, vạc, mòng, két, én, sơn ca, sáo đen và nhạn biển... Bên cầu cảng, những chú chim hải âu mình tròn lông trắng, đôi cánh xám nâu, mỏ đỏ, đứng rụt đầu nghỉ ngơi trên những mỏm đá san hô như vừa hoàn thành một chuyến bay biển. Chúng riu rít nô đùa, chòng ghẹo nhau. Chim hải âu đông đúc như họp chợ. Hải âu dạn dĩ lắm. Chúng thân thiết như người nhà của dân đi biển; bay, bơi lội trên mặt nước ung dung như những cục bông gòn trắng xốp.

Chim nhạn biển bay chúi chít trong lùm cây phong ba, hình như có tổ chim giấu trong đó. Nhạn biển là loài chim đuôi ngắn, cánh và đầu có màu lông khác nhau, chúng bay rất nhanh. Suốt ngày nhạn biển bay liệng với trò chơi đuổi bắt bên hiên nhà, ra vẻ thân thiết với con người lắm lắm. Cùng với chim sáo đen, chim sơn ca, chúng cất tiếng hót trong veo như rót ngọc, hòa với tiếng gù trầm ấm của chim gáy... trong tiếng sóng biển dạt dào. Tiếng chim trên đảo như kéo ngày dài thêm đêm ngắn lại trong không gian lộng gió.

Trên mặt đất, dưới bóng mát của cây bàng vuông, chim bồ câu đủ các màu lông: trắng, nâu sẫm, nâu xanh..., hiền lành nhẩn nha đếm bước. Bồ câu có hai chân ngắn tũn, vô tư lăm chằm đi trên sân. Chim bồ câu và chim gáy do người dân mang ra nuôi, mới đầu chỉ vài cặp mà nay đã có cả đàn hàng trăm con.

Bất ngờ nhất ở đây là lúc hoàng hôn. Trên nền trời đỏ sẫm, 5 cánh cò bay thành hàng ngang liệng vòng tròn quanh đảo, vẽ một bức tranh màu nước thanh bình và thơ mộng: *"Nhỏ nhoi cánh cò bay trên sóng/Vỗ vào không gian nét quê nhà"*. Cò, vạc là loài chim sống ở vùng đất trũng, nơi có ruộng lúa, sông suối nhiều thức ăn. Sao nay lại chọn nơi đây, xứ sở của gió, cát, đá san hô làm nơi ở? Có phải vì: *"Nhớ thương nên vượt trăm hải lý/ Ra đây với lính những cánh cò/ Sớm chiều như bạn hiền tri kỷ/ Vơi đi nỗi nhớ bến bờ"*. Hay vì quá mãi mê đuổi theo những cánh bướm ra khơi xa đánh cá, quên cả lối về? Còn đáp án nữa, chúng là chim di trú theo mùa, qua đây rồi ở lại đây, "đất lành chim đậu". Nhìn chúng ở đây, cảm động lắm, hình ảnh làng quê gần gũi thân thương.

"Những cánh chim vượt gió/ Thản nhiên chao kiếm mồi/ Sống cùng người lính đảo/ Bay liệng trong xanh tươi". Thân thương lắm, ời những cánh chim trên đảo Sơn Ca!

Sập gỗ

TRẦN THỊ HỒNG ANH

Tôi nhớ cái thời xa xưa ấy, thời chúng tôi còn nhỏ, suốt ngày quanh quẩn bờ tre bụi chuối trong vườn, có đi xa nhất cũng chỉ đến trường học nhỏ xíu trét bằng bùn và rơm trộn lẫn bên kia xóm. Nhà tôi khi ấy cũng như bao nhà khác, sắm cho mình một cái sập gỗ để đựng những thứ đồ đặc có tên lẫn không tên của gia đình. Cái sập gỗ không lớn, ngắn và nhỏ hơn chiếc giường đôi cũ kĩ trong góc một chút nhưng là nơi quan trọng của cả nhà. Mở sập ra là bao nhiêu thứ, có lúc đầy đến miệng; cái cần hàng ngày thì để bên ngoài, cái ít dùng hoặc để dành thì để bên trong, xa tầm tay với hơn chút. Vùng tôi ở không có nhiều ruộng đồng, mọi người trong xóm đều đi làm ở các cơ quan nhà nước nên không có lúa gạo dư dả để bỏ vào như những nhà làm ruộng. Sập chủ yếu dùng để cất mọi thứ thay cho tủ bây giờ. Tôi nhớ, trong đó có cả hòm gỗ nhỏ đựng các loại giấy tờ, ảnh, vài cái huy chương bố mẹ mang từ chiến trường trở về. Hàng ngày, bố mẹ đi làm, chị em tôi cùng lũ trẻ con hàng xóm lại chơi xung quanh nó với đủ trò có thể nghĩ ra. Trò chơi thường xuyên nhất là trốn tìm. Đứa nào cũng thường trốn xung quanh hoặc chui xuống gầm sập. Trốn ở gầm sập dù chật một tí nhưng ít đứa nghĩ ra. Song lâu dần, cái chỗ trốn ấy cũng không còn bí mật nữa. Đứa nào đi tìm cũng nhìn xuống chỗ đó đầu tiên. Thích nhất là mở nắp sập, chui vào nằm trong đó, đóng lại thì không ai biết. Có khi trốn lâu quá, ngủ quên luôn trong đó, trưa mẹ về lấy gạo nấu ăn mới kêu dậy. Ngày nhỏ, ba chị em tôi như trứng gà, trứng vịt; suốt ngày trêu chọc, rồi tổ cáo nhau với bố mẹ. Nhà nhỏ nên om sòm cả lên. Nhiều hôm mãi chơi quên nấu cơm, nghe tiếng mẹ về

dầu ngô mới cuống quýt mở sập lấy gạo. Chúng tôi thường phải chồng ghế lên mới với tới được nắp sập. Có lần mẹ phạt, vẽ cho mỗi đứa một cái vòng tròn bằng vạch vôi trắng bên cạnh sập, bắt đứng vào đó, không được ra ngoài. Khi mẹ đi làm thì ba chị em đã ngủ say trên sập. Cái sập cũng có thể trở thành giường được mà, còn hơn ngủ trên nền gạch! Thi thoảng nhà có khách, bố mẹ cũng để cho họ ngủ trên đó. Bình thường buổi trưa, mấy chị em ăn xong là lại trèo lên sập nằm chơi, rồi ngủ ở đó đến chán mới dậy. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in mùi của cái sập. Bởi nó gắn với những thức quà của chị em tôi. Có khi là mùi chuối chín, có khi là mùi lạc khô được nắng thơm thơm hay mùi chiếc bánh quy Hải Châu nhỏ xinh... Giờ thì trẻ con có quá nhiều thứ để ăn, đâu biết đến cảm giác hạnh phúc của chúng tôi khi mở nắp sập lúc ấy.

Ngày đó, mẹ thường gom lạc mùa về cất trữ trong sập, đợi đến khi lên giá thì xay ra bán. Mùa hè, mấy chị em hay nằm quanh chân sập, khều cho lạc rơi xuống rồi lách rích ăn cả buổi trưa, để lại cả đồng vỏ. Mùa tháng Tám, nước lũ lên hơn nửa cửa sổ, bố mẹ cả đêm xúc lạc trong sập đổ vào bì để gác lên trần. Lũ chúng tôi thì ngủ ngon lành trên mấy phiến gỗ được buộc chặt vào nhau thả nổi trong sân nhà. Sáng ra thấy nước trắng quanh mình. Nước rút, cái sập lại được chùi rửa sạch sẽ, để khô chờ bỏ lạc trở lại.

Hết thời bao cấp, thóc gạo không cần phải tích trữ nhiều. Nhà cũng được xây mới, không còn nhà ngói, vách nửa nứa. Chị em tôi lớn lên rồi rời nhà đi xa. Cái sập rỗng dần. Đôi lần về nhà, mở sập gỗ ra không có cái gì trong đó, lòng bỗng thoáng buồn. Một ngày, bố mẹ quyết định đem nó đi cho. Gian nhà ngang rộng hơn, trở thành phòng ngủ cho em tôi. Lâu dần, tưởng chừng mọi người trong nhà đã quên đi cái sập gỗ, nhưng trong những câu chuyện với bè bạn thuở ấu thơ nó lại hiện về...

Ngày tháng dần trôi qua, tóc đã pha sương nhưng những ký ức xưa vẫn còn nguyên vẹn. Chiếc sập cũ ấy thỉnh thoảng lại trở về trong giấc mơ, trong tiếng cười trong veo thơ trẻ...



Chân dung lương y Phó Đức Thành

Phủ Quỳ, phủ Tương du ký

PHÓ ĐỨC THÀNH

Số 3

Con gái chữa hoang

Làng cũng bắt vạ chủ thổ về việc ấy một con lợn và năm lượng bạc. Làng bắt vạ bên trai một nén bạc. Lợn thì làng giết ăn, tiền thì để làm việc công. Con gái chữa hoang lần thứ hai phải vạ một con trâu, một nén bạc, một chum rượu trứ. Nếu hai bên trai gái thuận lấy nhau thì trai chỉ phải nộp phạt làng một con lợn và cho mẹ đẻ người con gái 2\$00. Nếu hai bên không lấy nhau thì chỉ nộp vạ mà thôi. Lần thứ ba cũng phạt như trên.

Gái háo (góa?) chữa hoang bị phạt một nén bạc, một con trâu, một chum rượu trứ.

Ốm đau

Khi đau ốm có hai cách chữa:

- a) Có thầy thuốc lấy thuốc chữa
- b) Có thầy mo làm phép cúng cấp chữa

Chết

Nhà có cha chết phải đánh một hồi trống cụt thì cả làng cả xã tới cả, tắm rửa, mặc quần áo cho người chết. Các người đầu họ quản các việc khó, con cái không cần phải lo liệu. Dem một cái giường để giữa gian, trải một chiếc chiếu và một cái nệm dài, trải bốn lớp vải, để xác người lên nằm, ở trên đắp năm lần vải, một cái chăn phá, đội trên đầu một cái mũ thắt chín nút (họ Sầm), thắt bảy nút (họ Lang). Xong rồi con trai mỗi người một cái gươm dài đi vòng quanh cái giường ấy chín lần, liền khi đánh ba hồi trống, ba hồi chiêng các con đến bên bắt đầu mà lạy, xong rồi các con vác gươm ngồi đó mà canh giữ luôn. Làm một con gà trống luộc để cúng. Lễ ấy là lễ xôi gà đặt đầu; xong rồi hết cả xã đi chặt gỗ làm hòm, nhà nào không đi đông người phạt năm quan tiền, một vò rượu trứ. Làm được hòm đem về nhập quan. Lễ ấy làm một con trâu. Xong rồi cả làng cắt nhau đến trực cả đêm cả ngày, cắt nhau đi mời tổng, xã, phủ, huyện bà con thân thích. Khách đến, đầu mấy trăm mấy ngàn dân phải tiếp đãi. Con cái trong nhà không biết gì hết, phí tổn bao nhiêu làng chịu tất cả.

Nhà Sầm phải làm một cây linh-tinh tùy giàu nghèo để lâu hay chóng.

Đưa đám

Có cờ, linh-tinh, một con trâu giết để làm cơm đưa đi, nhà tang bằng gỗ lợp tranh, độ 30 người khiêng, dân làng khiêng cả. Mấy người con trai phải sỏ tóc vác gươm đi trước nhà tang, ra gần rú mồ, làm một tiệc, chỉ làm tinh rượu trứ, hết cả các người đi đám uống. Nghỉ một lúc các con phải cúng rượu trứ.

Đến huyết đặt quan tài xuống lấp đất cho bằng, khiêng nhà táng đặt lên trên, ở trong đặt một mâm cơm và các đồ quần áo cũ của người chết. Đoạn con cái và các người đi đưa đám cúi lạy ba lạy rồi về. Hôm ấy khách về cả không ăn uống gì. Sáng mai làm một con trâu, anh em họ hàng bưng một mâm cơm đến nhà mổ cúng, ra về phải ra bên gọi đầu, về đến nhà cắt tóc rồi mới mặc đồ tang (trước chỉ mặc áo trắng không chống gậy, ăn uống như thường). Đến ngày thứ ba con cái và họ hàng đem mâm cơm cá đến cúng nhà mồ. Ngày thứ tư đem cơm trứng đến cúng. Ngày thứ năm đem trâu rượu đến cúng rồi rước linh hồn vào giường thờ cúng một bát cơm, một đĩa mía, một đĩa muối. Hết tháng, nhà giàu làm một con bò cúng, nhà nghèo thì lợn, gà, giò cũng được. Thế là xong.

Đây là đám ma nhà giàu, còn nhà nghèo tùy mà thay đổi.

Đế tang

Cha mẹ, anh em, vợ chồng, họ hàng: một năm. Anh em họ ngoại ba đời để năm tháng. Lễ hết tang, nhà giàu mời hết anh em, họ hàng, các dân làng đến làm lễ một con trâu, nhà nghèo thì thế nào cũng được.

Không được hát xướng trong khi có tang, còn lấy vợ, lấy chồng thì không cấm.

Tìm đất chôn

Người con trai trưởng đem đi hai đồng tiền xin âm dương, đem một cái trứng tưng niệ, rồi đập trứng vào một chỗ đất, nếu vỡ thì chôn được, nếu không vỡ thì phải tìm chỗ đất khác. Đã chôn rồi thì không đắp nắm như ta, đánh phẳng,

bốn bề chôn bốn hòn đá, thế rồi thôi, sau không bốc gì nữa. Có một cái rú riêng của làng làm nghĩa địa, không được chôn người ngoài. Nếu cùng quá cố nài xin chủ thổ đất có cho mới được chôn.

Tìm đất làm nhà

Kiểm được miếng đất rồi đào một cái lỗ, bỏ hai hột thóc vào, đặt cái bát lấp đất, làm lễ khấn. Đến mai mở bát ra, thấy hai hột thóc nở giáp nhau thì đất ấy không ở được, nếu hai hột xa nhau thì ở được. Làm cái nền lên chỗ ấy, nhưng chưa được làm nhà, phải làm tạm cái nhà nhỏ ở tạm bên cạnh đợi một tháng mới được làm nhà.

Chỉ được đem thịt sống đến thẳng chỗ bếp mà thôi, cấm đem đến gần giường để cho khách nằm, chỗ này kiêng.

Làm nhà

Muốn làm nhà hay sửa lại nhà thì phải có con lợn độ 8 đồng và một chum rượu. Lợn nấu với cả cây chuối rừng một nồi, rồi mời làng tới ai nấy múc ăn, rồi ra làm giúp cho cả.

Tùy theo giàu nghèo, hai bên tương trợ nhau.

Tết

Trong tháng tết ai muốn Tết ngày nào cũng được. Như mồng Mười làm được lễ thì làm một con heo, một vò rượu, nhiều gói cá, bánh chưng, bánh xáo, trước cúng cha mẹ, sau mời bà con, anh em, bạn hữu. Trước ăn sau mừng nhau trong mấy ngày ấy. Các câu chúc đến lạy bàn thờ, chúc ở bàn thờ rằng: Năm mới bình an mạnh khỏe. Các nhà đại chủ thổ ăn tết phải làm trâu bò thêm vào. Dân của chủ thổ tới hết cả, vợ chồng con cái, trước lạy bàn thờ năm lạy, sau lạy chủ thổ bốn lạy, rồi chúc mừng nhau năm mới mạnh khỏe, sau uống rượu trú là về.

Lúa gạo

Cơm gạo trên này rắn lắm. Không có cối xay, cối giã, họ lấy một cái cây to, chia đôi lấy một nửa, chia ba lấy hai phần đục lỗ vuông nhỏ. Chỗ lỗ vuông lớn thì đâm thóc rồi rơm ra, lại đâm một lần nữa cho hết trấu. Hết trấu lại bỏ sang cái lỗ nhỏ, đâm cho kỹ mới dùng được. Họ chỉ đâm đủ dùng trong hai ngày thôi. Có thóc sợ cháy làm riêng một cái nhà ở một nơi, khóa kín lại, thế là được, không sợ trộm cắp.



Hình minh họa của tác giả

Người Mường không buôn bán gì, làm buổi sáng nghỉ buổi chiều, làm mùa này nghỉ mùa sau. Lỡ mất mùa hoặc lên rừng kiếm đồ ăn hoặc làng này được mùa làng đói sang nhờ ăn, xin từng thúng chứ không từng lon, nhà giàu phải cấp cho dân ăn.

Cả vùng phủ Quỳ còn tiêu nhiều bạc đồng, trước không tiêu bạc giấy, nay đã biết dùng.

Người dưới mình hay đem đồ lên đổi thường hay nói giá cao quá, như mang một cái áo the độ 3 đồng nói 6 đồng thì lại đổi được con lợn đáng giá 6 đồng, cho nên bây giờ nếu hỏi mua con lợn, họ cũng nói 6 đồng ví với lợn dưới ta thì đắt chỉ độ 4 đồng mà thôi. Nhà giàu lắm mới có đầy tớ, làng nào cũng có một hai chủ thổ, chủ thổ phải trông nom dân, có lỗi cứ trách ở chủ thổ. Dân làng nọ sang làng kia ăn trộm bị bắt thì làng bị mất trộm bắt lỗi chủ thổ có người ăn trộm. Hai chủ thổ phải thu xếp với nhau, nếu không xong thì đem lên phủ.

Trong làng không có chùa đình, khi có việc bàn thì họp bàn tại nhà lý trưởng hay nhà chủ thổ.

Họ sợ không uống thuốc Bắc, thuốc Tây còn dám dùng, khi quan sứ đi La Sơn dân làng lên xin thuốc, nào đau bụng, nào đau mắt, sốt rét...

Họ kiêng không kê giường giữa nhà mà nằm, không được nằm đầu xoay ra lối đi vào nghĩa là theo chiều dọc, phải nằm theo chiều ngang. Người bạn đẻ con trai hay con gái mặc, chỉ đem mừng hai quả trứng gà và một bát gạo mà thôi. Người đẻ con không ăn mừng. Việc hiếu hỉ chỉ mừng phúng bằng bạc thật hay rượu, trâu, bò, gà lợn tùy đó. Có khách xa đến nhà, trước chỉ hỏi ăn cơm đã, nếu chưa ăn thì làm cơm mời ăn, sau đem rượu ra mời uống. Trong khi uống phải hỏi chuyện xa gần, vợ con mới ra chào. Nếu ăn cơm rồi thì chỉ đem rượu trú ra mời mà thôi.

Ruộng cũng có thể cấy lúa tẻ, nhưng họ không muốn vì không bán được, mà ăn lại mất nhiều đồ ăn, ít chất bổ, cơm nếp chỉ chấm muối cũng xong. Đem đồ cối xay, cối giã dạy họ, họ không muốn. Ý nghĩ có lẽ trên này không có việc nên phải làm thế cho họ có việc tiêu khiển.

Tái hôn

Gái trước lấy ông huyện sau góa chỉ được lấy người hơn chồng mình hay bằng quá lắm thì chánh tổng mà thôi. Nếu lấy người kém thì bị phạt một con trâu, một nén bạc, một chum rượu trú, 100 ống gạo. Người thường góa mà đi lấy chồng phải nộp cho nhà trai cũ một con trâu, một nén bạc, một con lợn, một vò rượu trú để cúng chồng cái giá. Bọn hạ lưu chỉ có một con lợn, một nén bạc, một vò rượu trú cúng chồng.

Trai muốn bỏ vợ chỉ cần trình làng là bỏ được, không cần chứng cứ gì cả. Gái bỏ chồng thì phải trả hết các của khi cưới.

Con gái chưa chồng thì hay đội cái mũ làm bằng nứa, lấy hết cật, còn ruột trắng, khổ độ 6,7 tấc tây, kết làm thành vòng tròn. Coi đó như còn con gái, như mất con gái, con trai cũng không hiểu được. Họ không để ý đến việc này, họ chỉ tin vào cái mũ đó thôi. Con gái lười không biết thêu thùa, dệt vải thì không ai lấy.

Con gái có chồng thời hay búi ngược tóc về bên cái đầu rất lớn, cài cái trâm bằng bạc cũng thiệt to bằng ngón tay cái, dài đến hai tấc. Ăn mặc thì toàn đồ tự dệt lấy, không phải mua.

Chuyện cổ tích đi kén vợ

Ngày xưa có một người con giai tên là Sầm Văn Mương, con cụ Sầm Bính ở về vùng Tào Khê, phủ Quỳnh Châu, trong nhà nuôi nhiều giống chim, thứ nào dạy cũng nói được cả.

Năm ấy ông đã đến tuổi phải có người vợ giúp việc. Nghe nói ở tổng Tĩnh Văn, châu Thường Xuân có một cô Lào tên là Nàng Nòng xuân đôi tám, nhan sắc tuyệt vời, kim chi sắc sảo, ông muốn lấy làm vợ. Song chỉ nghe nói chứ chưa thấy mặt, chẳng nhẽ sang ngay mà coi, còn mượn ai cũng khó vì đường xá nguy hiểm. Ông mới nghĩ chỉ có loài chim có cánh bay đi mới tiện, ông liền ra hỏi các giống chim, xem giống nào đi được thì cho đi. Không ngờ giống nào cũng từ chối. Con thì chối rằng mắc nuôi con, ấp trứng, con thì nói đang mùa hoa quả xin để kiếm ăn, không thể lia bầy được. Ông nghe thế nản lòng quá mà than rằng: Ai ngờ mình tốn kém bao nhiêu thóc gạo, nuôi cho nó béo, có đàn, có lũ, quyền luyến cùng nhau, lại học ăn học nói được mà không giúp được gì chẳng phải uổng lắm sao? Đem vật chết cả cho rồi, gan ruột gì chúng nó bạc như thế. Bà mẹ nghe con con rằng: “Con chớ vội nóng giận thả lời dữ tợn, bên kia họ nghe được, cho con là người độc ác mà từ chối chẳng? Nhưng con đã hỏi hết các giống chim chưa? Hình như con còn quên không hỏi đôi yểng. Mẹ xem giống ấy khôn hơn cả”.

Người con sức nhớ liền đổi giận làm vui, chạy lại đôi yểng tỏ hết công chuyện đi coi mặt nàng thì đôi yểng xin vui lòng cố sức đi cho được việc, không dám từ nan.

Ông mới sửa soạn nào đồ ăn cho yểng: ớt, thịt và có dính một bức hoa tiêu vào đuôi.

Sáng mai đôi yểng tạ từ chủ rồi bay đi. Lúc bay đến gần nhà cô Nàng, đôi yểng đậu lại một nơi để nghỉ mưu kế cho lọt vào nơi cô Nàng ở.

Chồng rằng: “Vợ phải đi trước thì hơn vì đàn bà đi đến đâu cũng dễ lọt hơn”. Vợ lại rằng: “Đã đi thì đi cả đôi, lỡ họ bắt tôi thì ai cứu kịp, vậy phải đi đôi, nhưng còn vào thì nghĩ cách gì?”. Chồng nhanh trí nói rằng: “Nhà ấy có nuôi nhiều chim bồ câu, và lại chim bồ câu thường sáng hay bay dạo một lúc, ta nhân lúc ấy nhập bọn mà bay xuống”.

Mưu kế đã định, sáng hôm sau quả nhiên có kết quả hay.

Vào được sân thì người nhà đi khỏi cả. Cô Nàng cũng ra đồng coi lúa, để con hầu nhỏ ở nhà trông nom; đôi yểng hỏi rằng: “Cô ả chị đi đâu? Tôi có việc cần muốn thưa”. Con hầu đáp: “Cô tao còn đi ra đồng, đến trưa mới về, chúng bay có đợi được không?”. Yểng rằng: “Tôi xin cố đợi, nhưng cô phải bảo người nhà chớ hại chúng tôi vì chúng tôi là đầy tớ ông Mương cho sang có việc cần chứ không phải là chim lạc bầy”. Đến trưa cô Nàng về, ăn uống xong lại vào phòng thêu dệt. Yểng lại bay đến đậu khung cửi gần cô mà tỏ vẻ thưa rằng: “Ông tôi là Sầm Văn Mương nghe cô nữ hạnh, nữ công trọn vẹn nên muốn xe tơ kết tóc cùng cô xin cô vui lòng chiếu cố cho chủ tôi, thì chủ tôi thật có phúc”. Cô ả nghe yểng nói vậy thì lấy làm lạ quá, duyên nợ đâu có duyên nợ như thế, cho là việc gở liền đem ra thưa với song thân.

Ông bà để ra cô nghe cũng lấy làm lạ, cho người dò hỏi tin tức thì quả ở vùng Tào Khê có ông Sầm Văn Mương con cụ Sầm Bính, con nhà đại gia, tiếng tăm lừng lẫy

vùng ấy, mới tin lời yểng là thật, bảo yểng về nói với ông Mương tìm mỗi lá sang sẽ hay.

Đôi yểng bay về trình lại sự việc cho chủ nghe. Chủ hỏi nhan sắc ra sao thì yểng rằng: “Thật là một người quốc sắc khuynh thành sánh cùng chủ thật là xứng đôi đẹp lứa”.

Được lời như cỏi tấm lòng, chủ liền tìm mỗi đi theo cùng mình, nào ngựa nào voi, ngọc ngà châu báu, không thiếu thứ gì. Đến nơi cho người mỗi sang dò hỏi ý tứ và xin cho coi mặt Nàng. Còn bên cô Nàng liền cho các thị tỳ đi coi mặt ông Mương; chúng nó thêu dệt những sự không hay:

nào là mặt đen như sắt, tay chân lông lá, xấu xa vô cùng. Cô nghe nói buồn rầu không muốn ra nữa. Bên trai cố đợi thêm ba tháng cũng không coi được mặt liền xin cáo về. Bên nhà gái làm một con trâu để làm việc tiền; ai ngờ trâu đã thui chín rồi, còn bật vùng dậy chạy đi mất. Bên nhà trai cho là điềm quái gở liền cáo từ đi ngay. Cô Nàng thấy chuyện trâu lạ lòng đứng ở nhà lâu ngó ra, ai ngờ ngó thấy ông Mương mà sững sốt, vì thấy ông Mương là người trai trẻ hùng tráng tốt tươi, không như lời của mấy đứa thị tỳ thêu dệt. Cô tức quá liền thưa với cha mẹ cho người đi mời ở lại thêm mấy ngày nữa để trình bày công chuyện. Ông Mương thấy việc không hay, lại chờ đợi ba tháng mà không coi được mặt nhất định không quay trở lại nữa. Cô ả tức tối giận dữ, bao nhiêu đồ trang điểm trong mình quẳng vắt đi cả, vội vã theo cho kịp ông Mương, để giải tỏ tình oan.

Nào ngờ đi xa quá theo không kịp, bị chết giữa đường, rồi từ đó hồn rất linh thiêng, hiện có đền thờ ở Thường Xuân.

Ông Mương sau kén vợ ở dưới Hạ Bạt.

Vì cô Nàng chết đi có oán thù. Sau ông Mương mỗi ngày một suy, nhà cửa, của cải mất hết.

Ngày 30 Mars 1933

Trời vẫn không mưa không nắng mát mẻ như cảnh buổi chiều. Nghe nói khúc đường từ Tri Lễ đến Tà Lầm là khúc đường nguy hiểm nên có phần e sợ ngại ngùng, nhưng lo sợ ngại ngùng cũng không thể ở lại được. Thôi cứ cố đi, chỉ có khúc này nữa là tới chỗ dễ, thành thôi, sung sướng biết bao. Nghe câu ấy ai nấy lại phấn chấn, tỏ ra vẻ mặt vui mừng, vội vàng sắm sửa đồ cần dùng rồi đi.

Bắt đầu 7 giờ ra đi, đi được 15 phút thì quan Sứ lên ngựa, ông Nghị lên ngựa, tôi lên cang để phòng sức mà trèo đèo lội suối không như mọi ngày còn đi bộ dạo đến 2 giờ có mới mới lên ngựa lên cang. Đường mới đi thì bằng phẳng rộng rãi, cứ



Hình minh họa của tác giả

thế mà đi thì còn nói gì?! Được non 2 giờ như thế, rồi cứ dần dần càng lên càng khó; hai bên rậm rạp cây lớn, cây nhỏ, đường đi cứ nhỏ dần, đá bé còn gồ ghề, lổm chổm đá hòn tròn hòn méo, hòn trơn hòn sắc cạnh, đất ẩm rêu mọc, mỗi bước một trơn, bước lên lại trượt xuống. Không cười được ngựa, dắt nó càng cực thêm, ngựa cũng cứ muốn trượt xuống; cẳng cũng đành bỏ không thể nằm được, mà cũng



Nhà sàn ở phủ Quỳnh những năm 1920

không thể khiêng được; tôi phải gắng trèo, hai người vực hai bên mà trèo cũng không vững, mỗi bước lại mỗi dừng. Rồi đến nịt, bít tất đứt lúc nào cũng không biết, bít tất tụt xuống cả giày vải trắng để nhựa ướt đầm. Cùng quá phải lấy dây cây leo mà chằng chặt quần và bít tất lại cao gọn. Cứ lên lên mãi, càng lên càng dốc ngược, đầu gối rã rời hình như người què, thở hồng hộc, thở ra lỗ tai, thở ra lỗ mũi, bảo hết hơi trần cũng có lẽ. Càng lên càng thấy lạnh, càng ẩm ướt lại càng trơn, không khéo trượt thì ngã chết. Trèo như thế đến hơn một giờ đồng hồ. Đến được đỉnh núi, bụng hơi mừng đã thấy quan Sứ cười mà hỏi rằng: “Mệt chưa? Có què không?”. Tôi cũng cười gượng mà trả lời: “Không bước đường nào cực bằng! Không biết còn cực hơn hay không nữa”. Quan đùa tôi, nói còn nữa! Tôi thở dài: “Chết, còn nữa, còn nữa nhưng khó hay dễ hơn? Cực hơn nữa. Chết! Thế thì biết làm sao?”. Quan bảo cứ cố, sẽ thấy bĩ cực có tuần thái lai. Quan thấy tôi quần áo lướt trượt, bảo phải cởi hết áo dài, chỉ có áo nịt cho vào trong quần, thắt lưng ra ngoài, để cho gọn, và kéo vắt nó bám vào người. Nghe quan tôi nài nịt hết người; rồi mỗi người một cái gậy, đầu nhọn chống xuống. Lúc này mới thấy bộ quần áo An Nam là thất thế.

Các dân họ đã đi quen nên không đáng mệt lắm, họ ngồi hút thuốc phi phào, ra vẻ đắc chí với mình. Họ có chế ra được một thứ bụi nhùi, bằng chuối mà dai xốp, dễ bén lửa mà cũng tiện dụng lắm.

Nghỉ một lúc lại đi, lúc này là xuống dốc. Xuống được một quãng cũng dễ chịu; bụng bảo dạ, nếu được cứ thế này thì cũng khỏe lắm. Đi được một quãng còn nghe quan Sứ gọi: “M. Thành! chết chưa? Sao không nghe tiếng nữa”. Mà đường đi từ đó cứ dốc dần mãi xuống. Ở trên trông thật thăm thẳm dốc, dốc quá mà ngợp, lở chân sa xuống, thật xuống âm ty, không ai nhìn thấy nữa. Thấy mà sợ. Ấy là đã có hai người kèm hai bên rồi, nếu không có thì chịu không xuống được rồi. Càng xuống, càng không thấy chân núi. Sau một quá đành không theo kịp, ngồi ỳ một chút cho đỡ mệt. Mấy người dân đi theo cũng ngồi nghỉ, họ đem cơm nếp ra ăn. Tôi vì buổi sáng chỉ uống một chén cà phê, bụng có đói, thấy họ ăn, thèm, cũng xin họ một nắm, ăn cho có sức lại lấy làm ngon lắm. Hai người lính cùng đi với tôi cũng không theo kịp quan Sứ được, họ nói rằng: “Từ khi đi lính chưa

từng đi quãng đường nào khó khăn như vậy, thật là hết sức khó rồi”. Mỗi người uống một ít nước lại đi. Sau cùng chia người đi kèm tôi cũng lấy làm khó, thời một người dừng lại bảo tôi: “Thôi để tôi công ông đi còn dễ hơn hơn”. Lúc bấy giờ chân tôi như chân giả vậy, chẳng còn biết cử động nữa, tôi cũng bằng lòng cho họ công. Họ công tôi như họ công em bé của họ vậy. Đi lên đi xuống nghe cũng dễ chịu lắm, họ khỏe tôi cũng khỏe, nhất là lúc lội mấy cái suối. Các người đi theo sau cứ tùm tùm cười. Nhưng than ôi, ở đời sung sướng không phải cách thì không bền, coi cũng tạm thời mà thôi. Công thì mới đầu cũng khỏe, sau cũng mỏi, hai chân bị bó lại cũng đau, lâu lâu cũng nặng cho người công, cứ trệt xuống dần, trệt quá họ lại bó thất lấy hai đùi tôi mà xốc lên; mỗi lúc xốc lại lấy làm khó chịu. Đến lúc đã gần xuống hết dốc, tôi phải cố tụt xuống để đi bộ, kéo hai người cũng cực. “Thế nào, đã đến đất bằng chưa? Gần đến! Gần đến mãi, từ lúc này tới giờ biết mấy cái gần, các bác cứ lừa tôi mãi. Có thể ông mới cố đi: bằng nói còn lâu, còn dài sợ ông chán lại càng mệt lắm”. Đây đã đến chỗ dễ đi rồi, đi một quãng nữa đã thấy quan Sứ ngồi đợi tôi từ bao giờ. Quan thấy tôi vừa cười vừa hỏi rằng: “Tôi tưởng ông chết rồi. Mấy lần tôi gọi không thấy tiếng thưa; tôi đợi đây có hơn một giờ, vậy có đau mệt lắm không? Bẩm không, đã đỡ. Thế thì tôi mừng cho ông. Ấy cái núi mà mình vừa trèo, người ta gọi là đường lên trời đó”.

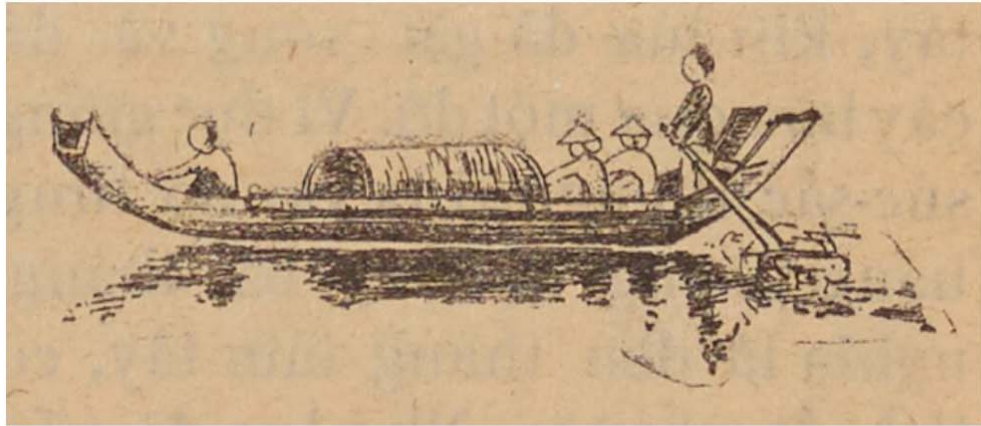
Tôi ngó lại thì quả thật núi ấy chót vót trời xanh, có mây trắng bao phủ luôn; nghĩ cuộc trèo mới qua tôi lấy làm mừng quá.

Nhà thi sĩ được đến chỗ này thì có vô số tài liệu làm thơ thiết thực, không còn viễn vông, không còn tả mờ nói bóng. Nghỉ một lúc lại đi. Đi đường cũng ung dung, thông thả, cùng nhau được chuyện trò vui vẻ, không như lúc này kẻ trước người sau, ai lo phận nấy, mong cho sớm kết thúc hiểm nguy.

Xa xa đã có làng, trong bụng mừng xiết bao! Hỏi làng gì thì dân đều nói làng Tà Lầm (Kim Khuông) là chỗ nghỉ chân. Đến nơi vừa 12 giờ 15 phút, nghỉ ở nhà ông Phó tổng. Dân làng chào chực đã lâu, thấy chúng tôi đến vô sự tỏ vẻ vui mừng ra chào. Quan Sứ vào ngồi ngay cái ghế làm bằng mây, cái ghế kê ngay cái bếp giữa nhà, giữa bếp đang đun nồi nước, lửa bốc lên ngùn ngụt. Dân làng đứng xung quanh bếp. Ngắm cảnh lúc bấy giờ không khác cảnh cha đi đâu về, con cái đứng chực hỏi thăm và đòi quà bánh.

Quan Sứ nghỉ một lúc rồi đứng dậy hỏi han dân tình, một lúc quan lại ngồi xuống rửa tay, rửa mặt. Ông Phó tổng đem cơm trầu ra mời. Quan cũng vui lòng nhận lấy ăn, ăn có vẻ ngon lắm. Tôi lấy làm thèm nhưng lại thẹn vì lúc bấy giờ có mời tôi ăn mà lại chối không ăn được. Theo cách lịch sự thì phải cầm lấy cho vui lòng chủ, nhưng tính tôi thật, cái gì không biết thì nói không biết ngay, không có kiểu cách, và tôi nghĩ cái gì mình đã không biết, mình có nể mà làm làm cũng vụng sai, người cũng cười, chỉ bằng cứ thực được bền lâu. Sau người ta biết mình quả thực như thế, người ta cũng chẳng giận gì. Ấy cũng vì lòng thực mà lúc xử thế có chỗ không thiếp, cũng đành vậy.

Tướng quan Sứ có đem phòng nhiều thuốc, người này đến xin thuốc đau mắt, người kia xin thuốc đau bụng, người thuốc cảm sốt; nhưng chỉ có đem một vài



Hình minh họa của tác giả

thứ mà thôi. Thuốc đau mắt không có, quan hứa đến Cửa Rào sẽ lấy đưa cho Chánh tổng đem về. Nhưng quan có dạy trước cách nhỏ thuốc: Quan ngồi cái ghế thấp, quan bảo người dân đau mắt, ăn mặc rất lem luốc, quan không nề hà, bảo ngồi xiết vào lòng quan, để đầu lên đùi, ngửa mặt lên rồi vạch mắt mà làm cách nhỏ thuốc vào, dặn dò rất chu đáo.

Dân làng thấy tính vui vẻ âu yếm của quan như thế, tỏ vẻ hâm mộ lắm. Đồ ăn mang đi sẵn nên bác bếp chóng dọn xong, mời quan vào xơi cơm. Không có bàn ghế mâm cơm để lên trên giường. Quan Sứ để nguyên quần áo ngồi vào ăn, ngồi giường không được, quan kéo cái rương của quan ra sát gần giường mà ngồi ăn. Còn ông Nghị với tôi quan cứ bảo ngồi lên giường ăn cho tiện, chúng tôi mạn phép cũng ngồi lên ăn. Ai đột ngột mà vào lúc chúng tôi đang ăn thì đã cho là bạn bè thân thiết, chứ đâu biết ông chúa tỉnh với người thường dân.

Coi chỗ xử trí đó cũng biết là quan trên rộng lượng, không chấp nhặt, không phân biệt giai cấp, vì đó mà dân có câu ca tụng rằng: “Cụ lớn cũng oai vị thật, từ ngày cụ lớn bắt đầu ra đi, thì trời mát mẻ luôn, không nắng không mưa, dân làng chúng tôi đi phục dịch hầu hạ khỏe mạnh, không mệt nhọc, thật là phúc tinh”.

Quan Sứ nghe được câu ấy, quan cười.

Ăn xong dân làng lại đem hai hũ rượu trứ ra mừng, quan uống, chúng tôi uống, dân làng uống, ngồi vòng hai vò rượu, chuyện trò vui vẻ, coi mặt ai cũng không đỏ, chỉ mặt tôi đỏ như gấc, quan cười. Hôm nay có vội đi sớm nên uống không được lâu như mọi ngày.

Từ đây cuộc trào đèo lội suối hết, lại đến cuộc lên thác xuống ghềnh, cảnh trí sẽ bày trước mắt ra sao?

(Còn nữa)

PHẠM XUÂN CẦN

(sưu tầm, xác minh và giới thiệu)

TRẦN NGỌC CẢNH

Đêm rước đèn

(Tặng cháu Hải Âu)

Đêm Trung thu trăng sáng
Chị Hằng ở trên cao
Nhấp nháy muôn vì sao
Trời trong xanh, gió mát.
Em ở dưới mặt đất
Cùng các bạn rước đèn
Nào đèn cá, đèn chim
Đèn lồng, đèn hươu, ngựa...
Đèn xanh, vàng, tím, đỏ...
Có đủ loại, đủ màu
Thích nhất đèn ông sao
Năm cánh vàng lấp lánh.
Ở giữa có tám ảnh
Bác Hồ vẫy tay chào
Vui sướng biết bao nhiêu
Đêm rước đèn có Bác!

NGUYỄN THỊ QUỲNH SEN

Mùa thu

Mùa thu lạ thế
Đến rất nhẹ nhàng
Từ trong quả thị
Hương thơm ngát lòng.

Mùa thu lạ thế
Nhuộm nắng rất vàng
Nền trời cao rộng
Xanh đến mênh mang.

Mùa thu lạ thế
Xào xạc heo may
Từng lời gió hát
Bâng khuâng kẻ tay.

Mùa thu nâng bước
Chân em đến trường
Cho ngày trong trẻo
Đong đầy yêu thương...

NGUYỄN QUANG SANG

Rước đèn sao

Ông sao năm cánh
Đi cùng bé chơi
Nhấp nha nhấp nháy
Trắng sáng bầu trời.

Ông sao năm cánh
Bạn cùng đèn lồng
Đèn thỏ, đèn cá
Đèn Tôn Ngộ Không.

Em rước ông sao
Đi khắp lối phố
Đi qua quảng trường
Rực màu cờ đỏ.

Tháng Tám Trung thu
Múa lân - sư tử
Bánh quà đầy mâm
Bạn ơi vui lắm!

Muôn nghìn sao sáng
Vây quanh trăng tròn
Cuội trèo xuống đất
Nhảy cùng bé con.

HOÀNG DUY HỢI

Chơi trò đuổi bắt

Bác mặt trời lên
Bầy sao trốn mất
Bác mặt trời lặn
Bầy sao tươi cười
Em hiểu ra rồi
Ông Trời bà Đất
Cúng bắt chước em
Chơi trò đuổi bắt.

Tay phải được làm tay phải

Tay phải khiêu nại thương đế
Về những ngang trái bất công
Bản thân đã từng chịu đựng
Lâu nay ảm ức trong lòng.

Giọng buồn, nhưng rất khúc chiết:
“Tôi làm quần quật đêm ngày
Mọi việc nặng nhẹ, lớn nhỏ
Đều do cánh tay phải này.

Tay trái chỉ có phụ giúp
Nhiều lúc chẳng chịu làm gì
Thế mà lại được ưu ái
Hưởng thụ vào bậc nhất nhì.

Tay trái đeo đồng hồ đẹp
Đeo dây, đeo lắc, đeo vòng
Làm bằng ngọc, ngà, vàng, bạc
Đeo nhẫn đá quý, hạt xoàn...

Tay phải chỉ có chai, sạn
Thô ráp, gân guốc nổi đầy
Suốt đời vẫn là tay trắng
Thương đế sao chẳng có hay?”

Thương đế ôn tồn giải thích:
“Tay phải đúng là tuyệt vời
Tự mình làm rất trách nhiệm
Cáng đáng mọi việc trên đời.

Tay phải đối nội, đối ngoại
Cày, cấy, săn, bắt, nắm, cầm
Vuốt ve mang yêu thương đến
Viết lách, thu nhận, chia phần...

Tay phải rất là hoàn hảo
Chẳng có khiếm khuyết tí nào
Đâu cần phải đeo trang sức
Tay phải vẫn đẹp làm sao.

Tay trái có nhiều hạn chế
Cần được ưu ái, quan tâm
Bù đắp bằng trang sức quý
Để nâng động lực tinh thần.

Tay phải lẽ nào lại muốn
Làm phận tay trái yếu hèn
Để mong chờ sự giúp đỡ
Nếu thích thì sẽ đổi... tên”

Tay phải nghe xong liền nói:
“Xin thương đế hãy ban ơn
Tay phải được làm tay phải
Chẳng có vinh dự nào hơn.”

Ngẫm chuyện tay trái, tay phải
Hiểu thêm đạo lý làm người:
“Người tốt được làm người tốt”
Là niềm hạnh phúc trên đời!

Thiên tính nữ và cá tính sáng tạo trong thơ Nôm của Hồ Xuân Hương - nhìn từ nghệ thuật dùng điển

PHẠM TUẤN VŨ

Không chỉ là thiên tài tiếng Việt, nữ sĩ Hồ Xuân Hương còn là bậc thầy trong nghệ thuật dùng điển. Điển cổ chính là một trong những phương diện thể hiện rõ nhất tài năng thơ ca của “Bà chúa thơ Nôm”. Qua nghệ thuật dùng điển của nữ sĩ, có thể thấy rõ những đặc trưng trong phong cách, phẩm tính thơ Nôm của bà: thiên tính nữ và cá tính sáng tạo.

1. Thiên tính nữ qua nghệ thuật dùng điển

Thơ Nôm Hồ Xuân Hương mang đậm thiên tính nữ. Tính nữ được xem là thuộc tính hàng đầu, chi phối toàn bộ thế giới thơ Xuân Hương, trong đó có nghệ thuật dùng điển, những thi liệu vốn được xem công thức, sáo mòn, nặng tính từ chương, bác học.

Tính nữ trong nghệ thuật sử dụng điển cổ trong thơ Hồ Xuân Hương thể hiện rõ nét qua khuynh hướng lựa chọn điển cổ của nhà thơ. Kho tàng điển cổ trong văn chương trung đại vô cùng phong phú nhưng hầu như nữ sĩ chỉ quan tâm, chọn lấy những điển phù hợp với các vấn đề tính nữ nêu ra trong thơ. Hệ thống chủ đề điển cổ trong sáng tác của Xuân Hương cho thấy rõ điều này.

Điển trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương khá đa dạng nhưng thống nhất, tập trung chủ yếu vào các chủ đề gắn liền với người phụ nữ. Đây là một hiện tượng độc đáo, cá biệt trong nghệ thuật dùng điển của văn học trung đại. Dưới đây là những chủ đề tiêu biểu:

Chủ đề thân thể, sắc đẹp người phụ nữ có các điển: *Bồng đảo, Đào nguyên* (Thiếu nữ ngủ ngày); *con chuột nhắt, cái ong bầu* [1]: “Rúc rích thầy cha con chuột nhắt/Vo ve mặc mẹ cái ong bầu” (Vô âm nữ); *khuyñh quốc khuyñh thành*: “Lấy ai khuyñh quốc lại khuyñh thành” (Thị Diệu thi).

Chủ đề thân phận người phụ nữ có các điển: *chiếc bách*: “Chiếc bách buồn về phận nổi nênh” (Chiếc bách); *mưa gieo xuống giếng* [2]: “Mưa gieo xuống giếng uổng lòng ôi phận gái”.

Chủ đề tình yêu đôi lứa có các điển: *vàng đá, cầm sắt*: “Trăm năm vàng đá quyết cho đành, Cầm sắt phen này quyết tấp tênh” (Đàn gảy); *Tần Tấn, Ngô Lào*: “Tần Tấn đã đành duyên gặp gỡ/Ngô Lào chỉ quản chuyện xa xôi” (Tình có theo ai).

Chủ đề mai mối, nhân duyên vợ chồng có các điển: *lão nguyệt*: “Lão nguyệt lẽ nào trêu quả mĩ” (Chi chi chuyện ấy); *nguyệt ông*: “Ghét bỏ chi nhau hỡi nguyệt ông” (Thương ôi phận gái); *ông nguyệt*: “Ông nguyệt nỡ nào trêu quả mĩ” (Thương thay phận gái); *trăng già*: “Trăng già có nhẽ trêu nhau mĩ” (Đàn gảy); *thả lá trôi dòng ngự*: “Tuy không thả lá trôi dòng ngự” (Duyên kỳ ngộ), *thơ lá, tin băng* [3]: “Muốn trôi thơ lá mà than thở/ Phải mượn tin băng để dập diu” (Giọng thuyền thương nguyệt); *lá thơ*: “Duềnh Ngự lênh đênh một lá thơ” (Ký Sơn Nam Thượng trấn Hiệp trấn Trần Hữu 2); *chỉ đào, lá thắm* [4]: “Muốn chấp chỉ đào thêu trướng gấm/ Mà đem lá thắm thả sông Tô” (Ngự ý Tôn Phong 1); *tơ nguyệt*: “Tơ nguyệt rày xe ba mối lại” (Tặng Tôn Phong tử).

Chủ đề hôn nhân, cảnh chồng chung, không chồng có các điển: *vợ chồng Ngâu*: “Cầu ô muôn thước vợ chồng Ngâu” (Hữu cảm); *thăm ván* [5], *ôm đàn* [6]: “Ấy ai thăm ván cam lòng vậy/ Ngán nổi ôm đàn những tấp tênh” (Chiếc bách), *phiếu mai* [7]: “Phiếu mai chi dám đường trăng gió” (Đề tranh tố nữ), *Tề, Sở* (Tức cảnh Tề, Sở, phân tích ở mục sau).

Chủ đề hạnh phúc bản năng có các điển: *nương dâu* [8]: “Trăm năm càng khỏi tiếng nương dâu” (Vô âm nữ); *mây mưa* [9]: “Anh hùng đua chí hội mây mưa” (Vịnh đánh cò); *giấc Vu* [10]: “Giấc Vu man mác năm canh nguyệt” (Ký Sơn Nam Thượng trấn Hiệp trấn Trần Hữu 2).

Ngoài ra, trong thơ Xuân Hương còn có nhiều điển có nhân vật chính là nữ hoặc tích truyện gắn liền với người phụ nữ như: *hồn mai* [11]: “Hồn mai phảng phất tiếng sênh bay” (Hội nguyệt đề mê); *chị Hằng*: “Chị Hằng khéo nhẽ éo le thôi” (Thương thay phận gái); *Hằng Nga*: “Đã có Hằng Nga ghé mắt dòm” (Hội trăng 2); *Tây Thi*: “Tây Thi giống trước hây còn ương” (Vịnh hoa cúc); *duềnh Tương* [12] (Hữu cảm)...

Có thể thấy, trong văn chương trung đại Việt Nam, hiếm có tác giả nào dẫn điển liên quan đến những vấn đề tính nữ một cách chủ động, tập trung và có hệ thống như Hồ Xuân Hương. Các điển này được sử dụng một cách linh hoạt, hiệu quả, đã mang lại nhiều giá trị độc đáo, góp phần quan trọng trong việc kiến tạo các diễn ngôn về nữ quyền. Trong văn học trung đại nước ta, Hồ Xuân Hương

“xứng đáng hơn ai hết là nhà thơ của phụ nữ”. Thơ bà “trước hết là tiếng nói tâm tình của người phụ nữ” [13], là điển hình của thiên tính nữ trong văn chương trung đại. “Thơ ca của Hồ Xuân Hương thể hiện một ý thức nữ tính đặc biệt mãnh liệt và mang một sắc thái cá nhân” [14]. Một trong những sắc thái cá nhân trong ý thức nữ tính mãnh liệt của Xuân Hương thể hiện qua nghệ thuật dùng điển như ta đã thấy.

2. Cá tính sáng tạo qua nghệ thuật dùng điển

Hồ Xuân Hương là nhà thơ cá tính bậc nhất trong văn học trung đại Việt Nam. Trong thơ Nôm của bà, người ta dễ dàng nhận ra “một Xuân Hương trái tính trái nết, mạnh mẽ, ngang bướng, đanh đá, chua ngoa, hay gây gổ” [15]. Cá tính sáng tạo mạnh mẽ, riêng biệt, không pha lẫn là một trong những phẩm tính của thơ Nôm Xuân Hương.

Với cá tính đặc biệt của mình, Xuân Hương tất nhiên không trùng lặp với ai trên nhiều phương diện nghệ thuật, trong đó có việc dùng điển. Không bằng lòng với những giá trị vốn quen thuộc, công thức, cố định, đôi khi sáo mòn của điển, nhà thơ của chúng ta luôn tìm cách thay đổi diện mạo, mở rộng phạm vi hành chức, gia tăng giá trị biểu đạt của điển cổ bằng nhiều phương thức. Trong đó, lạ hóa ngữ nghĩa và lạ hóa sắc thái biểu cảm của điển là hai phương thức thể hiện rõ cá tính Xuân Hương trong nghệ thuật sử dụng điển cổ.

Trước hết, nhà thơ lạ hóa điển bằng cách tạo nghĩa mới cho điển. Hồ Xuân Hương có “biệt tài tạo nghĩa”, thơ Nôm của bà “rất đặc biệt ở lĩnh vực tạo nghĩa” [16]. Mỗi điển cổ thường mang một ý nghĩa khái quát được dùng cố định. Tuy nhiên, vào thơ Hồ Xuân Hương, qua tài năng tạo nghĩa của nhà thơ, chúng phái sinh những nét nghĩa mới lạ, bất ngờ. Tiêu biểu cho điều này là hai điển *Bồng đảo*, *Đào nguyên* trong bài “Thiếu nữ ngủ ngày”:

*“Đôi gò Bồng đảo sương còn ngậm,
Một lạch Đào nguyên suối chứa thông”.*

Đây là hai điển hết sức quen thuộc trong văn chương trung đại, được dùng để chỉ cảnh đẹp như chốn thần tiên. Tuy nhiên, Xuân Hương với cái nhìn đầy thiên tính nữ cùng cá tính độc đáo lại dùng với nghĩa khác lạ, chưa từng có: chỉ trực tiếp cơ quan sinh dục nữ. Dùng điển cổ, thi liệu là hình ảnh thiên nhiên để miêu tả cơ thể con người một cách ước lệ là thủ pháp quen thuộc có tính chất đặc trưng của văn học trung đại. Nhưng dùng để chỉ trực tiếp cơ quan sinh dục một cách bất ngờ, hợp lí và gợi cảm, thi vị như Xuân Hương là hiện tượng cá biệt, “xưa nay hiếm”. Cách dùng điển mang “thương hiệu” Hồ Xuân Hương này khiến hậu thế phải ngỡ ngàng, ngưỡng mộ và thích thú. Lối nói “đôi gò Bồng đảo” để ám chỉ đôi vú của người phụ nữ rất phổ biến trong ngôn ngữ báo chí, ngôn ngữ mạng hiện nay là minh chứng cho sức sống, sức lan tỏa của ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương nói chung, điển cổ qua tài năng dùng điển của nữ sĩ nói riêng. Đây cũng là một di sản Hồ Xuân Hương để lại trong tiếng Việt hiện đại.

Ý thức lạ hóa nội dung điển của Hồ Xuân Hương mang đậm thiên tính nữ. Bên cạnh “Thiếu nữ ngủ ngày”, “Tức cảnh Tề, Sở” là bài thơ tiêu biểu cho đặc tính này:

*“Đằng quốc tôi nay vốn nhỏ nhen.
Hai bên Tề, Sở ép hai bên.
Ngoảnh mặt sang Tề e Sở giận,
Quay đầu về Sở sợ Tề ghen”.*

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, Đằng là nước nhỏ nằm giữa hai nước lớn Sở, Tề luôn trong thế giằng co, tranh đoạt. Điển *Sở, Tề* thường được dùng trong văn chương để chỉ cảnh xung hùng tranh bá. Nhưng với Xuân Hương, nữ sĩ lại dùng chúng với ngữ nghĩa rất nữ tính: Chỉ cảnh chồng chung. Đặc biệt, cá tính mạnh mẽ mang tính phản kháng của Xuân Hương còn thể hiện qua cách “phân phối” ngữ nghĩa của điển: Dùng hai nước lớn (Tề, Sở) để chỉ hai người vợ; trong khi đó, người chồng chỉ được ví với nước Đằng nhỏ bé, lại luôn ở trong trạng thái e ngại, lo sợ bị Sở, Tề giận, ghen. Có thể nói, cách dùng điển độc đáo, đầy cá tính này gần như chỉ có ở Hồ Xuân Hương.

Cùng với lạ hóa ngữ nghĩa, điển vào tay Hồ Xuân Hương còn bị lạ hóa sắc thái biểu cảm. Thông thường, nhắc đến điển cổ, người ta thường nghĩ ngay đến lớp từ ngữ mang sắc thái nghiêm túc, đĩnh đạc, trang nhã; chủ yếu được dùng trong dòng thơ văn tỏ lòng, chớ đạo, vịnh sử, miêu tả thiên nhiên... Tuy nhiên, với Xuân Hương, điển cổ “đa năng”, “lợi hại” hơn nhiều. Nhà thơ thường dùng điển vào mục đích trào lộng, phê phán. Tiêu biểu như các điển cổ Phật giáo vốn trang nghiêm được lạ hóa bằng sắc thái mỉa mai, đặt cạnh lời nói lái, nước đôi thanh tục được dùng cho mục đích châm biếm tăng lớp tu hành biến chất:

*Gậy thần Địa Tạng khi chèo chống,
Tràng hạt Di Đà đếm lại đeo.*

(Vịnh ni sư)

*Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc,
Trái gió cho nên phải lộn lèo.*

(Kiếp tu hành)

Hồ Xuân Hương là người “sáng tạo những cấu trúc ngôn ngữ thơ đầy tài năng, đến nay, chưa dễ ai hiểu hết” [17]. Điển cổ lạ hóa là một trong những “cấu trúc ngôn ngữ thơ đầy tài năng” ấy. Sự linh hoạt, mới lạ cùng ý thức đổi mới trong nghệ thuật dùng điển là một trong những phương diện thể hiện rõ nhất cá tính Hồ Xuân Hương. Xuân Hương dùng điển rất Xuân Hương. Điển cổ vào tay Xuân Hương cũng cá tính, khác biệt như chính thơ Nôm của bà.



Có thể khẳng định, Hồ Xuân Hương còn góp vào nền văn học dân tộc và thế giới một phong cách hết sức độc đáo. Ý thức nữ tính, cá tính sáng tạo trên nền tảng

trình thần dân tộc là những phẩm tính làm nên phong cách thơ Nôm Hồ Xuân Hương. Nghệ thuật dùng điển của nhà thơ thể hiện rõ nét đặc điểm trên. Với điều này, Hồ Xuân Hương là một trong những tác giả dùng điển tài hoa, độc đáo bậc nhất trong văn học trung đại Việt Nam.

-
- [1] Điển nội sinh, bắt nguồn từ ca dao: *Con gái mười bảy mười ba/Đêm nằm với mẹ, chuột tha mất l...* và *Bà đồng bà cốt long tong/ Nhảy lên nhảy xuống con ong đốt l...*
 - [2] Điển nội sinh, bắt nguồn từ câu ca dao: *Thân em như hạt mưa sa...*
 - [3] Dạng chuyển dịch của “băng nhân”, tức “người trên băng”, điển dùng chỉ người mai mối.
 - [4] Dạng chuyển dịch của điển “hồng điệp xích thăng”.
 - [5] Điển nội sinh, bắt nguồn từ câu tục ngữ “thăm ván bán thuyền”, Hồ Xuân Hương dùng với nghĩa “chồng lấy thêm vợ mới”.
 - [6] Điển bắt nguồn từ câu thơ cổ “Khăng bà tì bà quá biệt thuyền” (không chịu ôm đàn tì bà qua thuyền khác), chỉ việc không chịu lấy chồng.
 - [7] Điển bắt nguồn từ bài *Phiếu hữu mai* trong *Kinh thi*, nội dung nói về cây mơ đã rụng quả nhiều nhưng vẫn còn quả trên cây, chỉ người con gái đã lớn tuổi nhưng vẫn còn kíp lấy chồng.
 - [8] Dạng chuyển dịch của “Bộc thượng tang gian” (trong ruộng dâu trên sông Bộc), Nguyễn Du chuyển dịch là “[*Ra tuồng*] trên Bộc trong dâu”. Điển dùng chỉ quan hệ nam nữ bất chính.
 - [9] Dạng chuyển dịch của “vân vũ”, gắn với tích Sở Tương Vương ngủ dưới chân núi Vu Sơn, nằm mộng gặp một người con gái tuyệt sắc đến cùng ân ái thỏa thích. Khi vua hỏi thì trả lời: “Thiếp là thần núi Vu Sơn, sáng làm mây, chiều làm mưa”. Điển “mây mưa” hay “giấc Vu Sơn” được dùng để chỉ chuyện giao hoan nam nữ.
 - [10] Xem chú thích 9.
 - [11] Chỉ giấc mộng đẹp. Tích có người được người con gái đẹp, đãi rượu đến say, sáng hôm sau tỉnh dậy thấy mình nằm dưới gốc mai.
 - [12] Sông Tương, nơi hai bà phi Nga Hoàng và Nữ Anh khóc khi chồng là vua Thuấn qua đời.
 - [13] Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.275.
 - [14] Phạm Văn Hóa, “Ý thức nữ tính trong thơ Hồ Xuân Hương”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 01, 2022, tr.76.
 - [15] Lê Thu Yến, *Sức hấp dẫn của thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008, tr.129.
 - [16] Lê Thu Yến, *Sức hấp dẫn của thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Sđđ, tr.112.
 - [17] Đỗ Đức Hiếu, “Thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương”, *Tạp chí Văn học*, số 5, 1990.

Ẩn số ngôn từ trong tập thơ “Tìm trầm”

LÊ ĐÌNH HÒA

Nhà thơ Vân Anh tên đầy đủ Nguyễn Thị Vân Anh, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. “Tìm trầm” là tập thơ thứ 12 của chị. Dù chỉ 27 bài thơ nhưng là 27 bài thơ đặc sắc, giàu giá trị nghệ thuật, 27 thông điệp về lẽ sống trên đời đang được nhiều bạn đọc quan tâm.

Mở đầu ta bắt gặp lời đề từ:

“Bóc dần vỏ bọc thời gian

Giữa đời ngậm ngải tìm trầm... Nghĩa Nhân”

Đó là tiêu chí, là hướng đích của “Tìm trầm”. Một “phu trầm” văn chương như chị thật đáng trân quý. Đi tìm ẩn số ngôn từ trong thơ chị là tìm cái hay, cái đẹp, là tìm hương thơm, tìm giá trị đích thực trong vận dụng ngôn từ của tác giả. Có điều ngôn từ bao giờ cũng phải nằm trong văn cảnh tức trong cấu trúc thi phẩm. Bàn về cấu trúc thơ, nhà ngôn ngữ học hàng đầu Việt Nam, cố PGS Phan Ngọc đã nêu rõ: “Thơ là một cách tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản”. “Tìm trầm” đã minh chứng cho điều đó. Đọc thơ chị, ta cảm nhận sự đột phá mới vốn dĩ tác giả đã trút bỏ lối mòn trong văn chương. Đọc 27 bài thơ đều mang dấu ấn cho thơ cách tân - thơ đương đại. Tâm thế của nhà thơ mang tâm thức dòng chảy suy tư về mọi vấn đề của cuộc sống. Chị đã khoác lên mình những chất liệu tân hình thức để sẵn sàng cho những ngôn từ ẩn ý khi nhẹ nhàng, khi tung hứng khác

người, bắt nhịp thị hiếu của công chúng đam mê văn chương thời hiện đại. Bản chất thơ là sáng tạo tìm cái Đẹp dâng Đời, nhất là khi cuộc sống thời hiện đại thì văn chương cũng phải cập nhật phong cách hiện đại. Âu cũng là quy luật muôn đời cho mọi lĩnh vực không chỉ riêng nghệ thuật. Đọc “Tìm trầm”, mỗi bài đều là những câu hỏi đang đánh thức trí não người đọc. Đó là những tín hiệu nghệ thuật, những ẩn số ngôn từ. Đọc “Tìm trầm” không dễ cho độc giả. Thơ phải có sự “thách đố” và khi giải mã được ngôn từ thơ bỗng cảm hứng của ta thăng hoa đồng sáng tạo cùng tác giả. Đó mới là Thơ và Thơ hay! Đó là một đòi hỏi dành cho người sáng tác từ người thưởng thức nghệ thuật của mọi thời đại.

Có người nói thơ chị là thơ “bác học”. Có lẽ nên nói thơ chị là thơ trí tuệ. Bởi lẽ thơ hay là thơ kết hợp hài hòa, sáng tạo, sắc bén, sâu xa giữa ngôn ngữ và tâm hồn, trí tuệ của Người Thơ.

“Tìm trầm” đã có những thành công về tính hình tượng và tính tổ chức cao (tính nghệ thuật). Thơ chị đa thanh - đa hình - đa dạng... trong hầu hết “Tìm trầm”.

Trong tập thơ có nhiều bài nổi trội. Ta hãy đọc kỹ bài “Xứ Nghệ”. Một công trình được tạo dựng bằng chất liệu tâm khảm thao thiết tự hào của người con xứ Nghệ và sự triết luận thông tuệ kết thành mật ngôn thách thức độc giả khám phá. “Xứ Nghệ” như một nốt luyến láy được tác giả đưa vào đầu 5 khổ thơ để tác giả khai thác triệt để thủ pháp “lạ hóa” nhằm ủ men cảm hứng cho mọi đối tượng. “Lạ hóa” tạo sự tò mò, suy ngẫm cho thơ. Thơ chị không theo một thể loại nào. Có những bài không vần lại giàu âm thanh, nhạc điệu. “Lạ hóa” từ cách chấm câu, ngắt nhịp. Nhiều câu thơ được đảo ngữ nghe lạ mà hay: “Dòng đời trong đục thất ngang lở bồi”, “Miên viễn mùa xanh Nhân Kiệt”, “Sưởi ấm giấc mơ người đàn ông lực điền”, “Hình hài cong dấu hỏi”... Có khi chỉ một sự ví von dân dã: “Sông Lam dài lụa xanh” đủ giúp người đọc cảm nhận nước sông Lam trong xanh bốn mùa. Có khi còn lấy sự vật thiên nhiên để bỏ ngỏ niềm hào sảng về xứ Nghệ. “Sao thái âm” là âm tính mát lạnh để chỉ sông Lam. “Sao thái dương” là dương tính đầy sinh khí chỉ núi Hồng Lĩnh. Hai sự vật tượng trưng để nói về vùng đất “địa linh nhân kiệt”. Ta bắt gặp luôn hai tín hiệu nghệ thuật đối nhau tạo nên sự nhịp nhàng, cân đối, tăng giá trị biểu cảm cho thơ. Điệp từ, điệp ngữ, nội quá là cách bày tỏ nội tâm và sự chịu thương, chịu khó, một thân “nuôi già, dạy trẻ, tần tảo đảm đang của người phụ nữ xứ Nghệ khi đất nước có chiến tranh, tự “chiến đấu” với cảnh cô đơn khi đôi lứa xa cách giữa thì xuân xanh: “đổ lúa ra xay, đổ trấu ra xay, xay cạn đêm”... Bài thơ có dụng ý tôn vinh hai nhà thơ lớn của xứ Nghệ, của Việt Nam: Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, hai nhà cách mạng từng đi tìm đường cứu nước: Phan Bội Châu và Hồ Chí Minh. Người đọc còn biết đến một xứ Nghệ từng là cái nôi thời kỳ nguyên sơ đồ đá: “Di chỉ cất bảo tàng/ Chiếc muôi múc canh bằng đá/ Vá nhọc nhằn tần tiện của tiền nhân”. Phần cuối bài “Xứ Nghệ”, tác giả đã khéo dồn các từ ngữ vào những dòng thơ gần với thể văn biền ngẫu khi đọc lên ta nghe như những dòng thơ đối nhau. Câu kết khá nội tâm là người con ruột thịt xứ Nghệ “Nếu có kiếp sau/ Ta lại về xứ Nghệ đầu thai”.

“Đàn bà và chiến tranh”, thi phẩm xoay quanh hình tượng “sợi thanh xuân”, biểu trưng cho nhan sắc, sức sống mãnh liệt của tuổi xuân mà phải hy sinh cuộc sống mái ấm lứa đôi để cho chồng vì nước vì dân ra trận. Tác giả sử dụng điệp từ “sợi” kèm theo sau những tính ngữ: khát khao, nhớ, chờ, buồn đã chạm khắc chân dung nội tâm người đàn bà thời chiến ở hậu phương. Thơ mang hơi ấm dân ca ví giặm càng tăng giá trị biểu cảm. Sự chịu đựng hy sinh của những người vợ càng đẹp hơn khi họ nuôi niềm tin chiến thắng ở chiến trường xa. Giọt nước mắt không chảy xuôi mà “lặn vào trong lòng lạnh”. Nhớ, buồn mà không bi ai, sầu não! Trong “Giọt đau” nhiều câu không có chủ ngữ nhằm gây sự tò mò. Hai từ “Giọt đau” vừa là tựa đề vừa là hình tượng nghệ thuật xuyên suốt tác phẩm, làm trung tâm cho ý tưởng bài thơ khi được dùng làm từ điệp. Tác giả lại dùng từ “giọt đau” vì đó là giọt đau thương chảy từ trái tim người thân của các liệt sĩ. Giọt đau “nức nở” khi mọi người đứng trước những nấm mồ hy sinh vì nghĩa lớn. Không chỉ chảy trên trần gian mà còn “chảy dưới những nấm mồ gió, đáy sông, đáy biển, đáy hồ...”. Còn gì mất mát đau thương hơn nữa! Và những từ điệp tạo nên những hiệu ứng nghệ thuật xúc động tâm can độc giả, mà trước hết được vắt ra từ nội tâm nhà thơ “Giọt đau đọng đầy/ Chảy vệt bình minh/ Chảy mòn hoàng hôn”. Những từ chỉ thời gian nối tiếp gia tăng dòng chảy liên tục của nội tâm lấy ra hình thức biểu đạt. Những bài thơ giàu hình tượng như “Thơ tình mùa thu viết trước đền Chín Gian” chắc hẳn những người con dân tộc Thái quá ngưỡng mộ, quá tự hào với huyền thoại Tổ phụ Tào Lò Y và người con gái của Trời - nàng Xi Đả. Những câu thơ tình ta nghe rủ rủ, thoảng mơ hồ mà hút hồn khi đứng trước ngôi đền Chín Gian huyền thoại ở huyện Quế Phong - tiêu biểu cho mảnh đất nhiều danh lam thắng cảnh và con người cần cù, nhân hậu miền núi Tây Nghệ An.

Ở một không gian mênh mông biển cả ta lắng nghe nhà thơ đang “Độc thoại trước biển”. Một bài thơ độc thoại nội tâm của tác giả rất độc đáo. Thơ mang dòng ý thức tựa văn xuôi. Nhà thơ có tầm nhìn xa và sự liên tưởng logic khi nhìn biển không quên từ nguồn... Thủ pháp nhân hóa, tượng trưng đã biến những sự vật vô tri thành tâm tư con người. Những ngôn từ đầy “thi tính” kết hợp điệp từ được tác giả vun vén tạo nên những tín hiệu nghệ thuật đắt giá. Nếu như phần đầu tác giả với giọng điệu ngôn từ rủ rủ, nhẹ nhàng thì ngược lại ở phần sau là giọng điệu gấp gáp, hứng khởi. Từ điệp “có” và “cho” theo sau là những từ gợi tả tạo sự dồn dập, nín thở cho những dòng nước từ nguồn đổ về xuôi. Không phải tự nhiên mà có biển. Mà từ “Thác dữ dội, cuồn say”, “Suối dịu dàng, lãng mạn”, “Sông nhấn nạy, từ tâm” mới có biển “Nhân hậu, bao dung nuôi lớn con người”. Mỗi sự vật là mỗi chủ thể được gán cho những cử chỉ, động thái, đức tính sát thực, tác động vào thị giác, thính giác để từ trực cảm đến tâm cảm nhằm cuốn hút người đọc. Một bài thơ “có hậu” nhất là ở câu kết tác giả đã dùng từ “thanh lọc” trước cảnh tượng mênh mông nước là khá tinh tế. Lọc “nước đục” để có “nước trong”, từ đó rút ra triết lý sống: cuộc sống như là biển lớn - mỗi cuộc đời phải biết tự thanh lọc mình, biết “gạn đục khơi trong” dành cho mình sự “trầm lắng” như những viên ngọc trai của tâm hồn, trí tuệ và nhân cách cao đẹp dâng đời.

Chắc hẳn ta sẽ tâm đắc với “Trái tim thức giấc”, bài thơ mang theo mình bóng dáng vừa hiện thực vừa siêu thực cùng những vấn đề mà chị trần trở. Đọc “Trái tim thức giấc”, ba tín hiệu điệp ngữ “Ta ngủ yên rồi.../ Ta ngủ yên...”. Một kết cấu hai vế khá hay: “Ta” đứng đầu ba khổ thơ “Ta ngủ yên rồi - Ta ngủ yên - Ta ngủ say. Và cặp thơ sau “Người” đứng đầu câu với lời hỏi “Sao” là cách đặt câu hỏi tu từ có giá trị khẳng định. Ta-người ví như một cặp lúa đôi trĩu tình để chờ tải sự đánh thức tiềm lực sáng tạo hoặc ngủ yên - hoặc bị trói buộc - hoặc tự an bài. Ta lại gặp một kết cấu hình tượng lạ, sáng tạo. Nỗi trần trở có khi dằn vặt, bức xúc về một xã hội đang lên thì những ngang trái đáng báo động trong bài “Bóng âm”. Bóng âm là nhân vật chỉ những “đứa con lỗi gen tư duy”, “đi trước cản đường”. Nguy hiểm hơn nó trở thành vật cản bánh xe lịch sử đi lên phía trước. Bởi sự tàn bạo “vung gươm sát phạt” những thành quả của cuộc sống dân lành, khi “cái mới đang dâng hương sắc”, “đang dâng quả ngọt lành”... Và tác giả đã lên án đó là “khối u ác tính” âm thầm hủy hoại những “Trí tuệ - tâm hồn - nhân cách” của con người. Và nhà thơ đã đặt ra một câu hỏi lớn trước mọi thời đại về sự nường tay cái xấu, cái ác: “Sao nhân loại chần chừ? (!). Bài thơ “Trần trở” như bỏ ngõ bao điều mà mọi người cùng trần trở... Tác phẩm có tính triết luận sâu sắc nên có khả năng khái quát cao về một thực trạng xã hội đáng báo động đỏ. Với “Trần trở”, tác giả đã dùng một loạt hình ảnh ẩn dụ có giá trị biểu trưng: “Đó là thói kiêu ngạo, tự phụ qua so sánh “những ngọn núi lè tè tự phong là chót vót”, “những ao hồ tù đọng tự bão hòa”. Đó là sự giáo điều, rập khuôn trong tư duy “như những đường ray” đã “hoen rỉ tư duy định vị”, đó là những “vòng kim cô giáo điều tự ẩn lên đầu làm khuôn mẫu”. Đó là những rô bốt người lắp ráp đồng loạt thiếu bản ngã trí tuệ, bản ngã tâm hồn và bản ngã nhân cách “Những phẩm cách dần hàng ngang đồng phục/ Những dấu vân tay bản ngã nhạt nhòa”. Và đỉnh điểm của nỗi trần trở biểu đạt trong 2 hình ảnh ẩn dụ đối lập để tác giả gửi thông điệp khẩn cấp cho bạn đọc: Sự sáo mòn sẽ “khai tử” mọi sự sáng tạo từ trong bào thai: “Gió sáng tạo mang hùng khí lạ/ Sợ thổi lạc loài giữa sa mạc sáo mòn”.

Cùng bộc lộ nội tâm trần trở ấy nhưng ở những khía cạnh khác. Đó chính là trần trở trong bản thể của mình khi độc thoại về nghiệp thi ca. Nhà thơ coi thi ca là nhu cầu tự thân để ký thác cách cảm, cách nghĩ, cách kiến giải những gì mình đã nếm trải, chiêm nghiệm. Làm thơ là bởi “Trong cuộc đời bao điều không thể nói/ Đành ngồi cầm bút viết ra lời”. Nhưng trước khi là nhà thơ, chị là một nhà giáo, một trí thức chị không ảo tưởng về mình. “Chẳng dại dột nhận mình là thi sĩ của ngày mai” vì tác giả hiểu rõ “bởi xác tín điều này là... độc giả Tương Lai”. Tự nhận thức về bản thân là hành trình cam go của nhân loại. Sự sáng tạo nói chung và sự sáng tạo trong thi ca nói riêng thường là tỷ lệ nghịch với tuổi tác. Và đây là một sự thăng thấn đối diện và cũng là một sự khích lệ mình của nhà thơ: “Khi tuổi đời mùa thu mấp mé/ Sự Sáng Tạo là đứa con khó đẻ”.

Đi “Tìm trầm” - tìm Nghĩa Nhân trên đời với chị sao có thể quên công lao dưỡng dục của đấng sinh thành. Một bài thơ thật xúc động khi nói về cái nôi Phũng và công lao cha mẹ đã nuôi dưỡng mình từ thuở nằm nôi. “Mùa tuổi” đã nói thay cho

chị. Mở đầu là Phúổng - một địa danh quen thuộc và nổi tiếng bên bờ sông Lam. Thật thú vị khi tác giả mở đầu một câu thơ lạ: "Sông Lam chạy từ thượng nguồn mới chân dừng nghỉ". Ồ, sao không tả con sông "chảy" mà lại là "chạy"? "Chạy" mới hợp với "mỏi chân" và có "dừng nghỉ" mới "ngồi" từ đó ta hiểu mới có lảng động phù sa, từ đó mới hình thành bãi bồi lâu thành làng tên Phúổng - nơi nữ sĩ "giấu núp ruột thơm hương cây trái" vào lòng đất mẹ. Những từ "đất": "Chạy", "mỏi", "dừng", "ngồi" tạo nên một hệ thống hình ảnh "nhân hóa" tạo ra trường ngữ nghĩa tái thông điệp tình yêu gia đình, làng quê, cội nguồn của tình yêu tổ quốc... Làng Phúổng đi vào bản đồ văn chương và nơi đó, nữ sĩ Văn Anh chào đời: "Chuông hồi gọi bầy gà/ Mẹ chọn rộn cơn đau/ Vỡ òa...Ta". Từ bản đồ văn chương để hậu thế biết có địa danh thơ mộng hữu ngạn sông Lam, ghi ân nghĩa với một làng quê cổ kính, với công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ cha: "Sữa mẹ thơm mùi phù sa", "Thơm vị nhút, tương, cà/ Thơm trí tuệ câu dân ca ví dặm".

Câu thơ cuối "Mùa tuổi" cứ đọc lại cảm động khi nghĩ về cha mẹ nay khuất bóng nổi tâm mình bỗng là "Từ ngày cha mẹ về trời/ Ta ngồi dệt áo mớ côi... bốn mùa".

"Tìm trầm" - tập thơ hướng thiện, có giá trị nhân văn cao cả và sâu sắc. Đi tìm và ca ngợi tình người ở nhiều góc độ từ gia đình đến xã hội, đồng thời lên án những kẻ vô cảm không chút tình người đang chà đạp lên cuộc sống. Là khát vọng một cuộc sống bình yên đánh thức mọi tiềm năng dâng đời theo thời gian. Là nỗi trăn trở về những điều lóng lánh, trái khoáy trong kỷ cương phép nước trên nhiều bình diện. Tất cả cho con người, cho mọi thời đại. Đọc "Tìm trầm" là đọc triết lý cuộc sống thông qua văn chương. Là những thông điệp về lẽ sống và tình người bình dị mà cao đẹp.

"Tìm trầm" đã thành công lớn trong thi pháp ngôn từ. Tác giả đã mạnh dạn, táo bạo kiếm tìm trong kho từ vựng đồ sộ để thu vén, chất lọc, sáng tạo nên kho ngôn từ của "Tìm trầm" cho riêng tác giả với sự đa dạng - đa thanh - đa chiều mang dấu ấn riêng. Đặc biệt mọi chất liệu nghệ thuật được ẩn dụ - tượng trưng - lối điệp - so sánh và đặc cách cho thủ pháp "lạ hóa" nhằm nâng tầm tính hình tượng - một đặc trưng cơ bản của thơ nhằm đánh thức trí não người đọc. "Tìm trầm" không lệ thuộc vào thể loại mà viết theo dòng cảm xúc. Thơ "Tìm trầm" không từ trực giác mà từ tâm thức. Thơ dòng ý thức - lối thơ mang dấu ấn thơ trình diện. Chất liệu tân hình thức và chất liệu nhay vọt tạo cho tứ thơ lạ - bí ẩn. Thơ "Tìm trầm" hòa dòng chảy thơ đương đại mà đối tượng thưởng thức nghệ thuật ngày nay đang đòi hỏi. "Tìm trầm" đã phần nào đáp ứng kịp thời và bức thiết cho độc giả đương đại!

Vẻ đẹp trong nghệ thuật

ĐĂNG TIÊU

Vẻ đẹp trong nghệ thuật

Gần đây, trên trang Facebook cá nhân, một nhiếp ảnh gia - người từng được biết đến như một nghệ sĩ dành nhiều quan tâm, công sức và đạt được những thành công nhất định trong việc chụp ảnh nude - đã phát biểu rằng chỉ những phụ nữ trẻ trung ở độ tuổi xuân thì mới tạo cảm hứng sáng tạo cho anh, và chỉ họ mới có thể mang lại vẻ đẹp cho nhiếp ảnh, nhất là ở đề tài tôn vinh những đường cong và sự gợi cảm của phái đẹp như ảnh khỏa thân. Trong phần bình luận, nhiều người hưởng ứng quan điểm của nghệ sĩ này, nhưng cũng nhiều người mà trong đó phần lớn là các nghệ sĩ đã phản đối quan điểm này. Từ đó xuất hiện những tranh luận khá gay gắt liên quan đến việc phản ánh hiện thực trong tác phẩm nghệ thuật và đề tài phụ nữ, vẻ đẹp của phụ nữ trong nghệ thuật.

Về hiện thực trong tác phẩm nghệ thuật, rõ ràng nghệ thuật có biên độ phản ánh hiện thực rất rộng lớn, đó có thể là những bông hoa diên vĩ, đôi giày cũ nát trong tranh Van Gogh, có thể là ánh trăng êm đềm lộng lẫy trong bản sonata của Beethoven, có thể là những gương mặt lập thể nhiều suy tư trong tranh Picasso, có thể là thiếu nữ đoan trang e ấp bên hoa huệ trong tranh Tô Ngọc Vân, hay cuộc chiến tranh của nước Nga vào đầu thế kỉ XIX trong tiểu thuyết nổi tiếng của Lev Tolstoy, những cảm xúc mơ hồ trừu tượng trong tranh của Kandinsky, Jackson Pollock... Như vậy, hiện thực trong tác phẩm nghệ thuật không hề bị giới hạn. Thứ duy nhất giới hạn nó, nếu có thể gọi như thế, chỉ là tính thẩm mỹ khi nó

được bộc lộ trong tác phẩm. Nghĩa là, cái đẹp chính là cứu cánh của nghệ thuật mà nghệ sĩ phải khám phá ra dù với bất cứ đề tài nào. Cái đẹp của nghệ thuật khác với cái đẹp của cuộc sống. Mỗi tác phẩm nghệ thuật thị giác cần đến tiếng nói riêng của tạo hình, màu sắc, đường nét, ánh sáng... để có được ngôn ngữ của nó. Chẳng hạn, một bông hoa thì luôn luôn đẹp, nhưng một bức tranh vẽ bông hoa thì chưa chắc đã đẹp ngay cả khi mô tả nó giống thật đến mấy. Ngắm một bức tranh, người ta không thể lấy tiêu chí đối tượng trong tranh đó đẹp hay xấu để thẩm định giá trị tác phẩm, bởi vì tính thẩm mỹ của một bức tranh phụ thuộc vào các yếu tố khác: bố cục, cách phối màu, độ bí ẩn, sự sáng tạo, sự mới mẻ...

Nhiếp ảnh cũng vậy, cũng có ngôn ngữ riêng. Đó là ngôn ngữ của ánh sáng, của bố cục và tính tư tưởng. Bộ sưu tập chân dung đen trắng về những người vô gia cư của Lee Jeffries, những bức ảnh chụp các cụ già nhăn nheo đen đúa của Rehahn... đều là những tác phẩm nổi tiếng thế giới, ở đó nguyên mẫu đều không phải là những con người trẻ trung xinh đẹp. Như vậy, nghệ thuật cần có cái nhìn khác về cuộc sống, và người nghệ sĩ cần phát hiện ra cái nhìn khác ấy, vẽ đẹp khác ấy. Nếu một nghệ sĩ chỉ quan tâm đến những cô gái trẻ đẹp, những bông hoa xinh tươi, những hình ảnh lung linh điểm lệ thì anh ta đã tự giới hạn sáng tạo của mình trong một không gian vô cùng chật chội.

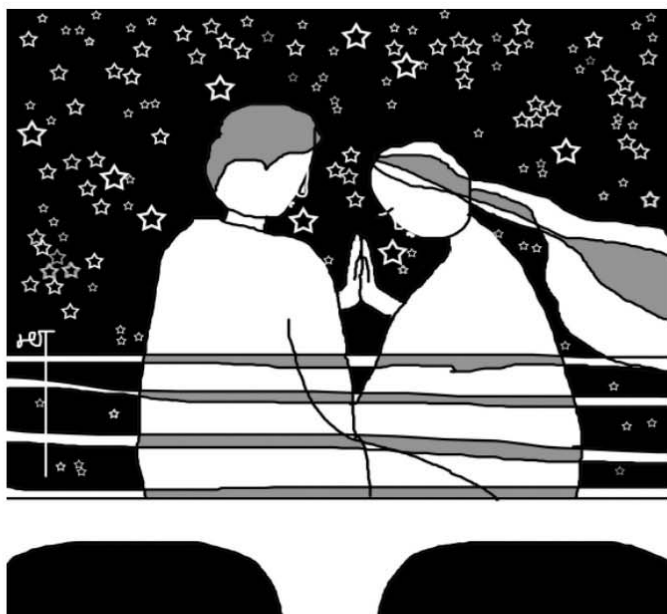
Ở Việt Nam cũng có rất nhiều nghệ sĩ đã khai thác các đề tài giản dị, gần gũi với cuộc sống, thậm chí gai góc và kén chọn người thưởng lãm, nhưng đã đạt được thành công, như họa sĩ Lê Kinh Tài với những bức vẽ về “nhân vật tò he” thoát nhìn có vẻ gớm ghiếc dị hợm, họa sĩ Đinh Ý Nhi với những tác phẩm vẽ các hình thể phụ nữ vắn vẹo, nhem nhuốc, xộc xệch...

Về đề tài phụ nữ, một đề tài quen thuộc, nguồn cảm hứng bất tận trong sáng tạo nghệ thuật, quan điểm của nhiếp ảnh gia trên cũng tỏ ra rất phiến diện và thậm chí lệch lạc. Phụ nữ tuổi nào cũng có nét đẹp riêng. Tất nhiên từ góc độ cá nhân, thì nghệ sỹ này hay bất cứ nghệ sỹ nào đó có quyền chọn cho mình một phương diện để thể hiện, có thể là nét quyến rũ, trẻ trung, căng tràn của tuổi xuân thì. Nhưng khi quan niệm chỉ những thiếu nữ với cơ thể nõn nà tươi trẻ ấy mới mang lại vẻ đẹp cho những bức ảnh nude nghệ thuật thì vô hình trung người nghệ sỹ đã phủ nhận khả năng mỹ hóa của nghệ thuật trong việc tái hiện cuộc sống. Trên thế giới và ở cả Việt Nam, thực tế cho thấy nhiều tác phẩm văn chương, nhiếp ảnh, hội họa, điêu khắc, điện ảnh... mô tả những người phụ nữ có vẻ ngoài không hấp dẫn nhưng vẻ đẹp của tác phẩm được nhìn nhận ở một khía cạnh khác. Chẳng hạn những bức tranh vẽ những người đàn bà béo ục ịch khỏa thân của danh họa Lucian Freud được coi là những tuyệt phẩm trong dòng tranh nude của thế giới bởi nét cợt tài hoa, ẩn tượng. Hay nữ họa sĩ Maria Lassnig với những bức chân dung mà ở đó, hình thể của người phụ nữ với tay chân chắc nịch và chiếc mũi hếch đã được biến thành một loạt các kiểu nguy trang kì quái: em bé, người máy, quái vật, quả chanh, người già khỏa thân bắn súng... Maria Lassnig đã trở thành người phụ nữ đầu tiên được phong hàm giáo sư tại Trường Nghệ thuật Ứng dụng ở Vienna bởi những sáng tạo độc đáo và nhiều cống hiến

nghệ thuật của bà. Những phụ nữ trong tranh của Đinh Ý Nhi không có tuổi. Nữ họa sĩ đã nhìn thấy vẻ đẹp của họ, từ những hình thể gầy guộc lấm lem, từ tâm hồn trĩu nặng suy tư và từ bản năng hoang sơ ám ảnh. Những nghệ sĩ như chị đã tìm thấy vẻ đẹp khác của người phụ nữ và nghệ thuật, vẻ đẹp mà chỉ những nghệ sĩ có sự sáng tạo, tài năng lẫn trí tưởng tượng tuyệt vời mới có thể khám phá và thể hiện được.

Vậy nên, hình ảnh người phụ nữ dù ở độ tuổi nào, dù hình thể có bị biến đổi để trở nên già nua khắc khổ ra sao, không phải là vấn đề của nghệ thuật. Nghệ thuật đích thực luôn tìm ra cách nhìn mới mẻ về phái đẹp, bởi cốt lõi của nó chính là sáng tạo và phẩm chất để phân biệt nó với những thứ phi nghệ thuật chính là tính thẩm mỹ.

Bên cạnh những tranh luận gay gắt về quan điểm nghệ thuật của nhiếp ảnh gia này, nhiều người còn tỏ ra khá giận dữ khi bàn về thái độ và ứng xử văn hóa của anh khi viết về phụ nữ với giọng điệu bốn cột, thiếu tôn trọng. Một vấn đề cũng được đặt ra sau vụ việc là ở Việt Nam hiện nay thiếu những công trình lý luận chuyên biệt về nghệ thuật, thiếu lực lượng phê bình, nghiên cứu trong lĩnh vực này. Bởi ở một khía cạnh nào đó, nghiên cứu có tác dụng hướng dẫn, đón đầu sáng tác, bồi dưỡng kiến thức và thẩm mỹ cho công chúng, để nghệ sĩ và người thưởng lãm có nền tảng vững chắc trong sáng tạo và nhận diện nghệ thuật.



Minh họa: HỮU TUẤN

Các loại phép thuật khác nhau

DALYANE DEBLOIS

Dalyane Deblois là một tác giả người Canada. Làm việc tại sở thú nhưng cô lại có niềm đam mê với nghệ thuật. Ngoài đam mê viết và đọc, cô còn tập luyện bộ môn múa lụa trên không. Mục tiêu cuối cùng của cô là hoàn thành một cuốn tiểu thuyết và cô dần bước tới ước mơ ấy bằng những mẫu truyện ngắn viết và đăng trên Reedsy.

“Các loại phép thuật khác nhau” là một trong số những truyện cô đã chia sẻ trên trang cá nhân của mình. Truyện được viết vào 5/2020, mang đến một thế giới kỳ ảo, đầy mơ mộng cho người đọc. Tạp chí Sông Lam xin gửi đến độc giả tác phẩm này qua phần chuyển ngữ của Tường Lâm.

Vào một buổi sáng nắng ấm, cơn gió nhẹ thổi tung mái tóc dài, mềm mại, vàng óng ả của Dalhia khi cô đang đọc sách. Cô ấy 16 tuổi và theo mọi người, cô ấy là cô gái xinh đẹp nhất. Cô luôn vui vẻ, truyền năng lượng và hạnh phúc cho những người xung quanh. Cô ấy thực sự đặc biệt, có một ma thuật đẹp để chạy qua huyết quản của cô. Bất cứ nơi nào cô ấy đi qua, cỏ

sẽ xanh hơn và hoa sẽ nở. Phép thuật của cô khiến thiên nhiên xung quanh trở nên tươi xanh và tràn đầy sức sống. Tập trung vào việc đọc, cô không biết rằng một chàng trai trẻ tuổi cô đang nhìn mình dưới bóng cây cao, khuất tầm nhìn.

Chàng trai, Cyrus, không muốn làm cô gái xinh đẹp sợ hãi, nhưng anh rất muốn được ngắm nhìn cô. Có một ma thuật đen tối di chuyển bên trong anh, cái chết sẽ theo anh đến bất cứ nơi đâu. Mái tóc đen lay động, đung đưa trước đôi mắt đen tuyền của anh khi một cơn gió thoảng qua. Anh không nên ở lại, nếu không cây cỏ ở gần anh sẽ sớm lụi tàn. Tuy vậy, ngay lúc này, anh đang rất ngạc nhiên khi chúng vẫn còn sống và khỏe mạnh. Thiên nhiên thường chết khá nhanh xung quanh anh. Anh ước không có thứ gọi là ma thuật; mặc dù anh biết điều đó thật tuyệt vời đối với nhiều người, nhưng anh ghét nó. Con người thật may mắn, họ không có phép thuật. Nhưng Cyrus là một Fae, một sinh vật huyền bí được sinh ra với một món quà, giống như cô gái, ngoại trừ phép thuật của anh ta không phải là một món quà. Đó là một lời nguyền.

Dalhia đứng dậy và cất cuốn sách. Chàng trai định rời đi, nhưng cô đã nhìn thấy anh trước khi anh có thể biến mất trong bóng tối. Cô đến gần anh, sẵn sàng chào đón anh một cách vui vẻ, trong khi anh sợ hãi vì biết cô sẽ bỏ chạy khỏi anh ngay khi cảm nhận được thứ ma thuật đen tối khủng khiếp tỏa ra từ anh. Anh lùi lại, lo lắng, và cô gái vẫn tiến lại gần hơn cho đến khi cô cách xa hai bước chân. Hơi thở của anh càng lúc càng gấp gáp, rất nhiều người ghét anh vì một sức mạnh mà anh không có quyền lựa chọn.

“Xin chào, tên bạn là gì?” Cô nở nụ cười đẹp nhất mà anh từng thấy.

“Tôi là Cyrus. Còn bạn?” Anh cố gắng mỉm cười đáp lại, và thật ngạc nhiên, nó hẳn đã có tác dụng vì nụ cười của cô càng rạng rỡ hơn. Dalhia nghĩ rằng anh ấy nhút nhát, nhưng vẫn rất đẹp trai.

“Dalhia. Bạn đang làm gì ở đây?”

“Ồ, tôi chỉ đang tận hưởng thiên nhiên của nơi này.” Ngay sau khi nói điều đó, anh nhận ra rằng thiên nhiên đã không chết xung quanh anh lúc này. Nó vẫn như cũ. Tuy nhiên, Dalhia nhận thấy rằng thiên nhiên xung quanh cô không trở nên rực rỡ hơn và hoa cũng không nở.

“Tôi đang đọc sách. Bạn có muốn ngồi cùng không?” Sau đó, cả hai người họ ngồi trên chiếc ghế dài và tiếp tục nói chuyện hàng giờ đồng hồ, cả hai đều không thể hiện được phép thuật của họ. Lần đầu tiên, Cyrus kết bạn và Dalhia cảm thấy được trân trọng vì con người của cô ấy thay vì được ngưỡng mộ vì phép thuật của cô ấy.

Khi Dalhia về nhà vào buổi tối, cha mẹ cô hỏi cô đã ở đâu. Cô biết họ sẽ không thích cô ở bên một người con trai, nhưng cô cũng biết mình không thể nói dối họ. Mẹ cô có khả năng phát hiện những lời nói dối trong khi bố cô cảm nhận được các loại phép thuật khác nhau. Cha cô ấy có thể biết những sức mạnh phép thuật cụ thể nào đã tiếp xúc với cô ấy, điều đó có nghĩa là ông ấy có thể sẽ biết chàng

traí đó là ai. Họ đã không nói về ma thuật của họ sớm hơn và cô ấy hơi tò mò muốn biết anh ấy mang theo ma thuật gì bên mình. Cô kể lại cho cha mẹ nghe một ngày ngọt ngào của mình với Cyrus.

“Ma thuật nào trong người cậu ta?” bố cô ấy hỏi.

“Con không biết, tụi con đã không nói về điều đó” cô trả lời.

“Thật nguy hiểm”, bố cô nói, rồi đưa một bàn tay về phía cô. Cô nắm lấy tay ông và khuôn mặt của cha cô nhăn lại vì kinh hãi.

“Con nên tránh xa cậu ta, ma thuật của cậu ta là một trong những điều hắc ám nhất mà bố từng thấy. Cậu ta mang đến cái chết.”

Cô gái trẻ rất ngạc nhiên, nhưng không nghĩ rằng chàng trai là một kẻ xấu xa. Rốt cuộc, anh ta đã không có quyền lựa chọn ma lực của mình.

Ngày hôm sau, Dalhia quay lại bằng ghế nơi cô gặp Cyrus hôm trước. Anh cũng ở đó, ngồi trên chiếc ghế dài, nhưng khi cô đến gần, cô nhìn thấy cỏ đang úa tàn và những bông hoa thối rữa xung quanh anh. Mặc dù vậy, cô vẫn tiếp tục bước đi cho đến khi cô đối mặt với anh. Anh ngước mắt nhìn cô, ánh mắt đầy xấu hổ.

“Tôi nghĩ sẽ thành thật hơn nếu bạn biết tôi thực sự như thế nào” anh nói và nhìn chằm chằm vào cô. Cô ngồi bên cạnh và nắm lấy tay anh.

“Bạn nói đúng, đó là thành thật. Nhưng điều đó không xác định bạn là ai, và nó không thay đổi những gì tôi nghĩ về bạn.” Chàng trai vô cùng ngạc nhiên trước lòng tốt của cô gái.

“Bạn thực sự nghĩ như vậy, hay chỉ vì bạn tốt bụng?” anh gượng cười hỏi.

“Tôi hoàn toàn chân thành, tôi đã thấy bạn ngày hôm qua tốt đẹp như thế nào. Bạn là bạn của tôi, bất kể phép thuật của bạn. Tôi biết bạn đã không thể lựa chọn nó và tôi biết trái tim bạn trong sáng.” Cô mỉm cười và nháy mắt với anh.

“Có thể hơn một người bạn?” anh nói, nửa đùa nửa thật.

“Chúng ta sẽ xem xét”, cô ấy trả lời với một nụ cười dí dỏm.

“Bạn có nghĩ rằng sức mạnh của chúng ta không thể hiện bởi vì chúng triệt tiêu lẫn nhau khi chúng ta ở bên nhau?” anh ấy hỏi một cách hy vọng. Nếu anh đúng, anh có thể cảm thấy bình thường khi ở bên cô, và cảm giác tội lỗi về việc hủy hoại thiên nhiên sẽ giảm bớt. Anh vẫn lo lắng rằng anh sẽ là gánh nặng cho cô, nhưng sự thật là, Dalhia có thể là chính mình khi ở bên anh thay vì bị định nghĩa bởi ma thuật của cô.

“Tôi nghĩ đó có thể là một trường hợp. Bạn biết đấy, tôi luôn lo lắng mọi người thích tôi vì sức mạnh của tôi mang lại sự sống. Nhưng bạn biết không, bạn đã khiến tôi hạnh phúc bởi bạn thích tôi vì con người của tôi”. Má cô ửng hồng và cô cắn vào môi dưới, cô ấy đã ngại ngùng. Anh bật ra một tiếng cười nhỏ.

Một năm sau, mối quan hệ của họ được định nghĩa là một tình bạn bền chặt và chân chính, và họ đang tận hưởng từng phút giây bên nhau. Mặc dù ban đầu bố mẹ cô không thích Cyrus cho lắm nhưng họ đã bắt đầu chấp nhận con người thật của anh.

Dalhia và Cyrus rời nhà hát sau khi xem bộ phim kinh điển “Jane Austen, kiêu hãnh và định kiến”, sau đó, họ ngồi trong xe để ngắm những vì sao, những vì sao đang tỏa sáng phía trên họ.

“Ai có thể nghĩ rằng người mang ma thuật chết người lại trở thành bạn của người mang phép thuật hồi sinh?” Cyrus nói với cô, chăm chú nhìn vào đôi mắt xanh lục nhạt của cô. Cô nhìn lại anh và cười khúc khích.

Trái tim anh lỡ nhịp, sau vài giây, anh cúi xuống và hôn cô.

TƯỜNG LÂM (dịch)



ANNIE ERNAUX

nữ nhà văn đoạt giải Nobel Văn học

HỒ LONG (dịch từ báo Pháp)

Ngày 6/10/2022 giải thưởng Hòa bình về văn học đã được trao cho nhà văn 82 tuổi người Pháp Annie Ernaux “vì lòng dũng cảm và sự nhạy bén mà bà đã khám phá ra gốc rễ, sự ghê lạnh và những ràng buộc hạn chế chung của ký ức cá nhân”. Phần thưởng kèm theo 10 triệu Couronnes Thụy Điển (khoảng 920.000 euros).

Bà là nhà văn thứ 16 của Pháp nhận giải thưởng Nobel và là nhà văn nữ đầu tiên của văn đàn Pháp có được giải thưởng danh giá này.

Các tác phẩm của tượng đài văn học Pháp này đã được dịch sang 39 ngôn ngữ khác nhau. Gần 50 năm qua, bà đã viết khoảng 20 cuốn sách, lan tỏa và đáp ứng nhu cầu các độc giả mới. Bà theo phe Cực tả, bảo vệ sự tự do của phụ nữ và phẩm giá các giai cấp bình dân.

Từ *Les armoires vides* - *Những chiếc tủ rỗng* (1974) cho đến *Mémoire de fille* - *Hồi ức thiếu nữ* (2016) và *Le jeune homme* - *Chàng trai trẻ* (2022) rồi *La place* - *Một chỗ trong đời* (1983, giải thưởng Renaudot), miêu tả tình dục và các mối quan hệ lãng mạn của bà qua tự truyện *Passion simple* (1992) hay là *Les années* - *Những năm tháng* (2010),

Annie Erneaux - “Tiểu thuyết gia quốc dân” viết hiện thực, không hiệu ứng màu mè để phản ánh cái tôi cá nhân và chính trị hợp nhất xác thực cho sự thật.

“Giải thưởng Nobel là niềm vinh hạnh lớn lao đối với tôi cũng là trách nhiệm nặng nề để tiếp tục theo đuổi và cởi mở hơn với cuộc tuần hành của thế giới, với ước vọng hòa bình mãnh liệt vì tôi là một chiến binh nữ”, Annie Erneaux đã vui vẻ nói trong một cuộc họp báo do nhà xuất bản Gallimard tổ chức tại Paris.

Nêu ra trách nhiệm của chính mình, nhà văn nhận giải Nobel Văn học hứa sẽ “tiếp tục cuộc chiến chống lại mọi hình thức của sự bất công”.

Viết về cuộc sống

Annie Thérèse Blanche Duchesne sinh ngày 1 tháng 9 năm 1940 tại Duchesne, Lillebonne (Seine-Maritime). Bà đã trải qua thời thơ ấu và tuổi trẻ của mình ở Yvetot ở Haute-Normandie. Sinh ra trong một gia đình trung lưu, cha bà là Alphonse Léon Duchesne (1899-1967) và mẹ là Blanche Madeleine Dumenil (1906-1986). Cha mẹ bà là công nhân rồi sau đó mở quán cafe thực phẩm khô. Bà học tại trường đại học Rouen sau đó là Bordeaux. Annie liên tiếp trở thành một giáo viên được chứng nhận, sau đó là thạc sĩ ngôn ngữ hiện đại vào năm 1971. Bà đã làm việc một thời gian cho một dự án luận án tiến sĩ chưa hoàn thành về Marivaux.

Vào đầu những năm 1970, bà giảng dạy tại trường Trung học Bonneville, tại trường Cao đẳng Collège d'Évire ở Annecy-le-Vieux và sau đó vào năm 1977 tại Pontoise trước khi làm việc cho Trung tâm Quốc gia về Giáo dục Từ xa (CNED) tiếp tục sự nghiệp văn chương viết lách.

Vào những năm 1960, bà kết hôn với Philippe Ernaux. Họ có hai con trai: Eric và David (sinh năm 1968). Hai vợ chồng ly hôn vào đầu những năm 1980 sau 17 năm bên nhau.

Annie Ernaux chuyển về sống ở Cergy (Val-d'Oise) từ năm 1975.

Cùng với con trai David, bà giới thiệu bộ phim *Les Années Super 8* (tranh giải Camera d'or) tại buổi lễ Đạo diễn Fortnight của Liên hoan phim Cannes 2022. Một bộ phim tài liệu do con trai bà làm từ kho lưu trữ của gia đình và các văn bản mà bà ký tên. Được chuyển thể từ một trong những cuốn sách của bà, bộ phim *L'événement* (Sự kiện) nhà làm phim Audrey Diwan đã nhận được giải thưởng Sư tử vàng tại liên hoan phim Venise tháng 9/2021. Sau khi bộ phim được phát hành đã thu hút sự quan tâm theo dõi, đặc biệt là một chút tiếng vang cho cuốn sách đã xuất bản năm 2000 kể về việc phá thai bí mật của mình (*L'événement*), kể về ham muốn đam mê với người đàn ông đã có vợ (*Passion simple*), bị kìm chân với việc chăm sóc mẹ mắc bệnh Alzheimer

“Je ne suis pas sortie de ma nuit” (Tôi không thoát khỏi màn đêm). Mỗi một câu chuyện, bà đặt câu hỏi với chính mình với tư cách là một người phụ nữ để làm thước đo cho quá trình chống lại giai cấp hay để chỉ đơn thuần là suy nghĩ về câu chuyện cá nhân mình.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Giải thưởng Renaudot 1983 là ghi nhận của công chúng đối với tác phẩm *La Place* - Cuốn sách thư tư của bà, trong đó bà nói về sự đau đớn và cái chết của cha bà (1967).

Ảnh hưởng bởi tư tưởng của nhà xã hội học Pierre Bourdieu - tác giả cuốn *La distinction* - Sự phân biệt (1979) tác phẩm mà theo bà là “toàn diện và cách mạng”, Annie Ernaux luôn nhấn mạnh rằng bà không hư cấu các tác phẩm của mình. *Écrire la vie* - Viết về cuộc sống “Không phải cuộc sống của tôi, cũng chẳng phải cuộc sống của anh ta, cô ấy, cũng không phải là một cuộc sống” bà đã viết như vậy trong lời nói đầu của cuốn sách. Cuộc sống về bản chất là như nhau đối với tất cả mọi người nhưng chúng ta chiêm nghiệm, cảm nhận bằng cách thức cá nhân khác nhau: cơ thể, sự giáo dục, sự lệ thuộc vào người khác, bệnh tật và thương tiếc...



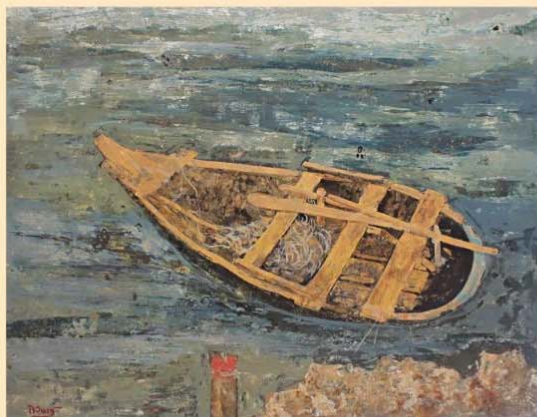
Các tác phẩm của bà Annie Ernaux

Phạm vi ảnh hưởng

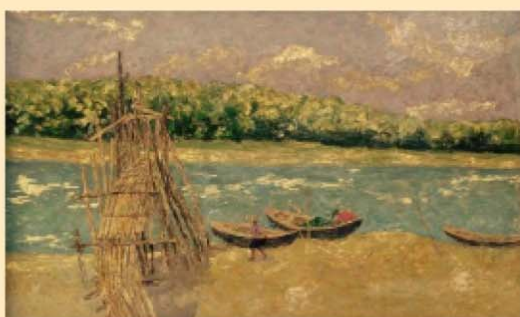
Tổng thống Pháp Emmanuel Macron viết trên Twitter khen ngợi bà Annie Ernaux “là tiếng nói cho quyền tự do của phụ nữ và của những người bị lãng quên trong thế kỉ này”.



Đi qua mùa hạ (acrylic) - HỒ HUY HÙNG



Thuyền câu (sơn mài) - THÁI VĂN AN



Cửa Lạch Vạn (sơn mài) - THÁI VĂN AN



Nét Việt (trổ giấy) - ĐÌNH TRUYỀN



Một sáng bình yên (acrylic) - HỌC HÀ



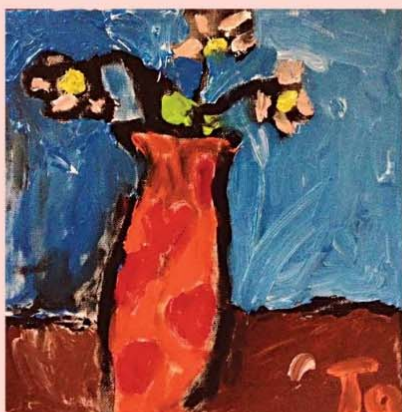
Vượt sông (sơn dầu) - HẢI THỌ



Vui chơi trung thu - THẢO CHI



Hoa mùa thu - QUỲNH LÂM



Tĩnh vật - QUỲNH LÂM



Phong cảnh quê hương - THẢO CHI



Mẹ con - TRƯỜNG HƯNG



Niềm vui ban mai - TRƯỜNG HƯNG

Chiếc ảnh SAU LŨ DỮ

Nhiếp ảnh



Những ngày đầu tháng 10, liên tiếp các trận lũ quét đã khiến nhiều bản làng ở huyện núi cao Kỳ Sơn bị cô lập và tàn phá. Đã có hàng chục ngôi nhà bị lũ cuốn trôi, hàng trăm ngôi nhà bị ngập và hư hỏng, nhiều tài sản của nhân dân cũng trôi theo dòng nước dữ bên cạnh những thiệt hại đáng tiếc về người. Sau một đêm, nhiều người dân trở thành tay trắng...

Nhiếp ảnh gia Xuân Thủy trong chuyến thiện nguyện sau lũ đã ghi lại những khoảnh khắc này tại Kỳ Sơn. Bên cạnh những mất mát tan hoang là những ấm áp tình người, ấm áp sự sẻ chia. Nhiều cơ quan, đoàn thể đã tập trung giúp bà con Kỳ Sơn khắc phục hậu quả lũ quét, mà sáng đẹp nhất là hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ.





Dốc chiều - CUỠNG HOÀNG



Thành thời - QUỐC KHÁNH



Trẻ em vùng cao - HOÀNG NGUYỄN



Đêm trăng - PHẠM BÌNH



Mùa rước biển Quỳnh - NHẬT THANH



Chiều Nam Đàn - HOÀNG TUẤN

Mẹ



Ngõ quê - QUỐC ĐÀN



Bên ô cửa - NGUYỄN ĐẠO



Chợ đầu mối - PHAN TẮT LÀNH



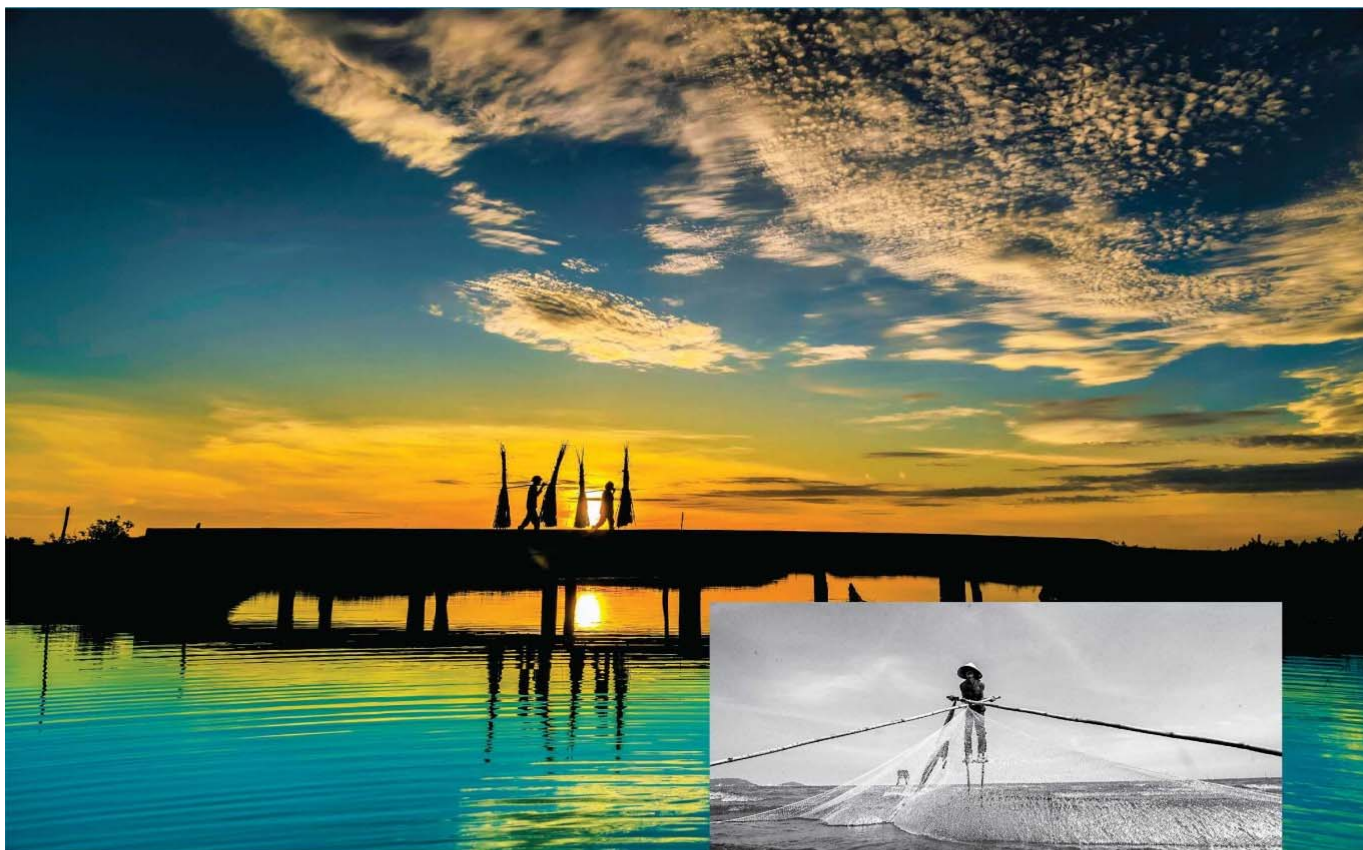
Tráng bánh - NGUYỄN ĐẠO



Làng nồi - NGUYỄN ĐẠO



Trên đê - QUỐC ĐÀN



Bức tranh chiều - NHẬT THANH



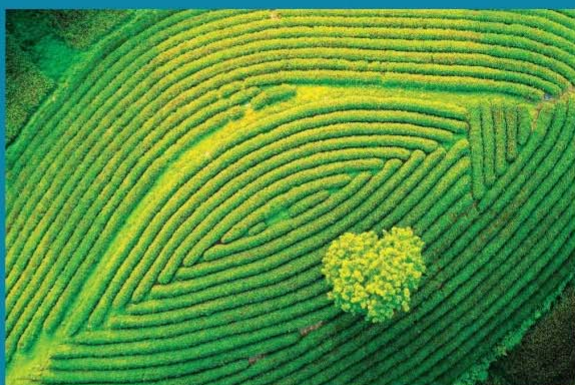
Chân dung biển - QUANG DŨNG



Chiều cửa biển Lạch Vạn - THANH HẢI



Chiều muộn - CHU TRỌNG TUẤN



Mắt chè - NHẬT THANH



Vá lưới - THANH YẾN